

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT QUẢNG NGÃI



Sông Trà

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - PHÊ BÌNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

91-92
BỘ MỚI
2020

VĂN NGHỆ - SỰ KIỆN

- * Nhớ về mùa thu tháng Tám
HOÀNG BÍCH HÀ 03
- * “Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước!”
HỒ NGỌC DIỆP 05

VĂN

- * Thu muộn
CAO TRẦN 09
- * Mái chùa xưa
LÊ TRƯỜNG AN 12
- * Mùa rằm trời
ĐÌNH ĐỨC CẦN 14
- * Tấm bia không chữ ở làng rừng
BÙI VIỆT PHƯƠNG 17
- * Chuyện kể bên thác Ổ Diều
NGUYỄN TAM MỸ 19
- * Mưa
PHẠM VĂN HOANH 26
- * Người đàn ông bí ẩn
DƯƠNG THANH HƯƠNG 30
- * Hút bóng người xưa
LÊ NGUYỄN NGŨ 37
- * Những mảnh đời lam lũ
HOÀNG LAN QUYÊN 45

KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ QUẢNG NGÃI

* Nguyễn Qua Trường - Người vẽ lại những đường bay bụi bặm
MAI BÁ ÁN 59

NGHIÊN CỨU - LÝ LUẬN - PHÊ BÌNH

* M.Bakhtin khác với M. Foucault về quan niệm thân thể
GS.TS PHƯƠNG LỰU 67

* Giải cấu trúc thể loại - Nhìn từ sự tương tác ...
PGS.TS LÊ DỤC TỬ 73

* Thiên nhiên trong cảm quan nghệ thuật của Thạch Lam
TRẦN ĐỨC SƠN 79

* Chất thơ trong truyện đồng thoại Võ Quảng
TRỊNH BÍCH THUY 83

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

* Nguyễn Chí Trung với chiến trường Quảng Ngãi
PHẠM ĐƯƠNG 87

* Cây xanh chờ mãi cơn mưa rào rất lạ
HỒ THẾ HÀ 90

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

* Cái mũi thứ hai
YASHPAL (ẤN ĐỘ) 102

THƠ - NHẠC - ẢNH - MINH HỌA

LÊ THANH HÙNG - PHẠM ÁNH - HÀ QUẢNG - NGUYỄN KIM HUY
- NGUYỄN MẬU CHIẾN - LÊ VĂN THUẬN - NGUYỄN RI VÊ - HOÀNG
THÂN - THANH HẬU - NGUYỄN DUY PHƯƠNG - TRẦN THU HÀ
- MAI MỘNG TƯỜNG - NGUYỄN NGỌC HƯNG - HÀ HƯƠNG
SƠN - NGUYỄN HOÀI ÂN - PHAN BÁ TRÌNH - VÕ THANH KỶ -
NGUYỄN XUÂN DŨNG - HOÀNG THỤY ANH - TRẦN CAO DUYÊN
- TRẦN CÔNG NGHỊ - QUỐC NAM - NGỌC NAM - TẤN THÀNH -
ĐĂNG LÂM - LÊ VĂN QUÝ - NGỌC BÌNH ...

Sông Trà * Số 91 - 92 (Bìa mới) - 2020

Tổng Biên tập:
MAI BÁ ÁN

Ban biên tập:
TRẦN XUÂN TIÊN
NGUYỄN ĐĂNG LÂM
TRẦN THANH TÁNH

Trình bày:
MAI TUẤN VŨ

• Tòa soạn: 68 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi
* Điện thoại: 0255. 3826790
* Email: tapchisongtra@gmail.com

• Giấy phép xuất bản số: 666/GP - BTĐTTT
do Bộ Thông tin & Truyền thông cấp ngày
29 tháng 12 năm 2017.

• In tại Công ty TNHH MTV In Bình Định.
VPĐD tại Quảng Ngãi: 368 Lê Lợi, TP.
Quảng Ngãi. ĐT: 0255. 3713268.

Nhớ về mùa thu tháng Tám

○ HOÀNG BÍCH HÀ

Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945, đã tạo nên một dấu ấn lịch sử mùa thu của một dân tộc, “*Rũ bùn đứng dậy sáng lòa*”, đó là một sự kiện vĩ đại, đã xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân, mở ra một kỷ nguyên mới đối với dân tộc Việt Nam.

Hằng năm, khi tờ lịch chuyển sang tháng Tám, là mỗi độ thu về, người dân Việt Nam lại dâng trào những cung bậc cảm xúc yêu thương xen lẫn niềm tự hào khi nhớ về Mùa Thu Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Mùa Thu năm ấy, cả dân tộc từ Bắc chí Nam triệu người như một, đã vùng lên làm một cuộc cách mạng, chống lại thực dân, phong kiến, giành lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc. Hiếm có đất nước nào lại có hai mùa thu như dân tộc Việt Nam: Mùa Thu Thiên Nhiên và Mùa Thu Cách mạng Tháng Tám. Đó cũng là

mùa thu “*Mây của ta trời thắm của ta / Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa / Đã tan tác những bóng thù hắc ám...*” (Ta đi tới - Tố Hữu)). Một mùa Thu xanh thắm đất trời và một mùa thu rạo rực lòng người. Mùa Thu Cách mạng Tháng Tám còn là một mốc son lịch sử chói lọi, một bản anh hùng ca của dân tộc.

Cách đây tròn 75 năm, ngày 19 tháng 8 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu, cả dân tộc Việt Nam triệu người như một, nhất tề vùng lên tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân. Sáng 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước cuộc mít tinh của gần một triệu đồng bào, Bác Hồ thay mặt Chính phủ Lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước quốc dân và

thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời. Bản Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện lịch sử có ý nghĩa vô cùng trọng đại đối với vận mệnh của dân tộc. Đồng thời là bản hùng ca thắng lợi kết thúc một thế kỷ ngoan cường chống thực dân và phong kiến, mở ra một kỷ nguyên mới trên đất nước ta. Thắng lợi của Cách mạng Tháng tám năm 1945 đã đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ, trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng tám đã chính thức chấm dứt ách đô hộ hơn 80 năm của thực dân Pháp đối với nước ta, mở ra một kỷ nguyên độc lập và cũng từ đó mở ra mối quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới với tư cách và vị thế của một quốc gia, dân tộc có độc lập, có chủ quyền. Đánh giá về ý nghĩa lớn lao này, Bác Hồ đã khẳng định: *“Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần 100 năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây nền tảng cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử của nước ta”* (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, Nxb. CTQG Sự Thật, HN 2011, Tr 26). Trong thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp Kỷ niệm

Cách mạng tháng Tám, ngày 19 tháng 8 năm 1947, Bác Hồ đã viết: *“Cách mạng Tháng Tám đã giải phóng đồng bào ta ra khỏi chế độ quân chủ chuyên chế và xiềng xích thực dân”*. Mặt khác, *“Cách mạng Tháng Tám đã xây dựng cho nhân dân ta cái nền tảng Dân chủ Cộng hòa và thống nhất độc lập”* (Sđd, tập 5, tr.218).

Đã 75 năm trôi qua nhưng chúng ta vẫn cứ ngỡ như đang được sống lại những ngày lịch sử tung bừng ấy. Những ngày mà nhà thơ Tố Hữu, đã say đắm trong niềm vui bất tận: *“Ta đi dưới 4000 năm lịch sử / Hôm nay tràn hoa đỏ nhụy vàng tươi / Ta đi đây với thế kỷ 20 / Mạch sống trẻ trong dòng người vô địch”*. Thời gian đã lùi xa ba phần tư thế kỷ nhưng tầm vóc ý nghĩa thắng lợi, bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám vẫn còn nguyên giá trị và ngày càng tỏa sáng. Đó là một trong những trang sử chói lọi nhất trong lịch sử của dân tộc ta, một dấu mốc lớn trên con đường phát triển trong suốt chiều dài mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Đã 75 năm trôi qua (19/8/1945 - 19/8/2020) nhưng mùa thu Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mãi là niềm tự hào của Đảng, của quân và dân ta trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hôm nay♦

“Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước!”

○ HỒ NGỌC DIỆP

Những ngày mùa Thu cách mạng đầu tiên, đứng giữa kinh thành Huế, Tố Hữu thấy xung quanh là cả một biển cờ màu đỏ sao vàng năm cánh - sự hân hoan của nhân dân chào đón chế độ mới sau gần một thế kỷ nén đau thương dưới gót giày đế quốc, vỡ oà cảm xúc, đã viết bài thơ “Huế tháng Tám”. Trong bài có những câu: *“Gió ơi gió! hãy làm giông làm tố /.../ Vàng vàng bay, đẹp quá, sao sao ơi!”*. Đó cũng là những câu thơ hay nhất về lá cờ Tổ quốc của chúng ta.

Theo điều 141 Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nước ta có hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có sao vàng năm cánh. Ý nghĩa của lá cờ Tổ quốc có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng cách hiểu chung nhất là: Nền cờ đỏ tượng trưng cho cách mạng, là màu máu, màu chiến thắng của

nhân dân và chiến sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc. Màu vàng là màu tượng trưng về con người và dân tộc Việt Nam, màu của cảnh huy hoàng, thắng lợi. Năm cánh sao tượng trưng cho năm giai tầng cơ bản trong xã hội: Sĩ, nông, công, thương, binh. Năm cánh ấy cùng đan kết sức mạnh trong đại gia đình Việt Nam.

Kế thừa nhiều yếu tố trong lịch sử dân tộc và thế giới, một lá cờ đỏ sao vàng giản dị, giàu biểu cảm, xuất hiện lần đầu tiên trong Khởi nghĩa Nam Kỳ (1940), sau đó trở thành lá cờ của Việt Minh. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, lá cờ đỏ sao vàng ấy xuất hiện trong lễ Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Quảng trường Ba Đình. Ngày 5/9/1945, trong sắc lệnh số 5, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp ký thay Chủ tịch Chính phủ lâm thời, quy định: Bãi bỏ cờ quẻ ly.

Cờ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có hình chữ nhật, màu đỏ và ngôi sao 5 cánh vàng tươi, bề ngang bằng 2/3 chiều dài. Ngôi sao ở trung tâm nền cờ, có 5 góc lồi và 5 góc lõm. Quy định này được Quốc hội khoá 1 năm 1946 khẳng định lại. Trong cuộc họp Quốc hội ngày 2 tháng 3 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *“Lá cờ này đã cùng phái đoàn Chính phủ đi từ Châu Á sang Châu Âu, từ Châu Âu về Châu Á; cờ đã có mặt trên khắp đất nước Việt Nam. Vậy thì trừ 25 triệu đồng bào, còn không ai có quyền thay đổi Quốc kỳ và Quốc ca cả”*.

Cờ Tổ quốc được xuất hiện từ Khởi nghĩa Nam Kỳ, nhưng ai là người đã thiết kế cờ Tổ quốc, đến nay vẫn chưa có kết luận chính thức. Nhiều người vẫn cho rằng, nhà cách mạng Nguyễn Hữu Tiến (quê Hà Nam), Xứ uỷ viên, phụ trách ấn loát của Xứ uỷ Nam Kỳ là người thiết kế lá cờ làm hiệu chuẩn trong Khởi nghĩa Nam Kỳ, được các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ... chuẩn y. Trước khi bị bắt và bị giết hại ngày 28/8/1941, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến đã có một bài thơ về lá cờ như sau: *“Hỡi những ai máu đỏ da vàng/ Hãy chiến đấu với cờ thiêng Tổ quốc/ Nền cờ thấm máu đào vì đất nước/ Sao vàng tươi da của giống nòi/ Đứng lên mau hồn nước gọi ta rồi/ Hỡi sĩ - công - nông - thương - binh/*

Đoàn kết lại như sao vàng năm cánh”. Trước lúc hy sinh, Nguyễn Hữu Tiến vẫn dặn lại: *“Anh em đi trọn con đường nhé/ Cờ đỏ sao vàng sáng tươi lại”*.

Nhưng, chuyện đồng chí Nguyễn Hữu Tiến thiết kế lá cờ chưa được công nhận chính thức. Theo Công văn 1393/VHTT-BTCM do Thứ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin Lưu Trần Tiêu ký ngày 18/4/2001 thì, trong các thông tin lưu trữ của Cục Lưu trữ Trung ương Đảng, Bảo tàng cách mạng, Bảo tàng Hồ Chí Minh... đều không có tài liệu nào chứng minh đồng chí Nguyễn Hữu Tiến là người thiết kế cờ Tổ quốc.

Gần đây có một số thông tin khác, cho rằng đồng chí Lê Quang Sô là người thiết kế cờ Tổ quốc. Việc này cần sự thẩm định, khẳng định sớm và thông báo rộng rãi của cơ quan có thẩm quyền.

Năm 1942, gần một năm trở về Tổ quốc, sau hơn 30 năm bôn ba đi tìm đường cứu nước, một hôm, Bác Hồ trèo lên dãy núi Lũng Dê - Cao Bằng. Thiên cảnh ban mai ở đây đập vào mắt Người và Người đã viết bài thơ “Thương Sơn” bằng chữ Hán như sau:

*Lục nguyệt nhị thập tứ
Thương đáo thử sơn lai
Cử đầu hồng nhật cận
Đối ngạn nhất chi mai.*

Nhà thơ Tố Hữu đã dịch bài thơ ấy như sau: *“Hai mươi tư tháng sáu/ Lên ngọn núi này*

*chơi/ Ngẩng đầu: mặt trời đỏ/
Bên suối một nhành mai”.*

Có người đã nhận xét rằng, đây là hình ảnh lá cờ Tổ quốc Việt Nam mà Người đã chấp nhận để rồi sẽ thông qua Chính phủ, công bố trước quốc dân và trước tiên là sẽ tung bay trên lễ đài ngày Tuyên ngôn độc lập. Sở dĩ có lập luận này, vì lẽ, trong hai câu cuối của bài thơ trên, hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng được Bác tô đậm: “Cử đầu hồng nhật cận” (dịch nghĩa là: ngẩng đầu lên, thấy cả một vùng trời đỏ) và “Đối ngạn nhất chi mai” (dịch nghĩa là bên suối một nhành mai). Ở Cao Bằng mùa này làm gì có hoa mai? Hoa mai chỉ ưa khí hậu ấm áp. Hoa mai thường có màu vàng và khi nở thì xoè 5 cánh. Vậy nên: “Nhất chi mai”, “Hồng nhật cận” rất có thể là hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng năm cánh mà Bác Hồ muốn đề cao.

Lá Quốc kỳ từ khi ra đời cũng đã có sự thay đổi về hình múi ngôi sao. Theo nhiều nguồn tài liệu, Lá cờ năm 1940 trong cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ có cánh sao thon, sắc cạnh như hiện nay. Nhưng trong thời kỳ Mặt trận Việt Minh, lá cờ có múi sao rộng (mập) hơn. Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá 1, tháng 11/1946 đã biểu quyết thông qua mẫu này. Đến kỳ họp thứ 5, Quốc hội khoá 1, tháng 9 năm 1955, Bộ tuyên truyền thay mặt Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa chi tiết Quốc kỳ: múi sao phình ra, nay sửa

cho thon lại. Năm góc thẳng đều nhau, như vậy sẽ dễ hơn, đơn giản hơn... Quốc hội đã giao cho một tiểu ban nghiên cứu và nhất trí đề nghị của Chính phủ sửa cánh sao cho thon lại, các nét thẳng đều nhau.

Lịch sử 80 năm (1940 - 2020) của lá cờ đỏ sao vàng đã gắn bó với lịch sử đất nước, với nhân dân. Ngày nay, người Việt Nam nào cũng có quyền tự hào về lá cờ chứa chất tâm hồn, chí khí mình trong đó. Lá cờ đỏ sao vàng từ Khởi nghĩa Nam Kỳ đã tung bay trên Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945, cùng với “Tiến quân ca” của nhạc sĩ Văn Cao vang lên hùng tráng, lá cờ ấy cũng phần phật bay cùng gió ngàn Việt Bắc. Lá cờ ấy, sau 14 năm ra đời, đã được tung bay ở Lòng chảo Mường Thanh (Điện Biên Phủ), báo hiệu sự thất bại hoàn toàn của thực dân Pháp ở Đông Dương, cũng là sự cáo chung của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên phạm vi toàn thế giới. Do đặc điểm lịch sử, năm 1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, do đồng chí Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, đã đoàn kết các lực lượng yêu nước ở miền Nam, đấu tranh chính trị kèm vũ trang rồi vũ trang kết hợp chính trị để đánh đuổi Mỹ ngụy, giải phóng miền Nam. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã lấy lá cờ đỏ, nửa xanh, có nền là sao vàng năm cánh làm cờ

chính thống của mình. Đó là lá cờ sách lược của cách mạng Việt Nam. Trong trường ca “Nước non ngàn dặm”, nhà thơ Tố Hữu đã từng ngợi ca về lá cờ này:

Lá cờ nửa đỏ, nửa xanh / Màu đỏ của đất, màu xanh của trời / Ngôi sao chân lý của đời / Việt Nam, vàng của lòng người hôm nay.

Đến trưa ngày 30/4/1975, lá cờ nửa đỏ nửa xanh có sao vàng ở giữa đó đã tung bay trên nóc Dinh Độc lập, thu giang sơn về một mối. Đồng thời nó cũng chấm dứt vai trò lịch sử sau 15 năm tồn tại của mình.

Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết trong bài “Việt Nam máu và hoa”:

Lá cờ này là máu là hoa

Của ta, của loài người, vô giá.

Dưới lá cờ thiêng liêng, bao năm qua dân tộc ta đã tiến những bước dài trong lịch sử. Lá cờ đỏ sao vàng đã và đang tung bay ở hầu khắp các quốc gia, châu lục, các tổ chức quốc tế lớn. Cờ thiêng làm hiệu lệnh cho cả dân tộc ta tiến lên cùng nhân loại.

Tình yêu Tổ quốc của mỗi con người, trong đó có sự khởi nguồn từ tình yêu lá cờ nước. Đó là một tình yêu thiêng liêng và nghiêm cẩn. Bởi vậy, sáng nào, trên sóng truyền hình quốc gia cũng truyền đi hình ảnh lễ chào cờ đầu ngày của toàn dân, được tiến hành tại Ba Đình, trước lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

trong tiếng nhạc Quốc ca hùng tráng. Và mở đầu một Đại hội, Hội nghị, buổi lễ lớn nhỏ nào, chào cờ và hát quốc ca bao giờ cũng là một thể thức được tiến hành uy nghi, trang trọng. Mọi người phải chỉnh đốn tư trang, cất mũ nón trước khi chào cờ. Khi quốc ca cử lên, một người phải nghiêm trang, mắt hướng lên lá quốc kỳ. Riêng các chiến sĩ, tướng lĩnh trong các lực lượng vũ trang phải đồng loạt, cùng lúc, đưa tay ngang tai để chào. Làm điều đó là biểu thị lòng yêu Tổ quốc. Vừa qua, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã quy định tất cả các trường học trong buổi chào cờ đầu tuần, mọi người đều phải hát quốc ca bằng lời, thay cho nhạc cử như trước đây. Hàng năm, nhà nước ta bỏ ra hàng chục tỷ đồng để may quốc kỳ trang bị cho các gia đình, cơ sở, tổ chức ở các tỉnh biên giới, nhất là các tàu thuyền ngư dân đánh cá khắp trên biển Đông của Tổ quốc để dương cao cờ ở dọc biên giới đất liền và trên biển Tổ quốc khi họ đang ngược xuôi đánh bắt hải sản trong vùng biển của mình. Quốc kỳ, hồn thiêng dân tộc. Chào cờ, hát quốc ca là biểu thị lòng yêu nước của mọi người.

“Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước”, một đoạn lời trong “Tiến quân ca”, quốc ca nước Việt, tác giả Văn Cao đã nói rõ sự thiêng liêng của lá cờ Tổ quốc Việt Nam thân yêu như thế♦

Thu muộn

○ Tản văn CAO TRẦN

Buồn sáng tôi hay ngồi cà phê Cổ Mộc, một góc thành cổ Quảng Ngãi thuở xưa. Một dãy nhà rường tuổi có đến hơn trăm năm với tháp thoáng vài dáng áo nâu dường như níu kéo thời gian đi chậm lại. Ngày lại ngày vẫn thế nhưng bỗng một hôm tôi nhận ra điều khác biệt. Đó là lúc có tiết thu về chung quanh chỗ tôi ngồi.

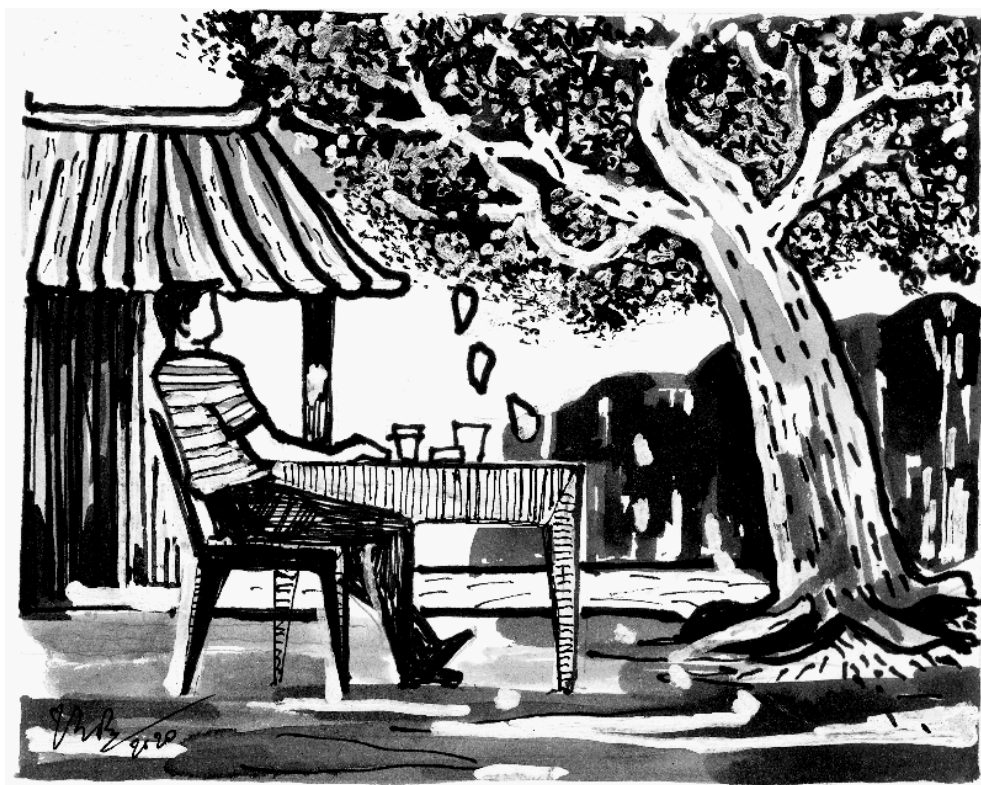
Ai cũng bảo miền Trung làm gì có xuân hạ thu đông, chỉ có hai mùa nắng nôi rất mặt và mưa lũ dập vùi. Có đấy, không như đất Bắc thu về có gió heo may thổi qua làm rung nhẹ bờ vai thiếu nữ. Miền Trung có thu về rất khẽ, rất nhẹ với từng chiếc lá rơi trong tiết trời se se lạnh. Thu về bầu trời miền Trung thoáng rộng thêm, với với những áng mây bay về nơi xa lắm.

Chiếc lá không có khuôn mặt mùa thu mà giống như cuộc đời mỗi người có sinh, trụ, dị, diệt theo lẽ vô thường của Phật. Lưu chuyển và biến dịch, chẳng có gì là thường trụ bất biến. Và cũng

giống như phận người, mỗi chiếc lá khi về với cội đã mang theo biết bao điều bí mật của bầu trời xanh. Mùa thu gió thổi lá bay. Chẳng có gì làm đảo ngược quy luật thời gian vậy mà sao lòng ta vẫn vấn vương hoài những điều xưa cũ.

Mùa thu của đất trời và mùa thu của đời người có nhiều khác biệt nhưng có điểm tương đồng giống sắc mây vàng ánh lên trong buổi chiều tà. Thu của tạo hóa có nỗi buồn của sự thanh tao. Thu của đời người như dấu mốc báo hiệu sự chia xa không hẹn trước. Cũng không hẳn là sự níu kéo, tham giữ mà giống như nỗi sợ bị chìm khuất, bị lãng quên trong vô tình, vô vọng của kiếp nhân sinh.

Tôi có vài anh bạn tuổi đã vào độ thu muộn nhưng trong đầu vẫn còn rạo rức biết bao là dự án làm du lịch cộng đồng, trồng sâm dược liệu trên non cao, viết sách để gặt vụ mùa tri thức... Chẳng biết là thành hay bại nhưng hình như cái đích cuối cùng của những “lãng tử” ấy chỉ là để thoải chí, để được



Minh họa: LÊ VĂN QUÝ

sống hết mình với những đam mê thuở còn nhỏ dại. Thôi thì được sống, được làm điều mình thích đã là hạnh phúc lắm rồi.

Mang tuổi trẻ lao vào đời kiếm tìm áo cơm, một chỗ đứng, chút danh vọng hão, đến khi ngoảnh lại, thu đã về tự bao giờ. Tóc đã bạc, đã rụng nhiều, mắt đã mờ, chân đã mỏi. Nuối tiếc hay thở than cũng chẳng được gì. Đời người khi đã vào thu, được gì thì cũng đã được rồi, còn chuyện mất mát hẳn là không ít và cũng sẽ đối mặt với những gì nào ai biết trước. Tuổi vào thu thường hiểu được nỗi đau đời người, vì vậy mà bớt ích kỷ hơn, rộng lượng hơn và vị tha hơn. Những mê chấp, mê loạn cũng chẳng còn trói buộc. Có

những chuyện thời trẻ thấy to tát, bây giờ nghĩ lại thấy không là gì cả hoặc nhẹ nhõm hơn. Một là thật tròn đầy, viên mãn, hai là thật hao khuyết, không có chuyện nửa vời. Thì ra con người khi đã luống tuổi, đã vào cõi thu muộn vẫn còn học được nhiều điều, chiêm nghiệm được nhiều lẽ trần gian cay đắng, thật thà.

Khi những ưu tư đầy lên, khi những từng trải dày lên, khi đã hiểu ra làm mình ngỡ ngàng, khi đối diện với bóng mình trên vách, khi những cơn độc thoại không còn lời, con người chỉ biết lặng im ngắm nhìn mùa thu đến. Mùa thu như vũ khúc thời gian len nhẹ vào mỗi con người, mỗi cuộc đời để lại nhiều cảm xúc bất

chợt và khác lạ.

Người ta bảo mùa thu là mùa của tình yêu và sự giao cảm, mùa của thời gian gõ nhịp trên mái ngói rêu phong. Nhưng cơn mưa bất chợt theo gió heo may về gợi ta nhớ một thời đã xa, miền đất đã qua, những người đã gặp.

Mùa thu cũng là mùa của những nhớ tiếc không nguôi. Bầu trời dường như cao hơn, lồng lộng, có những áng mây trôi lang thang hình như từ mùa hạ chuyển sang thu. Lá bắt đầu rơi rụng từng chiếc như thả vào không gian những nốt nhạc không lời. Có những cơn mưa như rắc bụi, đan nhẹ kín trời, ru con người chìm sâu vào cõi tĩnh lặng, mơ hồ.

Mùa thu của đời người có nhiều đổi thay rất lạ. Sức khỏe bắt đầu tuột dốc. Đời sống tâm hồn trở nên mẫn cảm và dễ bị tổn thương hơn bao giờ hết. Đêm cũng dài hơn, giấc mơ đẹp thưa dần, thay vào đó là sự tỉnh thức bất chợt. Những nỗi nhọc nhằn đã dần nhẹ bớt, buông bỏ đã nhiều nhưng ưu phiền đâu đã hết. Kiếp người có tham, sân, si đâu dễ tìm sự an nhiên, thích thoả.

Cách đây mấy năm, đi họp lớp, gặp nhau ai cũng mừng. Hơn bốn mươi con người, sau gần bốn mươi năm chỉ rụng một, thế là quá phúc. Nhưng khi có bạn bảo lớp mình một người nữa sắp ra đi, ai cũng buồn. Không ai nói với ai điều gì nhưng những bàn tay lại tìm đến nhau, siết nhẹ. Cử chỉ thật đơn giản nhưng là thông

điệp cảnh báo: Thu rồi đó thôi! Cây đã rụng mình, lá đã bắt đầu quay hướng về cội, ai biết ai còn được bao mùa thu nữa?

Mỗi giai đoạn trong đời người là một sự khác biệt về cảm xúc và tâm hồn. Bốn mươi năm trước, thưở còn là sinh viên, xem Mùa thu vàng của họa sĩ đại tài Levitan, tôi mê mẩn với sắc vàng rực và chẳng tìm thấy được nét đượm buồn nào trong tranh vẽ. Vẫn Mùa thu vàng rực rỡ nhưng xem lại khi tuổi đã vào thu là một cảm xúc khác biệt. Những lùm cây lá đã ngả vàng vẫn vậy, con suối nhỏ trong vắt in bóng mây vẫn thế nhưng chất đầy không gian mùa thu là nét đượm buồn tinh khiết. Lùm cây cùng con suối đều nhẹ nhàng, an nhiên theo quy luật thời gian lặng lẽ như không gì có thể ngăn lại được. Xem tranh mới chợt hiểu ra mùa thu mang đến biết bao dự cảm, cả những băng khuâng, nhớ tiếc, ngậm ngùi. Xem tranh mới hiểu mùa thu là mùa của những dự cảm mơ hồ.

Vậy đó, mùa thu đem đến nỗi buồn rất nhẹ, man mác giúp ta hiểu được đời người thật mong manh. Như khói mây ban chiều. Như chiếc lá trên cành xanh từ nọ, xanh màu trời xanh rồi từ từ úa vàng lắt lay chờ cơn gió vô tình tiễn đưa về cội.

Cảm ơn mùa thu đất trời đã nhắc ta nhớ đến mùa thu đời người để sống tiếp một kiếp lá vàng không - dễ - phai - phai♦

Mái chùa xưa

○ Tản văn LÊ TRƯỜNG AN

Ngoi chùa ở gần nhà tôi. Nó giống như cái am nhỏ một gian hai chái nhìn ra cánh đồng. Ở xóm tôi, ngoài cái sân đội để phơi lúa chung thì ngôi chùa là nơi bà con thường gặp mặt để thấp một cây nhang, cầu nguyện điều chi hoặc ngồi hóng gió, nói đôi ba câu chuyện. Chiều chiều hay sáng sớm, cả xóm nghe chung một hồi chuông cũng cảm thấy như lòng thư thái.

Đó là cảm nhận của người lớn. Còn bọn trẻ con chúng tôi không thích ngôi chùa vì lẽ đó mà vì ngôi chùa có bãi cỏ rộng và rợp bóng cây xanh mát. Thích nhất là mấy chậu cảnh nho nhỏ, xinh xinh trong vườn chùa. Có mấy chú hươu được uốn từ bụi cây sùm sùm đạp chân xuống đám lá vàng khô. Có Đức Thích Ca Mâu Ni ngồi tọa thiền dưới tán bồ đề rậm rạp, thân cây gân guốc và chùm rễ chằng chịt dấu thời gian, cả cụm cảnh nhỏ nhắn đó được đặt trên hòn giả sơn, soi bóng xuống bể nước xanh rêu, nơi có mấy chú cá vàng nhón nhờ bơi lội. Những cảnh ấy có được là nhờ công sức tỉ mẩn của một vị

sư già giữ chùa. Nhưng cảnh làm chúng tôi thích nhất là cây xoài tượng cổ thụ phía trước chùa. Cây như cái bình phong án ngữ cho chùa, cây cho bóng mát và tất nhiên cũng cho quả. Cái thềm của chúng tôi không đợi được đến mùa quả chín. Khi xoài mới vừa tượng hột, từng quả to bằng nắm tay như hàng nghìn chiếc lồng đèn màu xanh ngọc treo lên là lúc ánh mắt của chúng tôi bị kéo lên trên và cổ họng không ngăn được sự khát thèm. Xoài tượng non giòn tan, chua chua, ngọt ngọt đem chấm muối ớt xanh... ăn ngon tuyệt. Những lúc đó vị sư già không bao giờ cấm cản chúng tôi mà đem cần sào ra khều giúp hoặc nhắc nhở chúng tôi leo trèo cẩn thận.

Thời gian trôi qua, không ai nhận thấy sự thay đổi mỗi ngày của mái ngói rêu xanh, dàn cột kèo màu nâu xỉn và Đức Phật bao năm vẫn ngồi trầm mặc trên tòa sen. Cũng như chúng tôi không bao giờ nhận thấy mình lớn lên từng ngày. Cấp một, cấp hai rồi cấp ba. Cái thời mà chúng tôi ở với bạn bè nhiều hơn ở với cha mẹ, ở chùa nhiều hơn ở nhà.

Cái thời chúng tôi học bài trên lưng trâu và đá banh trên đồng ruộng rạ. Ngày ăn cơm rau dưa, tháng mới có đôi ngày mười lăm, mừng một được có thêm đậu khuôn, phù chúc, mít kho và đậu cô ve xào. Tối đến quây quần làm bài bên ngọn đèn dầu và cùng ngủ trên một cái ván gỗ chông chênh. Ngoài trời mưa, mền không đủ đắp, không ngủ được, rúc rích kể cho nhau nghe những câu chuyện vui lúc ban ngày. Thời đó chúng tôi nào đã nghĩ đến tương lai...

Vậy mà đến lúc chúng tôi cũng phải xa rời tuổi thơ, xa rời nhau, xa rời ngôi làng có mái chùa nhỏ để đến nơi cần đến. Những ý nghĩ trong trẻ bé thơ được thay bằng những niềm lo toan khác như mọi người. Trong những tháng năm đó, ngôi chùa cũng chuyển mình thay đổi cho hợp với thời cuộc. Sư già đã viên tịch rồi. Giáo hội cử sư khác về trụ trì. Số người mộ đạo tăng lên theo cấp số nhân, và có vẻ như Phật tử thời nay giàu có hơn hẳn thời trước, đến nỗi người vô tư cũng có lúc tự dưng thắc mắc: nhờ mộ đạo mới giàu hay chỉ những người giàu mới mộ đạo? Chỉ biết là để có đủ chỗ, người ta phải thu mua những khu nhà lân cận để mở rộng khuôn viên chùa. Chánh điện một gian hai chái bị đập đi và xây mới bằng đại điện ba gian hai chái, kết cấu bê tông cao sừng sững. Các công trình phụ trợ đi theo gồm nhà tăng, nhà tổ, lầu chuông, gác trống, học đường, trai đường... tòa ngang lối dọc. Trong điện, tượng Phật đất nham

xưa cũng được thay bằng tượng Phật sơn son rực rỡ, tỏa hào quang sáng loáng. Ngoài vườn, các mảng cỏ xanh được lát gạch đỏ au, diện tích được che bằng tàng cây xanh nay lợp mái tôn. Hàng rào chèn tàu xanh mượt năm nào được thay bằng tường xây gạch cao hút mắt. Và tiếc nhất là cây xoài cổ thụ bị chặt đi để xây một cái cổng tam quan hoành tráng, lợp ngói lưu ly và trên đỉnh mái có một đôi rồng châu sơn son thếp vàng, mắt trũng dữ tợn...

Những ngày lễ lạt, khách tới đông, xe con nối hàng dài trên đường bê tông. Người ta vồn vã bắt tay nhau, có người huênh hoang, lại có người khúm núm và giai cấp hiện rõ lên ngay cả trong một mâm ăn. Người ta đến để tìm cảm giác thanh tịnh chốn thiền môn, để sám hối hoặc để cầu xin một điều gì? Chẳng biết, cũng chẳng cần biết, chỉ biết là người ta cần đến đó, và phải đến đó. Trong số đông đó cũng có một số bạn bè tôi ngày xưa. Tôi cũng muốn đến đó để gặp bạn bè và thăm lại nơi tôi đã có một thời gian dài gắn bó. Song tôi ái ngại khi gặp những người mới và nói những câu chuyện ôn ào, và nhất là tôi hẳn phải khó khăn khi cố đem khung cảnh ngày xưa để gán ghép vào không khí bây giờ. Và tôi sợ mình lạc lõng. Có lẽ tôi chọn cách một mình thưởng thức những kỷ niệm êm đềm, dù nó chỉ là những cảnh tượng được vẽ trong tâm trí tôi thôi, nhưng nó rất là trọn vẹn ♦

Mùa rạm trôi

○ Tản văn ĐINH ĐỨC CÀN

Mấy hôm may trời trở nóng đã vào đầu hè tôi bỗng nồn nao nhớ mùa rạm trôi. Cứ vào cỡ giữa tháng 6 âm lịch quê tôi gọi là mùa rạm trôi. Lúa chiêm đang thì con gái và làm đồng. Sau khi ăn phần lúa, đồng lúa, tôm tép, cá, cua, rạm... lúc này béo nhất. Rạm cái nhiều con yếm ăm ắp trứng. Về cơ bản con rạm giống con cua đồng, nhưng mình nó đẹp hơn, hai càng của nó nhỏ hơn càng cua. Màu mai xanh rêu sẫm. Gạch trong mai đỏ au chứ không nhợt nhạt như gạch cua.

Thời gian này đang giữa mùa mưa. Nước dâng đầy sông ngòi, kênh rạch, đồng ruộng cũng là lúc lũ rạm kết thành những bè nhỏ trôi lơ lửng, lúc chìm lúc nổi theo dòng nước. Chúng mọc chân, càng vào nhau. Con ngang, con dọc, con trên, con dưới. Những con to khỏe chân thường có một lớp lông tơ. Có lẽ đó là những con đầu đàn. Phải chăng sau những ngày “ân ái” để duy trì nòi giống, nhằm “lại quả tình yêu” nên chúng thân mật xoắn xuýt vào nhau trước khi chia

tay? Đặc biệt là vào những đêm trăng suông rạm trôi nhiều hơn. Chẳng phải nhọc công móc từng lỗ như móc cua. Người ta đón các bè rạm ven sông ngòi, kênh rạch dùng vợt mà vớt lên. Nhiều nhà có kinh nghiệm dùng đăng giăng ở cửa ngòi, cửa kênh đổ ra sông thu được hàng chục thúng trong một đêm. Chợ quê tôi khi đó thôi thì “trên gờ dưới rạm”. Bán như cho mà vẫn ế, vì nhiều nhà đều vớt được rạm.

Vào mùa rạm trôi, các chị tôi sàng sái lo giỏ to, giỏ nhỏ, vợt đi xúc rạm. Mang về u tôi nhốt chúng vào những chiếc nồi ang đất nung to bằng chiếc thúng đựng lúa. Lấy phen tre đan dày nắp ang chặn viên gạch lên để chúng không chồng nhau đội phen bò đi.

Để chế biến món rạm có 2 cách chính. Sau khi xóc sạch vật hết chân cho vào cối giã nhỏ, lọc lấy nước để nấu canh mướp và rau đay đỏ. Phần thân rạm tách mai, bỏ yếm. Ngoáy hết gạch trong mai và trứng ở yếm cho vào bát con. Lần lượt lật ngửa bụng rạm (vài con một) cho vào cối nhẹ tay



Minh họa: NGỌC BÌNH

giã vài nhịp sao cho thân rạm chỉ hơi bị dập mà không nát. Cho mỡ vào chảo cho thật nóng, phi hành thái nhỏ cho thật thơm rồi cho rạm vào đảo, đẩy vung hãm lửa nhỏ vài phút. Sau đó nêm mắm muối cho vừa miệng và gạt một ít gạch, trứng rạm vào (số còn lại để cho vào nồi canh) đun vài phút rắc hành hoa thái khúc đảo đều rồi bắc ra là đã có món rạm rim thơm ngon. Cơm gạo mới ăn với rạm rim, thì thôi rồi! Tai nghe tiếng vỡ ra giòn giòn thân rạm qua hàm răng, lưỡi nhâm nhi vị bùi béo ngậy, mũi cảm nhận mùi thơm “nhức mũi” của hành phi với gạch rạm, mắt đắm đuối nhìn đĩa rạm vàng hươm... thế là cả mấy giác quan cùng “ăn trọn”

chất đồng quê đặc biệt chỉ rạm mới có.

Cách thứ 2 cũng bẻ hết càng để nấu canh như cách thứ nhất. Nhưng để toàn bộ thân, mai, yếm rạm mà không bóc tách ra cho vào rang muối tiêu. Rạm chín múc ra đĩa to. Gắp một con vào bát cơm tự tay xé rạm, tách thân rạm bỏ ngay vào bát. Ngửa mai rạm lên là thấy ngay cục gạch rạm đã rần lại đỏ son trông như quả mâm xôi chín. Lấy đầu dũa khê gậy là gạch rạm rơi xuống bát cơm. Và một miếng cơm nhỏ, cắn nửa thân rạm và cho gạch rạm vào nhai cùng thì cơm cứ gọi là “đi” thun thút không biết no. Chỉ khi nào mỗi miệng mới biết đường dừng. Ngay các chị em sợ

béo cũng khó mà hãm được, dễ ăn quá định lượng nghiêm ngặt tự mình đặt ra hàng ngày.

Còn một cách ăn rạm nữa gọi là ăn vã hay ăn chơi - tức là không ăn rạm với thứ gì khác. Cách này chỉ những nơi nhiều rạm như quê tôi mới dám làm. Ở thành phố mua vài lạng rạm có đôi ba chục con đã mấy chục nghìn, xót tiền lắm. Vào mùa rạm nổi, những đêm khô tạnh, trăng sáng U tôi thường đãi các con món rạm hấp. Sau cơm chiều vài giờ khi dạ dày đã ngon ngọt, các chị tôi dốc trong nồi ang một mớ rạm để đến cả trăm con ra chiếc rổ to rồi xóc nước cho sạch. Sau đó đổ tất cả vào chiếc nồi đồng không cần đổ nước, bắc lên bếp đun rạ nhỏ lửa sôi mười phút là rạm chín. Gió liu riu, trăng sáng tỏ, chiếu trải giữa sân, rổ rạm ở giữa, xung quanh rổ vài đĩa muối tiêu ớt. Mọi người quây quần nhặt con rạm còn nóng bỏng tay đưa lên miệng thổi phù phù, rồi nhanh tay vớt hết chân rạm bỏ đi. Tách rạm ra, thân rạm chấm nhẹ vào đĩa muối tiêu. Lấy tay bẻ 2 cạnh mai rạm, rồi đưa lên miệng cắn nhẹ lấy phần gạch rạm. Bỏ vào miệng nhai cùng thân rạm cứ gọi là “rau ráu” nghe thật sướng tai. Bao nhiêu hương đồng cỏ nội tích tụ cả vào con rạm để cống hiến cho người nông dân một nắng hai sương món quà quê mộc mạc tuyệt diệu mà người thành phố có mơ cũng không thấy.

Ngày xưa cấy lúa chiêm thân

cao, ao chuôm, kênh ngòi đồng ruộng ẩm ấp nước. Người dân không dùng phân hóa học bón ruộng và các thứ thuốc hóa học diệt sâu rầy nên tôm, cua cá mới sinh sôi phát triển nhiều như thế. Không chỉ vị của đồng quê ngấm vào cơ thể mà còn “ngấm” và vào tâm hồn bởi những hình ảnh lam lũ của các chị, u tôi, bởi tình người ấm áp những năm tháng đói khổ cả tháng không được tý thịt mỡ dính mép, nhờ trời cho con rạm nuôi chúng tôi khôn lớn. Nghĩ nhiều lúc mà thêm những đêm hè xóm làng í ới gọi nhau đi xúc rạm, tiếng sáo diều vi vút giữa không trung tĩnh lặng; thêm cái sự ăn uống thỏa thích các món ăn dân dã đậm đà hương vị đồng đất phù sa. Giờ tôm tép, cua cá chết dần còn rất ít - đặc biệt những loại như rạm, cua ra, cá mòi, cá đối, bóng mít... càng hiếm, nên người ta nâng lên thành đặc sản để “bóp ví” dân thành phố. Chỗ nào cũng trưng biển đặc sản lẫu cua đồng. Các chị em nườm nượp chui vào sì sụp, “rúc rích” nức nở khen lấy khen để nghe chùng khoái chí lắm. Chẳng qua là đã ớn thịt cá, bơ sữa đậm chất béo nên lạ miệng thấy ngon chứ đặc sản, đặc biệt gì. Cái thứ cua “thiếu niên” chỉ bằng ngón chân cái, còi cọc, ô nhiễm, thân mềm oặt chưa nhai đã tan, vị nhạt thếch. Làm sao so được với món cua, rạm chắc như cục gạch, bấm móng tay vào yếm không núng còn tươi roi rói, đậm đà chất quê ngày xưa?♦

Tấm bia không chữ ở làng rừng

○ Tản văn BUI VIỆT PHƯƠNG

Làng rừng quê tôi có mở về xuôi bằng những con đường bê tông rộng rãi. Nghe tiếng bánh xe lăn trên mặt đường xen giữa tiếng bìm bịp báo con nước lên, tiếng chim rừng gọi sương xuống, có ai ngờ đã có một thời, vẫn có một lối về nguyên sơ khe đá với bao nỗi niềm trong những ngày mưa tháng bảy.

Cha tôi kể, trong hai cuộc chiến tranh, trai tráng làng tôi đi vệ quốc rất nhiều. Vốn là dân của một vùng đất mới khai khẩn, nhát dao phát của ông cha còn in hằn thớ đá, mỗi năm, quan trên cũng ít ghé qua, những đứa trẻ lớn lên biết mặt con chữ thì ít, nhưng lại biết học cây, học rừng mà sống. Ấy thế mà, hề nghe tiếng bom đạn tàn sát đồng bào phía biển cả, phía những kinh đô, người làng rừng lại đi tòng quân để lại muôn trùng gió núi và lá rừng xao xác.

Nghe các cụ kể, một ngày, những người lính công binh đã tới xẻ bức tường đá chia cắt làng Mè mấy trăm năm với những vùng

xung quanh. Khe đã mở ra như cổng trời, người làng thấy như long mạch có đổi thay, tâm tính cũng bớt đi những khúc khuỷu, lằn lỉ.

Nhưng đó là những năm máy bay Mỹ đánh phá miền Bắc. Cả đơn vị bộ đội đã hy sinh trong một trận bom. Mặt đất lại bình yên trong một cảnh hướng khác thường. Năm tháng qua đi, cây lại lên xanh, cổng đá lại rêu phong như chưa từng có bàn tay người xẻ núi. Có một tấm bia được dựng lên bằng đá rất trang nghiêm, người dân tưởng nhớ các anh vẫn thường xuyên nhang khói. Nhưng, đó là một tấm bia không chữ.

Có lần cha dẫn tôi đi qua con đường ấy để đến trường. Tôi hỏi cha tôi: “Làng mình sao không có ai đỗ đạt?”. Chẳng hiểu sao, tôi lại kiếm được câu hỏi lạc lõng đến thế, câu hỏi như sao mai ngơ ngác một sớm ngày. Cha tôi bảo: con thấy trời xanh có in chữ không? Cỏ xanh ngút tận đỉnh đồi có hình gì trên đó? Và, sao cứ phải mỗi cây mỗi hoa, mỗi hoa một sắc hương?



Minh họa: NGỌC BÌNH

Bởi vì, trước tiên hãy hiểu lẽ tự nhiên, an nhiên như đất trời cây cỏ. Con có học được bao nhiêu chữ quý nhưng chữ “hiếu đễ”, “nghĩa nhân” thì phải tự ngộ ra từ trong lòng mình.

Tháng năm theo dòng mưa lũ vẫn mòn mỏi trên mặt đá của tấm bia nhẵn thín. Bao thế hệ sinh ra, lớn lên rồi hòa vào cuộc mưu sinh. Thi thoảng tôi vẫn đi về qua đường cổng đá. Bây giờ xung quanh là bạt ngàn cam, mía, bưởi đào, những cây vui mọc về làng, về xóm. Làng rừng đã không còn cô quạnh, những ngôi nhà kiên cố mọc lên giữa muốt xanh bình yên.

Nhưng trong nền xanh ấy, tôi vẫn nhận ra một sắc xanh thật khác. Màu xanh của màu áo lính

bạc nhưng chưa hề phai. Họ là những người con của mảnh đất này, bằng tuổi với những người từ bao miền quê khác về đây và nằm lại. Họ chưa từng gặp mặt, những người chủ nhân của đất đai hôm nay thầm cảm ơn những ai đã hy sinh bảo vệ quê hương mình. Màu hoa vụ mới, tiếng cười trẻ nhỏ, đôi mắt đục nhưng vẫn lấp lánh niềm vui của những người già chính là những gì mới mẻ mà con người hôm nay nguyện dâng cho đất. Làng rừng có bia không chữ, người làng rừng có đi xa, học nhiều vẫn kiệm lời, có lẽ bởi những gì thiêng liêng, chân phác thì luôn âm thầm lặng lẽ làm nên cốt cách của những con người cũng như vẻ đẹp của một vùng quê♦

Chuyện kể bên thác Ô Diều

○ Truyện ngắn NGUYỄN TAM MỸ

Lần nữa mãi, cuối cùng chúng mình cũng đã tới được nơi cần tới! - Khả nói.

- Trời chuyển sang thu, cảnh vật nơi này đẹp như tranh vẽ - Liên bật thốt thành lời khi đứng trước thác Ô Diều hoang sơ.

Ở gần chóp đỉnh Bằng Lim cao chát ngất, Liên ngoảnh nhìn lại bờ bậc cheo leo mà nàng đã trèo xuống. “Thằng bé dẫn đường đâu rồi, anh?”. “Chắc cu cậu đã hoàn thành nhiệm vụ nên lẳng lặng quay lui”. Liên không hỏi gì thêm. Nàng ngồi xuống phiến đá khá bằng phẳng ngay bên thác Ô Diều, phía trên cành nhánh cây sanh chìa ra che mát rượi, hình dung lại chặng đường vừa mới vượt qua. Lấy Đá Bàn làm điểm xuất phát, từ đây lên thác Ô Diều chỉ hơn cây số theo đường chim bay, nhưng trên thực địa lại cách xa gấp bốn, năm lần. Lối đi bé như sợi chỉ, cheo leo, gấp khúc với những bờ vực sâu hoắm. Liên cảm

thấy chặng đường vừa mới vượt qua giống hệt hai dấu ô (^) dính liền nhau. Cũng may, từ Đá Bàn lên đỉnh dấu ô thứ nhất, nàng ngồi phía sau chiếc xe phân khối lớn, bám chặt lấy Khả để mặc anh trở tài của “tay lái lùa”. Nhiều lúc nàng thót tim vì đoạn đường dốc ngược gần như dựng đứng. Lên đến đỉnh dấu ô thứ nhất, gửi xe ở nhà dân bên đường, Liên và Khả bắt đầu cuộc bộ. Tụt xuống dốc sâu hun hút. Rồi leo lên dốc cao vời vợi. Một bở hơi tai. Khi hai đầu gối của nàng đau mỗi như muốn rời ra cũng là lúc con đường bắt ngờ tương đối bằng phẳng. Vài ba nhà dân nằm chênh vênh bên sườn núi. “Cô chú lên chơi thác Ô Diều? Để cháu dẫn đi lối tắt gần hơn”. Thằng bé độ mười hai, mười ba tuổi đứng trước sân nhà, bảo thế. “Vây thì tốt quá! Cảm ơn cháu nhiều...”. Nàng vừa thở vừa nói.

“Em ngồi nghỉ ngơi làm thơ đấy à?”. Khả hỏi, làm Liên giật mình quay về với thực tại: “Hình dung

lại chặng đường đã vượt qua quá là khủng khiếp bởi đôi chân mỗi rã rời. Bù lại, bây giờ có mặt ở đây cũng bỏ công vất vả nhiều khê...". Nơi này chỉ mới lưng chừng núi Bằng Lim. Leo lên hơn trăm mét nữa tới đỉnh. Ở đó có thung lũng nhỏ hẹp, người dân xóm núi cải tạo thành những thửa ruộng bậc thang cạnh suối - Khả cho biết - Còn Hang Dê ở mé phải". Liên mở túi xách lấy chiếc khăn nhúng xuống dòng nước trong vắt, mát lạnh, lau mặt, lau tay. Rồi nàng đứng trên tảng đá có hình dáng y chang voi phục, nhìn xuôi theo con suối Ồ Ồ. Mái núi có độ dốc lớn, dòng chảy từ thác Ổ Diều cứ tõe dần ra. Cờ man những tảng đá nhỏ đá to có hình thù của những loài vật hoang dã như voi, gấu, hổ, báo, trâu rừng, bò tót, lợn lòi... vừa nằm lim dim phơi mình dưới nắng trưa thu, vừa lắng nghe tiếng suối chảy róc rách tạo nên bản nhạc không lời giữa đại ngàn hoang vu. Dòng nước xiết băng qua những tảng đá chắn ngang suối, tạo nên những bức rèm nước trắng xóa, đẹp đến ngẩn ngơ...

Ông Khổng Lồ đứng ở nơi nao trên đỉnh núi cao có tên gọi Bằng Lim?

Ngắm cánh chim trời chao lượn giữa tầng không, Liên thầm hỏi. Bởi dòng suối bạc và vũng nước tròn sâu hoáy khiến nàng nhớ tới sợi dây xích và quả chùy giáng xuống đầu toán cướp vũ trang. Khả vẫn ngồi trên mỏm đá mồ côi xoay người bên này, xoay

người bên kia, bấm máy. "Tại sao lại gọi là thác Ổ Diều? Đảo mắt nhìn quanh em đâu có thấy điều, dù chỉ một con thoi!". Nàng hỏi bằng quơ. "Nạn săn bắn vô tội vạ khiến chim muông lẫn tránh vào rừng xanh hết trội. Trước đây ấy à, nơi này ó điều nhiều lắm - Khả nói - Còn tên gọi thác Ổ Diều, theo lời cụ Mười Hương, cũng là câu chuyện khá ly kỳ hấp dẫn...". "Thì kể ngay và luôn đi! Mặc mớ chi cứ ồm ờ...". "Nhá hàng thử xem "người ta" có thích nghe? Nếu không, kể mất công...". Khả cười. Biết người yêu cố tình trêu chọc bằng cách giả vờ chẳng mấy mặn mà "xuất kho" những câu chuyện nhuộm màu huyền thoại dưới chân núi Bằng Lim, nàng tỏ vẻ bất cần. Đến bên tảng đá có vòm lá xanh che kín phía trên, nàng ngồi dựa lưng vào đấy ngắm nhìn những dải mây trắng trôi lang thang và lắng nghe tiếng chim hót líu lo từ đâu đó vọng lại. Nàng nghĩ ngợi vẩn vơ. "Giận hả? "Người ta" đùa chút xíu thoi mà...". Khả bước tới ngồi xuống bên cạnh nàng, làm lạnh. Nàng làm bộ lạnh tanh, không nói. "Đừng hờn dỗi nữa! Để rồi anh kể cho nghe". Khả năn nỉ khiến nàng phì cười.

... Theo lời cụ Mười Hương, khi con suối Ồ Ồ hình thành, mùa mưa tôm cá từ sông Tiên ngược dòng nước chảy lên tận nơi khởi nguồn. Chúng sinh sôi nảy nở ở Vực Ngăn, Vực Sanh, Đá Ghe, Đá Luồn... Dân làng Thanh Khê khám phá những đoạn suối nhiều

tôm cá và “xí phần” đã vô tình gắn tên mình với cảnh đẹp thiên nhiên: Trảng bà Hai, Vực ông Mỡ... Riêng cái hồ tròn có ngọn thác trắng xóa mà chúng mình ngồi đây do rái cá làm chủ. Cá tôm quần tụ nhiều vô kể. Ở điều thấy thế tranh giành lãnh địa. Hai bên đánh nhau hết năm này sang năm khác. Rái cá là loài lưỡng cư, vừa sống dưới nước vừa sống trên cạn, rất khôn ranh nhanh nhẹn. Ở điều lại là loài ác diệu, mắt tinh anh, móng vuốt sắc nhọn, có ưu thế bỏ nhào từ trên cao xuống tấn công đối phương. Lượng sức mình không địch nổi, rái cá chấp nhận thua cuộc, thất tán khắp nơi. Tranh đoạt được “vương quốc riêng” của rái cá, ở điều làm tổ trên những cây cổ thụ quanh khu vực này, ngày đêm canh giữ “kho tôm cá trời cho”. Dân làng Thanh Khê lên núi Bằng Lim bứt song mây, hái nấm rừng, tìm cây thuốc quý... khi dừng lại nơi này nghỉ ngơi, họ trông thấy tổ chim ở điều dày đặc trên các cành cây nên đặt là thác Ở Điều. Từ đây, thắng cảnh đẹp tuyệt vời mới có tên gọi như thế. “Đằng sau địa danh ở chốn hoang dã là cuộc đấu tranh sinh tồn của hai loài vật từ thuở xa xưa. Kết cục là mạnh được, yếu thua...”. Khả nói.

Trời trưa. Nắng nóng ngoài kia, còn ở thác Ở Điều vẫn mát rượi bởi hơi nước và bóng cây che.

Liên khẽ bảo với Khả: “Anh đói chưa? Em thấy hoa mắt chóng

mặt vì đói...”. “Vây, hai đứa mình ăn trưa...”. Khả mở ba lô lấy tờ giấy báo trải ra phiến đá bằng phẳng chuẩn bị cho bữa ăn đạm bạc ở chốn hoang sơ chỉ có hai người. Bánh mì patê. Trái cây. Nước khoáng. Và mấy thứ ăn vặt khác. Bữa ăn nhanh kết thúc khá nhanh. Khả châm điếu thuốc lá thơm nhả khói thành những vòng tròn uốn lượn rồi tan loãng trong không khí. Còn Liên chăm chú nhìn những con cá bé tí ti có hình dáng y hệt cá đuối cố dán chặt thân vào đá để khỏi bị dòng nước chảy liu riu cuốn trôi. Chợt có tiếng người trò chuyện với nhau phía sau tảng đá bên dưới. Khả và Liên nhồm dậy ngoái nhìn. Một người đàn ông và một người đàn bà tuổi trạc bốn mươi đang lom khom chắn con suối bằng những cành lá vắt ngang qua. Cả hai tò mò đến xem. Thì ra, vợ chồng người nông dân chặt cành lá tấp giữa suối để dẫn nước theo con mương về tưới cho hoa màu trồng ở cánh đồng bậc thang phía dưới xa. Xong việc, họ lên thác Ở Điều ngồi chơi với Khả và Liên. Qua trò chuyện, cả hai mới biết núi Bằng Lim còn ẩn giấu nhiều điều mà dân làng Thanh Khê không thể nào khám phá hết. Dưới tán rừng nguyên sinh bạt ngàn có không ít cây thuốc quý, không ít loài hoa lan đẹp mê ly, không ít loài chim hót hay cực kỳ. Từng chùm âm thanh do chúng nhả ra cứ thánh thót ngân nga khiến đám chim bồ chao, bạc má lúc nào cũng ồn

ã đều phải im lặng lắng nghe. “Mùa hè ở trong rừng Bằng Lim thú vị lắm!”. Người chồng nói.

Đôi bên tình cờ gặp gỡ ở thác Ổ Điều, qua hàn huyên vợ chồng người nông dân tỏ ra thân thiện với hai bạn trẻ. Vì thế, người vợ không còn e ngại giữ kẽ nữa. Chị cho hay, suốt Ổ Ổ chỉ là phụ lưu góp thêm mạch nguồn cho con sông Tiên biên biếc nước xanh vào mùa nắng hạn. Dân làng Thanh Khê rất tự hào về con suối nhỏ có nhiều cảnh đẹp, có nhiều câu ca được lưu truyền từ đời này qua đời khác. “Đơn cử như câu ca *“Ổ Ổ có cặp chim sâu/ Vừa hỏi vừa cười, rước dâu một lần”*. Anh chị hiểu thế nào về câu ca ấy?”. Người vợ cười hỏi Khả và Liên. Cả hai nhìn nhau. Rồi cả hai lắc đầu. Người chồng đỡ lời giúp. Theo anh, câu ca ấy có từ lâu lắm rồi, hồi xưa hồi xưa... Không ít bậc cao niên ở làng lý giải rằng, đây là tiếng nói phản kháng của người dân nơi đây trước việc cưới xin còn lắm nhiều khê. Dưới thời phong kiến, trai gái muốn hợp hôn phải thuộc diện môn đăng hộ đối, phải chấp nhận thách cưới trên trời, phải thực hiện những thủ tục rườm rà... khiến không ít cặp đôi yêu nhau nhưng không thể lấy nhau! Vì thế, họ phản kháng bằng cách sáng tác câu ca ấy... “Bé mọn như con chim sâu còn biết *“liệu cơm gắp mắm”*, tại sao con người lại không thông cảm cho hoàn cảnh của nhau, cứ rập khuôn máy móc *“xưa bầy nay*

bắt chước” để rồi không ít cặp đôi phải vĩnh viễn chia xa trong đón đau dằn vặt suốt đời...”. Người chồng khê thở dài.

Mái núi chợt sầm lại. Vợ chồng người nông dân nhìn trời thấy đã sang chiều nên từ biệt hai bạn trẻ ra về để làm việc khác.

Liên vừa ngắm thác Ổ Điều phả hơi nước mát rượi, vừa hỏi Khả về Hang Dê. “Nó ở mé trái, cách đây khoảng vài trăm mét nhưng không thể tới được vì dốc núi cheo leo, cây cối rậm rạp. Ngày xưa nó có tên gọi là hang Ông Hợm”. Khả bảo. “Rồi sao nữa, anh kể tiếp đi! Đừng để em phải vận volumn bằng cách... véo tai!”. “Đời anh quả là bất hạnh khi thương yêu nhầm cô gái thích sử dụng bạo lực để bắt nạt kẻ khác phải khuất phục...”. “Á... a...! Anh dám nói xấu “người ta” ngay trước mặt... Được, khá lắm!”. Liên xoay người, Khả vội đưa hai tay bịt tai lại. Cả hai cùng cười. Rồi Khả kể. Quả chùy của ông Khổng Lồ giáng xuống sườn núi Bằng Lim với lực tác động mạnh đến nỗi đá non vỡ vụn tạo thành cái hang động to rộng ăn sâu trong lòng núi. Cửa hang nhỏ hẹp, khuất lấp phía sau những tảng đá nhấp nhô. Dân làng Thanh Khê không hề hay biết ở lưng chừng núi Bằng Lim có cái hang động ấy. Dây leo và cây cối mọc um tùm trùm kín bên ngoài khiến những người đi rừng hái nấm, bứt song mây hay săn bắn chồn cheo... không để ý gì tới vách đá



Minh họa: LÊ VĂN QUÝ

nhô ở vạt rừng khá bằng phẳng. Cho đến một ngày cách đây xa lắc xa lơ, ông Hợm mới tình cờ phát hiện cái hang động ấy là nơi “ở cữ” của cọp núi Bằng Lim tự bao giờ chẳng rõ. Nhờ có con cọp vằn đưa đường dẫn lối, ông Hợm đã khám phá ra bí mật mà núi Bằng Lim che giấu...

“Câu chuyện bắt đầu hấp dẫn rồi đó! Anh kể tiếp đi...”. Liên nói. Theo lời cụ Mười Hương, hôm ấy là một ngày mùa hạ, ông Hợm lên núi Bằng Lim thăm bầy gà rừng, gặp con gấu ngựa đi lang thang kiếm ăn. Trông thấy ông, nó ngoác mồm nhe nanh hộc lên một tiếng cộc lốc. Ông Hợm hoảng hồn đứng sững lại. Hai bên

nhìn nhau chằm chằm. Cầm con rửa trên tay nhưng biết không thể nào thắng nổi con gấu ngựa to khỏe với những cú tát như trời giáng, ông Hợm bước giật lùi để tìm cách thoát thân. Hình như con gấu ngựa hiểu rõ ý đồ của kẻ xâm phạm lãnh địa của mình, nó chủ động tấn công. Ông Hợm bỏ chạy. Khi băng qua vạt rừng có vách đá dựng đứng, ông Hợm vấp ngã lăn quay, con rửa trong tay văng mất. Con gấu ngựa chồm tới. Bất ngờ tiếng gầm trầm đục vang lên: “H... ù... m...òà...”. Và con cọp vằn ngồi cách chỗ ông Hợm vấp ngã không xa, chống hai chân trước ngược nhìn con gấu ngựa như ngầm bảo: “Khôn hôn, hãy rút xéo ngay!”.

Con gấu ngựa thấy vẻ mặt “chúa tể rừng xanh” đằng đằng sát khí, nó đứng lại, hậm hực. Bức tức nhưng nó không dại gì đánh nhau với “chúa tể rừng xanh” để rồi chuốc lấy thất bại thảm hại, nó lảng lạng bỏ đi. Đối diện với con cọp vằn, ông Hợm bủn rủn chân tay. Không ngờ “tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa”, phen này chắc chết! Ông Hợm nghĩ vậy, cố chống tay ngồi dậy lết ra xa.

Khi đã thụt lùi được mười bước chân, ông Hợm vẫn không rời mắt khỏi con cọp vằn. Nó nhìn ông với ánh nhìn như van lơn cầu cứu. Rồi nó nằm dài trên đất, giơ cái chân sau lên, rên rỉ. Nó bị thương. Và nó nhờ mình cứu giúp chăng? Ông Hợm băn khoăn. Thận trọng, ông bước lại gần. Đúng là cái chân nó sưng vù. “Nó đã cứu mình thoát khỏi con gấu ngựa, lẽ nào mình lại không cứu nó để trả ơn?”. Ông Hợm bước đến gần hơn. Con cọp vằn vẫn nằm dài trên đất, ánh mắt nó biểu lộ nỗi đau đớn tột cùng, rất cần sự giúp đỡ. Ngó kỹ, ông thấy bàn chân nó bị cây gai bàng lồ to như đầu chiếc dừa con đâm xuyên qua. “Chắc chắn nó nhờ mình nhổ cây gai ấy ra. Hẳn nhiên là nó không thể hại ân nhân cứu mạng. Nếu có, âu đó cũng là số phận...”. Ông Hợm nhìn quanh tìm hái mấy lá cây thuốc nam mọc sẵn ở bên cạnh cho vào miệng nhai nhỏ. Đến bên con cọp vằn, ông nhổ cây gai bàng lồ ra khỏi chân nó, nhả mớ lá thuốc nhai nhỏ đắp lên. Xong, ông nhanh

chóng lùi ra xa. Lát sau, con cọp vằn đứng dậy tập tễnh bước vào vách đá. Trước khi mất hút trong đó, nó ngoái lại nhìn ông với ánh mắt biết ơn. “Cụ Mười Hương bảo, cứ ngỡ mọi chuyện đến đây là kết thúc, nào ngờ ông Hợm và con cọp vằn còn có mấy lần gặp gỡ nhau, lúc giữa đêm khuya thanh vắng, lúc giữa ban ngày ở chốn rừng hoang...”. Khả nói.

Liên vừa với tay nghịch nước vừa hỏi: “Những lần gặp gỡ sau này là sự trả ơn cứu mạng của con cọp vằn?”.

Xoay sang người yêu, Khả ngạc nhiên: “Sao em biết?”. Nàng cười: “Người ta bảo “cứu vật thì vật trả ơn...” nên em đoán thế!”. “Đúng vậy!”. Khả xác nhận. Rồi anh tiếp tục câu chuyện đang còn dở dang... Độ nửa tháng sau, vào một đêm khuya trăng sáng, ông Hợm không ngủ được, nằm thao thức hoài. Chợt ông nghe thấy con chó Vện hực lên mấy tiếng rồi cụp đuôi chạy vào nhà, rúc dưới gầm giường lẩn trốn. Có vật gì đó rơi bịch ngoài sân. Ông Hợm ngồi dậy lần mò lại cửa sổ dòm ra. Con cọp vằn vác con heo rừng chừng vài ba chục cân bỏ giữa sân rồi ngồi chồm hổm chờ đợi. Khi thấy ông Hợm bước tới đứng bên cửa sổ, nó nhìn ông như muốn nói điều gì đó... Quá bất ngờ trước sự hàm ơn và trả ơn của con cọp vằn, ông Hợm vịn song cửa sổ đứng như hóa đá. Khi ông tỉnh trí lại thì “chúa tể rừng xanh” đã quay về núi Bằng Lim lúc nào không rõ.

Chớm thu năm đó, mọi chuyện dần trôi vào dĩ vãng, ông Hợm lại lên rừng hái nấm, bắt chim... Xế chiều, ông hồi gia. Ngang qua vạt rừng có vách đá dựng đứng, ông nghe thấy tiếng “H... ù... m... òa...” trầm đục vang ngân. Đôi chân rú lại, ông đứng chết trân. Con cọp vằn cùng hai con to khỏe ngồi ở đấy nhìn ông một hồi lâu rồi đi vào rừng sâu. “Hóa ra, con cái lớn khôn, nó chào từ biệt mình trước khi rời hang đá. Chào kiểu đó, ân nhân suýt chút nữa đứng tim...”. Ông Hợm mỉm cười thâm nghĩ.

Bí mật của núi Bằng Lim được khám phá khi ông Hợm đến bên vách đá thấy có cửa hang nhỏ hẹp nên tò mò đi vào. Bên trong là cái洞 rộng lớn, khô ráo. “Là người đầu tiên phát hiện ra cái hang động ấy, vì vậy dân làng Thanh Khê gọi là Hang Ông Hợm”. Khả giải thích. “Tại sao bây giờ nó lại có tên gọi Hang Dê?”. Liên thắc mắc. “Sau ngày đất nước hòa bình thống nhất, có hộ dân ở làng Thanh Khê mua dê bách thảo đem về chăn thả ở đây. Họ tận dụng cái hang động ấy làm chuồng nuôi nhốt lúc ngày tàn. Theo thời gian, Hang Ông Hợm được mọi người gọi là Hang Dê”. “Còn vấn đề này nữa, tại sao khi cọp cái gần đẻ lại chọn nơi “ở cũ” gần chỗ dân cư sinh sống? Hang Ông Hợm đâu có cách xa những xóm nhỏ mà chúng mình đã đi qua...”. Câu hỏi của Liên khiến Khả ngỡ ngàng. Cô nàng chăm chú lắng nghe câu chuyện và đặt

vấn đề phản biện, nếu không có kiến thức thực tiễn, anh khó có thể trả lời được. Cọp sống đơn độc trong rừng sâu. Qua mùa giao phối, con cái đến gần làng mạc chọn nơi “ở cũ” nhằm tránh con đực tìm kiếm giết chết con non do lo ngại không cùng huyết thống, do lo sợ sau này phải phân chia lãnh địa... Cọp cái lót ổ gần làng nào thì làng đó luôn bình yên vô sự, bởi chúng luôn bắt trộm trâu bò ở những làng xa, đánh lừa con người... “Loài vật mà chúng cũng khôn ranh đáo để...”. Liên cười.

Trời đã xế tà. Có tiếng gà rừng gáy vang đâu đó.

“Ở chơi cả ngày nơi thác Ổ Điều là em mãn nguyện lắm rồi! Chúng mình về thôi...”. Liên bảo. Khả xoay lại khóa môi người yêu. “Kể chuyện khô cổ họng mà được trả công bằng một hôn chửi bỏ bèn gì!”. Anh cười. Liên cũng cười. Hai người thu dọn đồ đạc hạ sơn. Trên đường về, Khả cho hay, nơi đây mỗi hòn đá, mỗi loài cá, mỗi vực suối, mỗi cánh rừng... đều ẩn giấu một câu chuyện kể ly kỳ hấp dẫn về cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp của con suối Ổ Ổ. Người dân làng Thanh Khê thật thà chất phác và mến khách. Họ sẵn sàng tình nguyện làm hướng dẫn viên giúp khách phương xa tới tham quan, khám phá cảnh đẹp quê hương và làm cơm thết đãi với những món ăn “cây nhà lá vườn” như thịt gà rừng kho sả, cá lấu um chuối chát, cá chình kho rim, tôm đất rang...♦

Mưa

○ Truyện ngắn PHẠM VĂN HOANH

Rào... Rào... Rào...
Trời lại đổ mưa.
Đứng trú mưa dưới mái hiên, nó thở dài ngao ngán:

- Hôm qua mưa. Hôm nay mưa.
Không biết bao giờ hết mưa?

Nó không thích mưa. Mưa làm nó buồn, nhớ nhà, nhớ cha, nhớ mẹ... Nó không biết cha mẹ nó giờ này đang ở đâu và làm gì. Nó chỉ biết trong một chiều mưa rất xa, cha mẹ nó từ toà án bước ra mỗi người đi mỗi ngã. Nó chạy theo mẹ gọi: “Mẹ ơi! Sao mẹ nỡ bỏ con... mẹ ơi!” Cha nó kéo lại. Nó giãy giụa đứng nhìn theo bóng mẹ liêu xiêu trong mưa cho đến khi mẹ nó khuất trong con hẻm nó mới chạy theo cha. Trên đường về tiếng con chim cuốc lẻ bầy gọi bạn nghe thật thê lương. Mưa mỗi lúc một nặng hạt, tiếng gió rít, tiếng sấm nổ đi dưng cũng không át được tiếng chim cuốc gọi bạn thăm thiết: “cuốc... cuốc... cuốc...” Về đến nhà, nằm một mình trong buồn, nó không sao ngủ được. Nó như đồng cảm với nỗi lòng của con chim cuốc lúc

chiều. Nước mắt nó lặng lẽ chảy dài mặng chát trên bờ môi. Nó cố nén tiếng khóc, sợ cha và người phụ nữ có nước da trắng hồng hào và đôi gò má nhô cao mà ba nó bảo gọi dì nghe thấy. Nó bắt đầu rơi vào những chuỗi ngày cơ cực. Lúc nào cũng chuẩn bị tư thế để đón nhận những đòn roi, tiếng chửi của cha và dì. Nó bỏ nhà ra đi. Đi đâu bây giờ? Nó cũng không biết nữa. Nó lăm lăm bước đi trên con đường dẫn ra ga xe lửa. Con tàu sắp chuyển bánh, mọi người bước lên tàu. Nó cũng bước lên. Kiểm soát tàu xô nó xuống. Cũng may nó không bị sao. Một người phụ nữ trạc chừng năm mươi tuổi nhận ra nó, bắt về. Nó sống với cha và dì khoảng gần một năm. Sau đó nó được một người cô trong họ nội đưa vào Cô nhi viện. Hôm vào Cô nhi viện, cha nó tiễn nó ra ga xe lửa. Khi bước lên xe nó thấy cha đứng nhìn theo rơi nước mắt, nó cũng rơi theo. Nó ngồi bên đôi vợ chồng trẻ bế theo một đứa bé trai khoảng chừng bốn tuổi. Nhìn đứa bé được cưng chiều lòng nó se

lại. Nó mông lung lục tìm kí ức. Gia đình nó ngày nào cũng vui vẻ như thế. Cha mẹ cũng cưng chiều nó như thế... Ngày hạnh phúc đó đã chấm dứt kể từ ngày cha mẹ nó ra toà...

Con tàu hú một hồi còi dài nghe rùng rợn và từ từ chuyển bánh. Hàng cây, phố xá, nhà cửa và cha nó cứ xa dần, xa dần... Rồi khuất bóng. Đoàn tàu lao nhanh vun vút. Phút chốc đã đến ga thành phố. Nó ngồi im hồi lâu để nén cơn xúc động. Khi hành khách đã xuống hết, nó mới từ từ bước xuống hoà vào cuối dòng người bước đi lững thững. Những người thân đi đón ủa ra. Cả sân ga náo nhiệt. Cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái,... tay bắt mặt mừng. Có tiếng cười và cả tiếng khóc thút thít. Nó nắm chặt tay người cô họ, bước xuống sân ga, thần thờ nhìn xung quanh.. Nó không biết đi đâu. Chẳng ai đón chờ nó. Hai cô cháu dìu dắt nhau đi vào một con hẻm tối sẫm. Nó hỏi: “Cô ơi! Cô dẫn cháu đi đâu vậy?” Cô họ nó trả lời: “Cô dẫn cháu vào Cô nhi viện. Ở đó sướng hơn ở nhà.”

Từ đó trở đi nó luôn ám ảnh về những chiều mưa. Những chiều mưa xa thăm luôn là nỗi ác mộng trong đời nó. Mỗi khi nhớ cha, nhớ mẹ nó lại rong ruổi trên chiếc xe đạp cà tàng. Nó nhìn thẳng về phía toà án thành phố mà đi. Trong đầu nó không bao giờ quên cái toà án đã chia cắt cha mẹ nó. Nó cứ trách sao toà

án lại bắt cha mẹ nó chia tay. Khi đi ngang qua toà án, mặc dù nó vẫn biết nơi này không phải chỗ cha mẹ nó ngày trước chia tay, nhưng nó vẫn cúi gầm mặt xuống, không dám nhìn. Cả người nó nổi da gà. Nó phải đạp xe trở về. Và lần nào cũng vậy...

Người đời cho rằng nó sống lập dị. Cũng không sai. Vì nó ít quan tâm tới bạn bè. Nó cũng ít nói, ngay cả các mẹ ở Cô nhi viện. Để nó đỡ buồn, các mẹ trong Cô nhi viện đã tặng nó một con mèo tam thể. Ngày ngày ngoài giờ học nó lại vuốt ve con tam thể. Nó đặt tên cho con tam thể là Song Hỷ. Hỏi tại sao đặt tên Song Hỷ? Nó nói: “Nhờ có con Song Hỷ mà nó mới vui và ngược lại nhờ có nó mà con Song Hỷ mới vui”. Từ ngày có con Song Hỷ làm bạn, người đời thấy gương mặt nó tươi hơn. Hình như nó đang quên dần quá khứ để tập trung vào việc học tập. Nó học giỏi lắm, lúc nào cũng đứng đầu lớp. Nó không những học giỏi mà còn hiền lành ngoan ngoãn. Chính vì vậy mà nó được các mẹ trong Cô nhi viện quý mến.

Con Song Hỷ gần bó với nó hơn năm năm, rồi cũng bỏ nó mà đi. Không biết con Song Hỷ chạy theo bạn mới hay bị ai bắt cóc mà không thấy về? Nó bỏ công đi tìm một tháng nhưng chẳng kết quả. Thời gian đầu nó buồn lắm. Dần dần về sau nó cũng quên hẳn.

Mười năm sau, trong một chiều mưa, trên đường đi thi tú tài, nó



Minh họa: NGỌC BÌNH

lại gặp một con mèo tam thể đang thần thờ trên đường giống như con mèo của nó. Nó gọi: “Song Hỷ!... Song Hỷ!... Song Hỷ!...” Nghe tiếng gọi con mèo lại cầm đầu bỏ chạy. Nó đứng nhìn theo con mèo một hồi lâu, tự nhiên nó rơi nước mắt. Nó nhớ lại một chiều mưa của mười mấy năm về trước, nó cũng gọi mẹ và nhìn theo như thế. Nó bực mình chửi: “Mẹ kiếp! Đi thi mà vừa gặp mưa, lại vừa gặp mèo thể này thì rủi lắm”. Sau đó nó lại tự trấn an mình: Nói thì nói vậy chứ không đến nỗi. Mình phải hết sức bình tĩnh để vượt qua những rủi ro đó. “Xưa

nay nhân định thắng thiên cũng nhiều” mà. Rồi nó lên xe cầm cổ đạp thẳng về trường thi..

Nó đang lan man trong những dòng suy nghĩ, bỗng có tiếng hỏi:
- Anh Hai cũng trú mưa à?

Nó giật mình nhìn sang bên cạnh. Nó bắt gặp một ánh mắt buồn xa xăm của một cô nữ sinh khoảng mười tám đôi mươi có làn da hồng hào, mái tóc óng ả xoã ngang bờ vai cũng đang trú mưa dưới mái hiên. Nó nhìn cô bé từ đầu đến chân. Trong trí nhớ nó hình như đã gặp cô bé này ở đâu đó rồi. Nó cố lục tìm trong trí nhớ của mình xem thử cô bé này

ở đâu và gặp ở chỗ nào. Nhưng tìm mãi không ra, nó bèn hỏi:

- Em về đâu? Sao thấy quen quen? Hình như..

Cô bé mỉm cười:

- Em về nhà trọ. Anh Hai không biết em thiệt hả?

- À... À... À... Thật tình anh không biết. - Nó trả lời với cô bé ấp a ấp úng.

Cô bé trách yêu nó:

- Anh Hai giả bộ gồm! Em ở trọ sát phòng với anh mà. Chiều nay em chuyển về kí túc xá rồi. Chứ trọ mãi trong ngôi nhà lệt thốt trong con hẻm quanh năm ẩm thấp này nguy hiểm lắm anh ơi!

- Em học trường nào?

- Em học trường Đại học quốc gia...

- Ô! Vậy thì chúng ta học cùng trường. - Nó reo lên.

Nó bắt đầu hỏi thăm cô bé về hoàn cảnh gia đình và bản thân.

Cô bé kể cho nó nghe rất nhiều chuyện bằng cái giọng ngây thơ trong trẻo, hiền lành. Nó đoán chắc cô bé này cũng đang có tâm trạng buồn. Không biết sao tự dưng nó lại kể về cha mẹ nó. Từ khi cha mẹ nó li dị đến giờ, nó chưa kể với ai một điều gì về gia cảnh của mình. Nó sợ cô bé cười. Nhưng cô bé không những không cười mà còn thông cảm, sẻ chia và an ủi động viên nó hãy quên đi quá khứ đau buồn để hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn. Nó cảm thấy cô bé là một người bạn tốt thật sự để nó chia sẻ những

niềm vui nỗi buồn. Lúc này nó ước sao trời cứ mưa mãi để nó được ở gần cô bé. Nhưng trời lại tạnh mưa. Nó xin số điện thoại của cô bé rồi tiếp tục đi làm gia sư. Còn cô bé trở về kí túc xá.

Tối về phòng trọ, nó cảm thấy buồn và cô đơn. Chưa bao giờ nó cảm thấy buồn và cô đơn đến thế. Nó trằm mền kín cả người mà vẫn không ngủ được, hình ảnh cô bé lúc chiều với nụ cười rạng rỡ và ánh nhìn yêu thương cứ chập chờn trước mắt. Chợt nó nhớ đến số điện thoại của cô bé mới cho hồi chiều. Nó lấy máy lục tìm và bấm gọi. Nó gọi năm lần bảy lượt. Lần nào cũng nhận được câu trả lời của cô nhân viên tổng đài: “Thuê bao quý khách vừa gọi hiện không liên lạc được. Xin quý khách vui lòng gọi lại sau.”

Cả đêm hôm đó, nó thức trắng. Tự nhiên nó nhớ cô bé vô cùng. Nó tự hỏi không biết cô bé có người yêu chưa nhỉ? Và nó cũng tự trả lời chắc cô bé chưa có người yêu đâu. Vậy thì...

Bây giờ nó mới nhận ra một điều: “Tình bạn và tình yêu quả là thiêng liêng và quan trọng biết nhường nào”. Thế mà từ ngày khăn gói vào đây đã hơn một năm, nó lại sống thu mình, không bạn bè, không yêu đương. Ngày ngày ngoài giờ học ở trường nó chỉ biết đi làm gia sư để lấy tiền ăn học. Nó thấy hối tiếc cho những ngày tháng đã đánh mất tình bạn, tình yêu. Nó nhìn ra cửa sổ. Trời chợt đổ mưa ♦

Người đàn ông bí ẩn

○ Truyện ngắn DƯƠNG THANH HƯƠNG

“Q” uẹo” có khuôn mặt xinh xắn, nước da trắng rất đáng yêu chỉ tội đôi chân bị tật. Nếu chân phải Queo bước tới trước thì chân trái bắt đầu nhún nhảy ở đằng sau và cà lết theo. Cho nên nhìn dáng Queo đi giống như hai dấu chấm và dấu phẩy cùng song song vậy. Thực ra tên khai sinh của Queo là Nguyễn Thị Tố Nga, cái tên mỹ miều, xinh đẹp mà người mẹ đáng kính chọn thì chẳng ai nhớ. Họ cứ nhìn vào đặc điểm con người Queo mà cứ “Queo!”, “Queo!” làm nó cũng quên đi cái tên cúng cơm của mình mà quen dần tên mới.

Dù hoàn cảnh khó khăn, đi lại cực nhọc nhưng Queo vẫn theo chúng bạn học hết lớp 9. Rồi nghỉ ở nhà mở quán tạp hóa phụ giúp mẹ lon gao, chai mắm. Mẹ Queo cũng là một cô gái xinh đẹp, đảm đang, tháo vát nhưng thầy tướng số nói bà có tướng sát phu nên chẳng ai dám lấy. Khi đã lỡ thì lại về làm vợ lẽ một ông nhà giàu trên phố, đông con gái mà chẳng có con trai. Nhưng khi sinh ra

đứa con gái tật nguyên, ông ấy buồn, đau rồi mất mà không kịp để lại di chúc. Mẹ con người vợ lớn đuổi bà và Queo ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng.

Hai mẹ con dắt díu nhau trở về quê được ông bà ngoại xây cái nhà nhỏ sát bên đường để tiện đi lại. Queo, lớn lên trong tình yêu thương, đùm bọc của ông bà ngoại và mẹ. Cảnh nhà thiếu thốn nên dù chăm sóc thế nào Queo vẫn quắt queo.

Nên mãi đến năm hai mươi Queo mới dậy thì nhưng tất cả những đường cong Thượng đế ban cho người phụ nữ thì Queo vẫn chẳng có. Thử xác chưa phát triển nhưng tâm hồn Queo luôn mơ mộng, nó luôn nghĩ mình là một cô công chúa xinh đẹp bị phù thủy ganh ghét chỉ cần có một phép màu: ai đó trong thế giới rộng lớn này chịu yêu thương và lấy Queo làm vợ thì cô sẽ trở lại nguyên hình là một người con gái đẹp. Cả thời kì niên thiếu, Queo chỉ mong chờ có được một tấm chân tình.

Mong đến nỗi cứ nằm xuống ngủ là y như rằng mơ về đám cưới. Quẹo trong chiếc váy trắng tinh khôi được chú rể khâu ngô tuần tú bẻ vào động phòng hoa chúc. Để rồi khi tỉnh giấc nó lại hệt hăng, đau khổ, tiếc nuối: giá như được sống mãi trong giấc mơ. Thời đại công nghệ thông tin, được ông bà dành dụm mua cho chiếc điện thoại Quẹo chụp hình thường xuyên đăng trên facebook để kiếm người tình ưng ý. Chỉ khổ nỗi khi nhìn thấy đôi chân cô họ đều bỏ đi.

Thời gian khắc nghiệt lướt qua, chớp mắt một cái Quẹo đã hai năm. Tuổi mà bạn bè đua nhau cưới xin, sinh con, đẻ cái. Quẹo khô quắt trong mòn mỏi đợi chờ và rồi tuyệt vọng. Cô không còn mơ mộng được yêu, được cưới xin mà chỉ mong một lần được người khác giới chạm vào cơ thể cô, được một lần làm đàn bà, được một lần làm mẹ. Mỗi khi thấp nhang cho bà ngoại, Quẹo đều cầu xin bà phù hộ cho mình đạt được ước vọng dù cho có bất cứ chuyện gì xảy ra.

Một đêm trời mưa to, gió lớn, sấm sét đùng đùng. Mẹ lại qua làng bên chăm chị họ mới sinh, chắc là mưa quá không về được. Hơn mười giờ đêm, đường phố vắng tanh, cô định đóng cửa đi ngủ, thì một người đàn ông ướt sũng từ đầu đến chân ghé quán mua gói thuốc và xin được trú mưa ngoài hiên. Trời mưa mãi không ngớt, nhìn thấy người

đàn ông co ro ngoài hiên nhà, cô thấy tội nghiệp nhưng trong lòng cô cũng lóe lên một khát vọng: đây là cơ hội trời cho cô, nếu cô không nắm bắt lấy thì đợi đến chết già cô đơn à. Nghĩ sao làm vậy cô mời người đàn ông lạ vào nhà. Giông sét lớn. Điện đường tắt. Điện mọi nhà tắt. Trong nhà chỉ còn nghe tiếng thở hổn hển của hai người không quen biết. Trong cuộc đời của Quẹo đây là lần đầu tiên cô biết thế nào là ân ái, thế nào là yêu thương, là hạnh phúc. Cô đón nhận nó một cách chủ động và tha thiết, và cũng thầm nói lời cảm ơn với người đàn ông xa lạ đã giúp cô hoàn thành tâm nguyện.

Sáng hôm sau, khi Quẹo rời khỏi giường, mặt trời đã lên cao. Cô có cảm giác uể oải trong người. nhớ lại chuyện đêm qua cô nghĩ hay chỉ là một giấc mơ, nhưng giấc mơ này thật kì lạ nó đưa cô đến đỉnh cao của cảm xúc và nó thật đến mức không thể nào thật hơn.

Quẹo tự nhiên phồng phao, cái gì cần có cô đều có cả. Ngực to ra, lưng cong lại và hông thì vênh ra đằng sau. Quẹo nhớ đến nao lòng đêm mưa ấy. Khao khát được một lần nữa ôm cái lưng rộng lớn, được ngửi mùi mồ hôi đầy nam tính. Nhớ đến quay cuồng đầu óc và thời gian trong cuộc đời bây giờ của cô chỉ tập trung vào việc chờ đợi, mong ngóng những cơn mưa. Không bản tin dự báo thời tiết nào cô bỏ qua. Không tin dự báo

thời tiết, đêm đêm cô còn nhìn sao để đoán. Cô mong ngóng gặp lần thứ hai người đàn ông ấy. Dứt khoát lần này cô phải nhìn rõ khuôn mặt anh hơn và...

Bà Hai nhìn con thay đổi, sự nhạy cảm của một người mẹ đã biết có chuyện chẳng may xảy ra rồi. Nhưng bà cũng chẳng nói vì cứ mong là mình nhìn sai. Queo bắt đầu nôn, mửa. Cứ ăn gì vào là nôn ra hết. Bà Hai hỏi Queo:

- Con bị đứơc nào làm bậy à?

- Không, con đâu có sao. Queo đáp.

- Thế sao mà mày ghen được?

- Chắc con bị dạ dày ấy mà!

- Dạ dày! Dạ dày gì mà cổ dài ngoẵng ra, lông mày dựng đứng thế này. Mày chữa với thằng nào mà còn không biết à?

- Con chữa hử mẹ? Mừng quá! Queo reo lên, vậy là bà ngoại phù hộ con đạt được ước nguyện rồi.

Bà quát: Chữa hoang mà còn vui cái nỗi gì?

Bà tra khảo, gặng hỏi mất mấy ngày cô mới kể hết sự tình. Nghe xong bà chép miệng: Khốn nạn rồi con ơi!

Trong khi bà Hai cau có, lo sợ thì Queo vui như tết. Suốt ngày khau khau, vá vá, hát hò. Nhìn con hạnh phúc như vậy bà Hai chỉ biết gạt nước mắt, cúi gằm đầu mà chăm chỉ hơn trong việc kiếm tiền để lo cho con.

Tin Queo có thai nhanh chóng được lan truyền khắp làng trên xóm dưới. Quán tạp hóa của cô bây giờ khách ghé mua đông hơn.

Đông vì họ tò mò không biết con Queo nó có bầu như thế nào. Với lại xem có cha đứơc trẻ xuất hiện không. Bụng Queo càng to thì những lời châm chọc, chỉ trích lại càng nhiều. Người thương thì bảo: “Thôi thì như vậy cũng được, có đứơc con đỡ dần lúc tuổi già sức yếu”. Người ghét lại bảo “ Nhìn nó như thế mà cũng ghê gớm thật, không biết phình đồ được thằng nào...” Rồi có người chửi cái thằng đàn ông thất đức, ác nơn, đến cái con bé tật nguyền mà cũng đẻ ra đứơc...

Mặc những lời nói ra nói vào, mặc cho những lời bàn tán thiện tâm hay ác ý. Queo vẫn vô cùng biết ơn người đàn ông ấy. Người đàn ông đã cho Queo cái hạnh phúc làm người đàn bà, cái hạnh phúc được làm mẹ mà Queo luôn mơ ước. Nhất là cái thai trong bụng Queo ngày một lớn hơn. Bây giờ khi thấp nhang cho bà ngoại Queo lại cầu bà phù hộ cho người đàn ông ấy mạnh khỏe, hạnh phúc và phù hộ cho Queo sinh nở đứơc mẹ tròn con vuông.

Ngày bà Hai và Queo từ bệnh viện sản nhi về nhà. Dù bà đã treo cây đứơc đại trước cổng để nhắc nhở nhà có người ở cũ nhưng khách vào ra cũng không ngớt. Người thật lòng thì cho chục trứng, nải chuối, con gà. Người giả tạo thì lấy cớ thăm nhưng mục đích xem thằng cu Phúc giống ai.

Phúc đầy tháng tự nhiên rộ lên tin đồn. Thằng Phúc là con

ông Tám xóm dưới. Ai cũng tin. Vì ông Tám tuy đã hơn bảy mươi, sức vóc rất cường tráng và có tiếng là trắng hoa. Trong nhà con cái, cháu chắt đùm đê nhưng ông vẫn hay đi tìm những cô gái trẻ và trong thôn, ngoài xóm đâu có đàn bà góa là người ta thấy ông thậm thà, thậm thụt. Một đồn năm, năm đồn mười, mười đồn trăm và không bao lâu đã đến tai bà Tám. Con ghen lồng lộn trong người bà, bà càng nghĩ càng đúng chắc là chồng bà chứ ai. Cái thằng cha heo nọc này. Bơm đâu không bơm đi bơm con bé tật nguyên đáng tuổi cháu chắt trong nhà. Càng nghĩ càng tức, bà không nhịn nổi nữa chửi vổng lên:

- Tổ cha cái thằng heo nọc! Dê cụ! Đồ khốn! Già bằng ấy tuổi đầu mà còn ham hố. Lấy ở đâu thì lấy ai mà đi lấy cái con bé Queo đáng tuổi chắt mình.

Ông Tám vừa đi làm ngoài đồng về, nghe trọn câu bà chửi. Ông nghĩ bà đang chửi ai chứ không phải chửi mình nên bỏ vào nhà uống nước.

Thấy ông làm thinh, bà Tám tưởng là ông sợ, nên được nước chửi tiếp:

- Đồ chó dái. Hết đàn bà cho mày đ... rồi hay sao mà mày lại lấy con bé Queo để sinh con đẻ cái. Mày lo mà đi bế đứa con hoang của mày về.

Ông Tám lúc này mới biết là bà Tám đang chửi mình, ông quát lại:



Minh họa: LÊ VĂN QUÝ

- Con mẹ diên kia! Mày nói gì đó? À thì ra nãy giờ mày chửi tao hả? Mày muốn gì? Muốn tao đập cho một trận hả? Tao thì có trời đất tao mà lấy con Queo thì trời đánh.

- Có mà trời đánh trật búa! Đúng là ma quỷ chứ không phải người. Đồ khốn nạn! Đồ dê xôm..

Dường như không nhin nổi nữa, ông Tám đứng bật dậy lao vào người bà Tám, ông định tát bà một cái để áp chế, nhưng khi ông vừa sấn vào thì bà nhanh hơn xách cái bình nước đập vào đầu ông, sung một cục. Hai ông bà lao vào nhau người giật áo, người nắm tóc, om sòm cả lên. Làng xóm phải vào can ngăn. Bác Lam, thôn trưởng cũng có mặt để hòa giải. Ông Tám vừa lấy đá chườm đầu vừa nói:

- Tôi thì có trời đất, tôi không bao giờ làm chuyện ấy.

Bà Tám vẫn không chịu bắt phải đến nhà Queo để ba mặt một lời. Bất đắc dĩ bác Lam trưởng thôn phải đồng ý. Nhưng bảo hai vợ chồng ông Tám đợi ngoài sân để bác vào thưa chuyện với bà Hai và cô Queo. Vì dù gì họ cũng là người chịu thiệt thòi.

Ông Tám hồi hộp pha chút lo lắng đứng ngồi không yên. Ông sợ cô Queo làm liều vu oan cho ông thì có mức ông nhảy sông cũng không thể minh oan được. Mà thật, tuy ông có ham hố đấy nhưng nhìn thấy Queo bé tí chả ham nổi. Nhưng mà cũng uống

thiệt. Biết nó thế này hồi mình cho nó đứa con cũng tốt. Đang suy nghĩ miên man thì bác Lam xuất hiện:

- Hai vợ chồng anh về đi. Cô Queo nói bố của thằng Phúc chỉ độ khoảng bốn lăm, năm mươi, mái tóc bông bênh chứ không tóc đinh như ông Tám.

Ông Tám xĩa vào mặt vợ chửi:

- Đấy! Mày tin chưa? Ghen tuông vô cớ.

Bà Tám hứ rồi ngúng nguẩy ra về trước. Mọi chuyện được êm xuôi.

Một thời gian sau, trong làng lại có tiếng xầm xì. Người ta bảo thằng Phúc đích thị là con anh Lành - hàng xóm nhà bà Hai. Anh Lành đúng như tên của anh hiền lành, phúc đức, làng xóm ai cũng thương. Nhưng mọi người phân tích: anh lấy vợ đã nhiều năm mà chưa có con, chắc vì khao khát con nên anh làm ra chuyện ấy. Tin đồn theo gió bay nhanh, chẳng mấy chốc làng trên, xóm dưới đều nói như đinh đóng cột: Thằng Phúc là con anh Lành. Họ lại còn bảo anh Lành đúng độ tuổi cô Queo nói, tóc bông bênh và nhất là đôi mắt hai mí có lông mi rậm và cong của thằng Phúc giống y cha.... Cô Lành nghe được tin đó. Ban đầu cô cố gắng bình tĩnh, cô nghĩ: “chắc cũng như chuyện ông Tám”. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại cô lại thấy tin đồn có lí. Vợ chồng cô tuy hạnh phúc nhưng vẫn thiếu mụn con.

Thở ngắn, than dài xong cô liền xuống bếp hốt nhanh chục trứng để dành cho gà ấp, bỏ vào cái rổ nhỏ. Cô tắt tả sang nhà bà Hai. Cô vào đến hè thì đúng lúc bà Hai bế cu Phúc ra hiên cho mát. Cô Lành vừa nói chuyện với bà Hai vừa quan sát cu Phúc. Ban đầu cô thấy họ chẳng có gì giống nhau. Nhưng ngồi một lát cô lại thấy thằng Phúc giống anh Lành chồng cô như đúc. Cái trán rộng, đôi mắt hai mí, cái mũi cao, cái miệng nhỏ xinh xắn... Ruột gan cô nóng như lửa. Cô nghĩ thầm thôi rồi, chắc chắn rồi. Cô chào bà Hai rồi về. Cô thấy mình hụt hẫng, mất cảm giác. Đôi chân cô như đeo hai tảng đá nặng. Cô không thể đi nổi mà lê từng bước về nhà. Nằm vật ra giường, hai mắt cô mở trừng trừng, miệng cô mím lại, nước mắt cứ thế chảy ra. Cô không nói một lời nào với chồng, lăn ra ốm đúng một tuần. Khi vừa khỏi bệnh, cô gọi anh Lành lại bảo:

- Anh sang rước mẹ con cô ấy về đây đi. Dù gì cô ấy cũng sinh cho anh một đứa con. Bản thân lại chịu nhiều thiệt thòi.

- Rước mẹ con ai? Anh Lành há hốc mồm ngạc nhiên.

- Mẹ con cô Quẹo! Anh còn giả vờ nữa. Thằng Phúc giống anh như đúc. Ai cũng biết chỉ có tôi khờ khạo quá mới biết gần đây.

Nước mắt cô lại chan hòa trên mi. Anh Lành hoảng quá. Chẳng biết làm sao. Sợ vợ có chuyện gì nên anh lại chạy sang bác

Lam thôn trưởng. Qua cuộc nói chuyện của hai vợ chồng, bác Lam hiểu vấn đề ngay. Để yên làng xóm, giữ tình đoàn kết xóm giềng, lại một lần nữa bác sang nhà bà Hai nói chuyện. Lần này cô Quẹo cho biết thêm thông tin dù đêm ấy điện cúp, mưa to, gió lớn nhưng qua ánh chớp cô biết anh da trắng, có nốt ruồi son bên vai trái chứ da không đen như anh Lành. Nghe bác Lam nói chưa dứt lời. Chị Lành xé toạc vai áo chồng nhanh và mạnh đến nỗi năm móng tay in hằn trên da anh rướm máu. Và dù chị soi xét từng milimét trên lưng anh cũng chẳng thể tìm ra được một nốt ruồi nào. Câu chuyện của vợ chồng anh Lành lắng xuống cũng là lúc trong xóm từ già đến trẻ âm thầm, nhen nhúm ngọn lửa truy tìm tung tích người đàn ông bí ẩn có tuổi trạc bốn lăm, năm mươi, nước da trắng, mái tóc bông bông, có nốt ruồi son bên vai trái.

Cuộc chiến truy tìm tung tích diễn ra âm thầm nhưng vô cùng mạnh mẽ. Các bà, các chị muốn khẳng định không phải chồng, con mình nên có dịp là bắt họ cởi áo khoe vai trái không có nốt ruồi. Chỉ tội mấy anh cơ địa lạ nốt ruồi nhiều, cứ lăm la lăm lét như quạ vào chuồng lợn. Chỉ sợ vô phúc một hôm nào đó vô tình nút ruồi không mọc ở đâu lại tòi ra ngay trên vai trái.

Cuối cùng cả làng cũng tìm được người đàn ông bí ẩn ấy. Chiến

công này là của đám thanh niên. Mùa hè đến, thanh niên, trung niên các làng tổ chức đấu vật. Vô tình họ phát hiện anh Quả làng bên có nút ruồi son bên vai trái. Anh tầm độ tuổi ấy, con bà Tình nhà nghèo rót mừng tơi. Dù anh làm quần quật ngoài đồng mà da vẫn trắng trẻo, tóc cũng bông bông. Đối chiếu với những đặc điểm cô Queo nêu thì chín mươi chín phần trăm đích thị là anh. Tiểu sử của Quả cũng có một chút vấn đề: lấy vợ từ năm hai mươi nhưng chỉ ở với nhau được một tuần là cô vợ xách gói bỏ nhà ra đi. Dân làng rộ lên tin đồn: Anh Quả chẳng “làm ăn” gì được và ở một mình trong căn nhà nhỏ tự xây từ bấy đến nay. Hay rượu chè, bài bạc nhưng gái gú thì không ai biết. Nhưng biết đâu anh không làm ăn được với vợ nhưng với cô Queo lại được thì sao. Vậy là họ điệu anh Quả đến nhà bà Hai cho cô Queo nhận diện. Cô Queo lúnh quýnh chả biết nói sao, mặt cứ đỏ dừ lên và bỏ chạy vào buồng. Kệ mọi người muốn làm gì thì làm.

Mẹ anh Quả đang làm đồng nghe tin con trai độc đinh nhà mình có con với gái làng bên. Bà mừng không kịp thay quần áo, ba chân bốn cẳng chạy qua gặp con dâu, cháu nội. Đang đi ngoài trời nắng vào bóng mát, bà chẳng nhìn thấy gì chỉ thấy loáng thoáng một thằng cu kháu khỉnh đang nhìn bà cười. Vậy là bà trở về nhà mua trâu cau, bắt

anh Quả sang hỏi vợ. Mặc cho anh Quả kiên quyết bảo không phải anh làm, anh không thể nhưng bà bảo thằng cu Phúc giống anh lúc nhỏ như đúc. Bà từng này tuổi đầu không lẽ nhìn sai được à. Can ngăn mẹ không được, anh cũng đành nghe theo. Ban đầu là gượng ép nhưng sống một mình trong căn nhà nhỏ cô đơn nay tự nhiên có cô vợ khuôn mặt xinh xắn, giọng nói dịu dàng lại lễ độ, duy chỉ có cái chân là khó nhìn một tí. Cũng chẳng sao vì cô ấy có một thằng cu đáng yêu mỗi khi nó bi bô làm tim anh tan chảy. Từ chỗ chán nản rượu chè, bài bạc nay anh tu chí làm ăn. Trong nhà sắm sửa đủ cả. Vợ chồng anh còn định mua thêm cái tủ gỗ thay cho cái tủ đã bị bù xè ăn chỉ còn cái vỏ. Còn Queo cô cũng chẳng mong ước gì hơn. Ông trời quá ưu ái cho cô. Tuy cô không lành lặn về hình hài nhưng cô đã có một gia đình, một người chồng và một đứa con.

Con ngủ, chồng đi làm xa rảnh rồi, cô dọn dẹp cái tủ cũ. Dọn các thứ linh tinh trong ấy. Cô phát hiện có một cái hộp gỗ nhỏ rất đẹp. Tò mò mở ra xem. Bên trong là một tờ giấy được gấp cẩn thận. Thì ra là giấy xét nghiệm của chồng. Cô lướt nhanh đến phần kết quả, mặt cô tái nhợt đi, mồ hôi toát ra, cả người run lẩy bẩy, mắt cô nhòe đi dòng chữ: “Vô sinh do biến chứng quai bị lúc nhỏ”♦

Hút bóng người xưa

○ Truyện ngắn LÊ NGUYỄN NGŨ

Năm ấy chiến tranh leo thang. Người tránh bom đạn dồn về thành phố ngày một nhiều, chỗ ở rất khó tìm và đắt đỏ, nên mẹ tôi chỉ đủ tiền thuê một căn nhà nhỏ ở ngoại ô. Căn nhà rất bé, chỉ có một phòng và chái bếp phía sau. Vì một phòng nên ban ngày nó là nơi tiếp khách, chỗ chơi nhởi của tôi và tối đến, ngã tẩm nệm ra lại trở thành phòng nghỉ, ngủ của hai mẹ con. Những đêm mẹ đưa khách về nhà thì tôi ngủ trên chiếc nệm nhỏ nơi góc phòng, ngăn bởi một tấm ri-dô. Nhà tuy bé, tuềnh toàng nhưng bù lại cửa, rào đều rất chắc chắn. Chắc chắn đến nỗi đứa con trai mười tuổi như tôi những hôm mẹ đi làm khóa cửa và cổng lại, tôi chỉ còn biết... quanh quẩn trong nhà, dù bên kia đường nơi triền sông, tụi nhỏ trạc tuổi tôi luôn í ới, reo hò với bao nhiêu là trò chơi hấp dẫn.

Mẹ tôi khá đẹp! Đây không phải là nhận xét của riêng tôi, mà nhiều người đàn ông qua đêm ở nhà, nghe cũng khen mẹ tôi như thế. Tất nhiên đó là sắc đẹp chắc

đã về chiều. Tôi biết vậy vì lần hôm thấy mẹ soi gương, thường vuốt xoa những chỗ nhăn nơi đuôi mắt mình và đôi khi lại nén tiếng thở dài với vẻ mặt trông ít nhiều buồn bã. Mẹ tôi hát cổ nhạc, tân nhạc gì cũng rất hay. Nhớ những ngày còn bé mỗi khi mẹ muốn đi làm, chỉ cần người hát ru vài bài là mí mắt tôi không tài nào mở lên nổi. Tôi không có cha, và dường như mẹ tôi cũng chẳng rõ lắm về khoản này. Mà thật tình tôi chẳng cần điều đó. Tôi lớn lên trong vòng tay yêu thương, nuôi nấng của mẹ, thế là quá đủ. Thi thoảng cũng có những ông, thậm chí người nước ngoài, đêm về cùng mẹ, xưng “ba” với tôi. Họ cũng cho quà bánh và đối xử ngọt ngào cùng tôi cứ y như là... ba thật! Nhưng những buổi tối tuyệt vời ấy cũng nhanh chóng qua đi, khi sáng hôm sau mình tôi trở dậy với ánh nắng dọi lổ chỗ trống gà quanh nơi nằm và cửa, cổng đều khoá ngoài. Lâu dần tôi thành quen với những người “ba” thoát đến, thoát đi vào mỗi lúc đêm về như thế. Các người “ba” ấy khi đến, tôi thật sự mừng vui

và ra đi lúc mình còn say ngủ, tôi cũng chẳng buồn. Chỉ băn khoăn có mỗi một điều là những khi ra đi như vậy, họ - mấy người ba đó - có hôn mình lúc còn đang say ngủ hay không? Mẹ quả quyết rằng có nhưng tôi thì chưa bao giờ được dịp kiểm nghiệm lại điều này, bởi thói quen hay ngủ dậy rất chi là muộn của mình.

Tôi ngủ dậy muộn là lây thói quen từ mẹ. Mẹ tôi làm ở nhà hàng hay sờ-nách-ba gì đấy. Sau khi lo trước bữa ăn sớm và tối cho tôi, mẹ đi và thường về vào lúc quá nửa đêm. Dù dạo này người đi làm có sớm hơn, nhưng mắt tôi thì vẫn ngủ quên theo nếp cũ.

Cứ nhốt tôi một mình ở nhà như vậy mãi, ngày này sang tháng khác để đi làm, biết tôi buồn nên một hôm mẹ về sớm hơn thường lệ. Lần này có đưa theo một đứa con gái, cũng trạc trạc tuổi tôi. Tôi thật sự ngạc nhiên. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi thấy nhà mình có đón loại khách này. Cô gái khá dễ thương, tóc cột hai bím, có đôi mắt to đen nhìn vào e còn buồn hơn cả mắt mẹ tôi. Sau khi rửa ráy qua loa nơi chái bếp, mẹ dắt tay cô gái đến trước mặt tôi:

- Kha, đây là Tần, con của bạn thân mẹ. Mẹ nó vừa qua đời, hiện tứ cố vô thân. Từ nay mẹ là mẹ của nó. Nó mười hai, lớn hơn con hai tuổi. Từ giờ trở đi, hai đứa là chị em, nghe chưa?

Chị Tần bấy giờ nước mắt lưng tròng, búi lấy gấu áo mẹ. Mẹ gỡ

tay chị ra và đẩy đến trước mặt tôi:

- Con chào chị Tần đi, Kha!

Tôi lí nhí chào chị trong ngỡ ngàng:

- Em... chào... chị.

Sau đó là cơm tối. Mẹ đem về toàn thức ăn của nhà hàng. Món thì ít quá, món lại rất nhiều. Có những món trộn lẫn lộn vào nhau. Nhưng đặc biệt là tất cả đều rất ngon. Có chị, nỗi vui mừng từ nay không phải ở nhà một mình khi mẹ đi làm khiến tôi ăn rất ngon miệng. Còn chị Tần, không biết có phải vì lạ chỗ hay không mà cứ ăn nhỏ nhẹ như mèo. Mẹ tôi phải luôn gấp thức ăn cho và giục mãi.

Đêm ấy, tôi ngủ với chị Tần.

Sáng hôm sau như thường lệ, tôi thức dậy vào lúc bóng nắng đã xếp trướng gà quanh chỗ nằm. Sự nhớ đến sự việc tối qua, tôi vội tung chăn ngồi dậy. Phía sau có tiếng động lách cách. Tôi vội chạy ra chái bếp. Hoá ra chị Tần đã dậy từ lúc nào và đang rửa chén bát. Thấy tôi, chị hất đuôi tóc vàng hoe qua bên vai và nhìn lên, cười:

- Răng mà Kha dậy... sớm rứa ?

Gần như là lần đầu tiên trong đời, tôi thức dậy mà có người với mình, nên vội sà xuống bên chị:

- Chị... chị Tần ở lại nhà em... thiệt hả ?

Chị Tần cười rất buồn, cúi xuống nói nhỏ:

- Ủ, chớ Tần chừ còn biết... ở mô nữa!

Với nỗi mừng từ nay có bạn

khiến tôi ôm chầm lấy chị, lắc lắc:

- A... hay quá! Chị sẽ ở nhà em mãi mãi, ghen chị Tần ?

Chị Tần mím môi ra chiều suy nghĩ, đoạn gật đầu:

- Ủ, chỉ sợ mẹ và Kha không đủ cơm cho chị ăn thôi!

- Thì... lấy ở nhà hàng, chỗ mẹ em làm đó - tôi sốt sắng.

Chị Tần cười, gỡ tay tôi ra khỏi người và bảo:

- Thôi, Kha lại đánh răng, rửa mặt đi nờ.

Sau đó, chị Tần dọn bữa sáng hai chị em cùng ăn. Trông chị làm cứ tự nhiên như đã ở đây lâu lắm rồi và khéo léo cũng không thua mẹ tôi là mấy.

- Mẹ chị trước có làm... cùng chỗ hông mà quen với mẹ em, hả chị Tần? Tôi hỏi chị trong bữa ăn.

Câu hỏi vô tình của tôi khiến chị Tần bỗng ngừng đùa, rưng rưng nước mắt. Tôi hối hận quá. Bữa cơm với thức ăn đủ thứ của nhà hàng tối qua ngon bao nhiêu thì giờ bỗng lại... đắng nghét bấy nhiêu!

Rồi tôi mang ra khoe với chị Tần số đồ chơi ít ỏi mà tôi có được. Những đồ chơi do các “ba” trong nhiều đêm mẹ đưa về, có người đã cho tôi. Chị Tần cho biết chị cũng có nhiều đồ chơi như thế, nhưng qua mấy lần chuyển chỗ ở và gặp cái chết bất thần của mẹ thành ra thất lạc cả.

Từ khi có chị Tần, những hôm mẹ vắng nhà tôi không còn cô độc một mình sau song cửa, dán mắt ra đường đếm người đi, xe lại

hoặc dõi qua bên kia triền sông, xem tụi nhỏ chơi trận giả hay thả diều như trước nữa. Tôi và chị Tần chơi đồ hàng, đánh ô ăn quan, nhảy dây, thậm chí cả... bắn bi nữa. Chị Tần biết và dạy cho tôi nhiều thứ trò chơi lắm. Môn nào chị chơi cũng rất hay. Nhưng trò gì lập đi lập lại mãi, lâu dần rồi cũng chán. Một hôm, sau khi chơi chán chê những trò cưới xin, cô dâu chú rể... xong, chị bỗng bảo tôi:

- Chừ mình chơi trò... diễn kịch đi, Kha hề?

- Kịch gì ?

- Mình diễn vở Tim chồng trong động rấn, nghe ?

Tôi mù tịt:

- Em đâu biết Tim chồng trong... động rấn là sao?

Theo lời chị: Ngày xưa ngày xưa, có đôi vợ chồng trẻ rất yêu nhau, song cứ nghèo mãi, làm không đủ ăn. Một hôm người vợ không biết nghe ai xui, bảo chồng đi vào động rấn, tìm lấy cho được viên ngọc của con hổ mang chúa về thì sẽ giàu to. Yêu vợ, người chồng nghe lời lên đường, tìm vào hang động rấn. Vượt qua không biết bao nhiêu hiểm nguy, rấn rết, cuối cùng người chồng cũng tìm lấy được viên ngọc hổ mang. Để an toàn khi đem về, anh nuốt viên ngọc kia vào bụng. Nhưng không ngờ khi nuốt vào anh lập tức biến thành rắn. Với hình hài đó, người chồng không dám trở về gặp vợ, đành lẩn lút sống cùng những rắn khác trong hang động. Người vợ

ở nhà mòn mỏi chờ chồng tháng này qua năm khác. Cuối cùng được thần núi thương tình báo mộng, chị vật vã khóc than và khăn gói lên đường tìm chồng... Nội dung là vậy nhưng tôi và chị chỉ diễn ở đoạn người vợ lên đường tìm chồng trong động rấn thôi, vì chị chỉ còn nhớ diễn độc có mỗi đoạn này.

- Rồi... ai làm chồng, hờ chị Tần?

- Chỉ hai người thì Kha chớ mô nữa! Còn vợ để Tần, vì Tần thuộc mấy bài ni.

Đoạn chị bắt tôi choàng tấm đắp con Công và ngồi lên chiếc ghế, hai tay chồm khum đưa lên khỏi đầu giả làm rấn phồng mang. Chốc chốc lại nhăn miệng “khè... khè...” theo mỗi câu hát của chị. Còn chị Tần lấy vải trải nệm làm xà-rông, khoác lên người và vừa uốn lượn múa quanh tôi vừa cất cao giọng hát:

Ô... bà lí... Ô lá ba nì... Giàu sang để mà chi...?

Chàng thành rấn (ư...) hay chẳng, mà ánh nhìn (ư... mà) đắm đắm ?

Nếu chàng (còn... mà)ngihtình vợ chồng, xin tha thứ thiếp (ư... mà) một lần.

Ô... bà lí, ô lá ba nang... Chàng thành rấn hờ mang!

Thiếp lên đường tìm chàng. Người sao nữ (ôi...) quên đường về!

Viên ngọc khiến thiếp chàng, cách trở tình vợ chồng...

Ô bà lí... Ô lá ba nì...

Sau mỗi điệu múa, câu hát của chị xoay quanh, tôi phải hướng

người theo, chốc chốc lại phùng má khò khè, rồi dần dần gục gặt đầu làm như rấn đã thấu hiểu nỗi lòng của vợ mình. Sau nhiều lần vừa nhảy vừa hát múa như thế, nhận đúng con rấn này là chồng mình, chị đến áp miệng vào miệng tôi để hút viên ngọc ra. Còn tôi lúc ấy phải ôm quẩn lấy người chị để tỏ sự tha thứ, thương yêu của rấn chồng lâu ngày gặp vợ. Viên ngọc rấn ở đây là cái kẹo chị khéo léo bỏ nhanh vào mồm tôi, lúc quẩn chị, để rồi sau đó chị lại hút ra, hai đứa cắn chia đôi cùng mút khi vỡ kịch chấm dứt.

Vở kịch Tìm chồng trong động rấn này hình như chị chơi ở đâu khá nhiều lần nên trông rất chi là điệu nghệ, hai cánh tay cong lên lượn xuống nhịp nhàng với những cái lắc vai, lắc hông hết như vũ nữ thứ thiệt. Và chị hát thì cũng rất hay, giọng nghe cứ véo von như thể tiếng của dân tộc nào nơi đền thiêng cổ kính tận đâu tận đâu. Riêng vai chồng như tôi, chỉ việc xoay người khò khè quanh ghế nghe hát, xem múa một lúc là được chị bỏ viên kẹo vào mồm, nên rất thích chơi trò diễn vở này.

Một đêm tháng Chạp trăng sáng và rất lạnh, sau khi vở kịch chấm dứt, tôi vừa mút kẹo vừa hỏi:

- Ai bày chị vở này mà múa hát hay vậy, hờ chị Tần?

Chị Tần vừa chùi phấn mài từ cục gạch trang điểm trên mặt, vừa nói:

- Ai mô nớ, mẹ chị đó!

Tôi ngây ngô:

- Vậy hồi mẹ chị hát, ba chị có làm chồng như.. Kha hông?

Nghe tôi hỏi vậy, chị Tần cụp xuống đôi mắt rợp mi đen buồn:

- Ba? Chị nỏ rõ mô!

Và rồi chị cho biết mẹ chị quê ở tận ngoài Huế, sau một đận bom thả xuống làng, hai mẹ con lưu lạc vào đây, để cuối cùng rồi... Kết thúc chuyện, chị chép miệng buồn và nói như người lớn:

- Rứa cũng tại... chiến tranh ọ, Kha nì?

Tôi thì chẳng hiểu chiến tranh là mô tê gì. Ngoài việc chắc cũng giống như mấy đứa bên triền sông trước nhà chơi trận giả, có điều của người lớn thì phải to hơn nhiều, thế thôi. Bằng chứng là có những đêm mẹ chưa về, tôi và chị Tần nép bên song cửa, dõi nhìn những ánh hỏa châu như con mắt thần chết rơi ngoằn ngoèo típ tấp bên kia sông và vô vàn tiếng súng từ xa âm oàng vọng vào. Mỗi lần nghe thế, tôi bấu lấy chị Tần và chị cũng ôm choàng lấy tôi sợ hãi, thầm thì: “Chiến tranh ọ, Kha nì!”. Có nhiều khuya tôi bỗng dưng thức giấc bởi những tiếng nổ chát chúa, tiếng chân người chạy rầm rập... và rồi lại thiếp đi trong vòng tay vỗ về, ôm ấp của chị Tần cùng với câu thầm thì rất chi là hiểu biết “Chiến tranh ọ, Kha nì!”.

Chiến tranh có lẽ ngày một lớn, một lan rộng hơn. Có nhiều hôm con đường trước nhà tôi xe nhà binh chở lính tráng, súng ống chạy qua chạy về nghe rầm rầm. Rồi

đêm thì cảnh sát rượt đuổi ai đó với những tràng súng nổ chát chúa và tiếng la hét; ngày lại thấy mấy đám đưa ma đi trong những lời kêu hối, khóc than náo nùng...

Do ảnh hưởng của chiến tranh nên dần rồi tôi với chị Tần cũng thưa đi trò chơi Tìm chồng trong động rần, để dán mắt nhìn qua song cửa theo những sự kiện lạ lùng xảy ra bên ngoài ngày một nhiều hơn.

Một tối, mẹ tôi say khướt đưa về người lính Mỹ da đen như đất nồi, mang theo cả súng ống, cười nói lú la lú lờ. Ông ta chìa cho tôi với chị Tần mỗi đứa hai lát kẹo cao su và xoa đầu chúng tôi. Mẹ tôi lè nhè giục tôi và chị:

- Ba con cho đó, cảm ơn thanh -kiêu đi!

Khi vào tắm nệm sau ri-đô ở góc phòng, chị Tần giọng đầy lo âu, thì thầm vào tai tôi:

- Chiến tranh ọ, Kha nì!

Lúc ấy tôi thật sự hoảng sợ khi đồng thời nghe tiếng huỳnh huých, huỳnh huých giữa mẹ tôi với ông thanh-kiêu vang lên bên kia tấm màn. Mẹ con tôi với chị Tần nào có làm gì nên tội, để bây giờ chiến tranh lại mò vào tới tận nhà vào đêm hôm khuya khoắt như vậy?! Tôi toan vùng ra với mẹ nhưng chị Tần quán chặt lấy tôi lại, để cho cơn buồn ngủ tha hồ xâm chiếm.

Đêm ấy tôi mơ thấy chiến tranh với vô số hỏa châu, đạn pháo đầy trời...

Năm đó dường như mùa đông

đến sớm và lạnh hơn mọi lần. Mỗi khi ngày lên hay chiều xuống, bên kia triền sông sương muối dâng lên trắng xóa, lan qua cả mặt lộ tràn vào đầy nhà tôi. Thứ sương muối màu xám đục như khói, sờ thấy bay qua kẽ tay, tràn vào miệng mũi nghe vừa lạnh hanh vừa buốt khô đến tận trán. Trong nhiều mùa đông tha phương, chắc đây là mùa lạnh lẽo, khắc nghiệt nhất mà mẹ con tôi từng gặp.

Mùa đông ấy, những đêm lạnh không ngủ được, tôi với chị Tần thấy lần nào về mẹ cũng lướt khướt say. Có đêm về, mẹ vừa lão đảo ngồi bệt xuống nền nhà, vừa lòi ra khoe tôi và chị Tần những cuộn đô-la nhàu nát, vo tròn mà cả hai chúng tôi chẳng biết giá trị ra sao. Chị Tần và tôi xúm vào vuốt thẳng và xếp chúng lại cùng mẹ. Cũng có đêm về, tuy ít say nhưng đôi mắt mẹ lại trũng buồn và nằm hát suốt đêm, những bài ca không đầu, không cuối. Trong các bài hát ấy, đôi lúc tôi cũng bắt gặp lại vài câu mà mẹ đã ru tôi từ khi còn bé lắm. Thường thì tôi hay riu mắt ngủ đi trong vòng tay của chị Tần mỗi khi được nghe những lời ca ru cũ.

Thời gian này mẹ tôi thường đi sớm, về muộn hơn. Đêm nào người cũng về lúc tôi đã ngủ say và thường đi khi tôi chưa thức giấc. Tôi chỉ biết đêm có mẹ về qua lời kể lại của chị Tần. Mỗi đêm mẹ về dù khuya khoắt thế nào, cũng hay tha theo cho chúng tôi một thứ quà gì đấy. Khi mấy lát kẹo cao su, lần

vài nắm hạt dưa, lúc lon đồ hộp Mỹ... Có đêm tôi và chị Tần quyết tâm thức cùng chờ quà mẹ. Hai đứa ngồi sau song cửa lắng nghe tiếng chó sủa đêm vọng vào khi xa, lúc gần và thi nhau xem ai đoán trúng mẹ về. Tôi và chị Tần ngồi đoán gần như suốt đêm, nhưng cuối cùng rồi mẹ về lúc nào chẳng hay, chỉ thấy sáng ra hai đứa ngủ trên tấm nệm, còn... mẹ thì đã lại ra đi từ lúc nào rồi!

Sau Nô-el năm ấy, có những đêm nửa khuya tôi chợt thức giấc bởi nhiều tràng ho không dứt của mẹ vọng vào. Khi biết không có “ba” nào ngoài ấy, tôi vội bật khỏi vòng tay chị Tần, chạy sà ra với người. Thế là tôi lại được dịp tha hồ vui đùa vào ngực mẹ, tận hưởng hương ti của ngày xưa lẫn lộn giữa nồng nàn mùi rượu bia, son phấn... Và rồi qua giọng ru khàn khàn, dứt đoạn bởi cơn ho, tôi lại thiếp đi để về với trò chơi Tìm chồng trong động rấn của chị Tần... với những tiếng “khò khè...” như hư như thực.

Một chiều, khi tôi và chị Tần đang dõi mắt qua song cửa đếm những cánh diều lượn bay trên bầu trời bên kia đường, thì bất chợt một chiếc xe to dừng chở toàn lính Mỹ đổ kịt trước nhà. Họ thả xuống mẹ tôi, người lão đảo vào với máu tuôn nhuộm đỏ dưới nửa thân!

Đêm ấy mẹ tôi qua đời sau khi thều thào tiếng được, tiếng mất với tôi và chị Tần “Mẹ... đi rồi..., hai con... ở lại mạnh... giỏi. Nhớ thương

yêu... đùm bọc... lẫn nhau...!". Tôi sợ hãi nhìn mẹ và búi chặt lấy chị Tần. Còn chị, hình như đã từng biết thế nào là biệt ly nên khóc gào lên thảm thiết !

Khoảng tuần, sau khi người ta đưa xác mẹ tôi đi, chủ nhà trọ dẫn một cặp vợ chồng lạ đến chỗ tôi và chị Tần. Hai người này qua cách ăn mặc và trang sức, có vẻ rất giàu có. Hai vợ chồng cho tôi và chị Tần khá nhiều quà. Qua cung cách và câu chuyện giữa họ, tôi và chị Tần biết chủ trọ định "cho" hai chúng tôi để vớt vát lại tiền nhà mẹ tôi còn thiếu trước lúc "ra đi". Sau khi giới thiệu với hai đứa, đây là đôi vợ chồng ở tận làng chài miền duyên hải, họ trao đổi với nhau gì đó, rồi cuối cùng bà giàu có nắm tay, xoa đầu chị Tần, giọng ngọt ngào:

- Thôi vậy được rồi, ngày mai về ở với dì, ghen con !

Chị Tần nghe thế vội ôm chặt lấy tôi:

- Thưa bà, còn... em con thì ... rằng ạ?

- Dì chỉ có khả năng... một đứa là gái thôi. Bà giàu có lắt đầu.

Chị Tần nước mắt lăn dài, chấp tay lạy van:

- Xin bà rủ lòng thương, nếu lấy thì lấy luôn hai đứa, cho tụi con sau nì khỏi... lạc nhau !

Nghe chị Tần van vỉ thế, đến lượt người chồng giàu có chậm rãi lắt đầu.

Sau đó với làn cơm để lại, họ khoá cẩn thận cửa và cổng nhà, hẹn mai sẽ đến để đưa chị Tần đi.

Đêm ấy biết là đêm cuối cùng còn được ở bên nhau hai đứa, nhất là tôi khóc đến sưng cả mắt, không thiết đến uống ăn gì cả. Tôi đâu ngờ rằng đến một ngày nào đó, mình chẳng những mất mẹ mà cũng không được cả ở bên chị Tần. Và cũng đêm cuối cùng ấy, tôi và chị Tần thức rất khuya, khuya hơn cả những hôm chờ mẹ đem quà về. Chị Tần hết khóc lại vuốt tóc tôi:

- Ri cũng là tại... chiến tranh đó, Kha nì!

Chiến tranh là gì ? tôi thù muôn thuở thứ này và hỏi chị Tần.

- Là... là... dù thương yêu nhau như ri, dù... mẹ có trời trăng rằng nữa, mình cũng... nổ được ở gần nhau...

Trong vòng tay của chị Tần, lần đầu tiên tôi nghe như có cái gì đó khang khác. Cuộc chia ly chợt thức tỉnh trong tôi cảm giác vừa được lại vừa mất qua lần thịt da ấm nóng và mùi tóc trước khét nắng giờ bỗng dưng rất đổi nồng nàn của chị. Những điều mà trước đây ngủ cùng bao nhiêu lần tôi chưa hề cảm thấy. Nay trước viễn cảnh chia ly, sự nhận biết này càng khiến tôi không muốn rời chị một phút nào.

- Rồi... bao giờ thì Kha lại được gặp chị, hả chị Tần?

- Biết khi mô! Sau này lớn, đến gần tết như chừ, dù ở mô mình cũng tìm về nơi nì để tìm nhau, Kha hí.

Nghe thế, tôi khóc mùi:

- Cũng giống như... tìm nhau

trong động rấn, phải hông chị Tần?

Chị Tần buồn bã gật đầu. Bỗng lần đầu tiên từ khi sống với nhau không chơi trò diễn kịch, chị ôm hôn tôi. Cái hôn cuồng nhiệt, đầy nước mắt mà không có tí kẹo nào nên vừa nồng nàn vừa cay đắng. Rồi liền đó chị buồn buồn, khe khẽ hát: ... Ô bà lí, ô lá ba nàng... Thiếp lên đường tìm chàng, người sao nữ quên đường về?... Tiếng hát lại đưa tôi dần vào giấc ngủ. Ở đó, tôi mơ thấy mình đang lạc vào hang động đầy hùm beo, rấn rết với trên đầu là rần rịt bao lần đạn đỏ lừ vạch ngang xẻ dọc, cùng hỏa châu như những giọt lệ vẽ thành đường khói xám xịt ngoằn ngoèo in lên má trời đêm. Rồi sau cùng là mẹ tôi với thân thể đầm máu đỏ loè lảo đảo rời khỏi chiếc xe đầy lính Mỹ...

Anh sáng chói loà, tôi thức dậy khi nắng mai vừa dọi vào mắt. Phải mất một lúc lâu tôi mới ra khỏi giấc mơ, và sức nhớ ra rằng hôm nay là ngày đầu tiên tôi mất chị Tần. Tôi vội chạy ào ra nhà sau. Chái bếp, nơi chị ngồi rửa bát sáng đầu tiên đến nhà, giờ vắng tanh vắng ngắt ! Người ta đã đến đưa chị đi lúc tôi còn đang say ngủ, sau đêm cuối cùng hai đứa thức rất khuya.

Cổng, cửa nhà đều đã khoá ngoài. Với lòng bàn tay cạy mở cửa, tôi hiểu rằng sự ra đi của chị vẫn chưa trả hết nợ tiền thuê mà mẹ tôi đã thiếu. Tôi vội chạy đến đu người vào song cửa,

gào to lên. Hy vọng nếu chưa đi xa, chị Tần của tôi vẫn còn nghe thấy được:

- Chị... Tần! Chị... Tần ơi...!

Sau đó ít lâu, tôi cũng được chủ phòng trọ gán cho một người ở thành phố tí trên cao nguyên.

Từ ấy đến nay hơn ba mươi năm qua rồi, cuộc đời đã đưa tôi dạt trôi, dập bầm cùng khắp nhưng dù ở đâu, tôi cũng không quên được chị Tần. Nhất là mỗi năm vô tình gặp lại cái lạnh hanh se của tháng Chạp vào những lúc sớm lên hay chiều xuống. Và năm nào cũng vậy cứ gần tết, vào đúng ngày năm ấy, tôi đều tìm về lại chốn xưa. Tìm về để tưởng nhớ người mẹ yêu thương giờ không biết đã an nghỉ nơi nào và chờ gặp chị Tần. Căn nhà cũ nay đã biến dạng nhiều tầng, thay bao nhiêu chủ nhưng tôi chưa một lần gặp lại được chị Tần xưa! Người chị với những tiếng hát “Tìm chồng...” suốt bao nhiêu năm lúc nào trong tim tôi cũng mơ hồ, vắng vắng.

Ồ... bà lí... Ô lá ba nì... Giàu sang để mà chi...?

Chàng thành rấn (ư...) hay chẳng, mà ánh nhìn (ư... mà) đắm đắm?

Nếu chàng (còn... mà) nghĩ tình vợ chồng, xin tha thứ thiếp (ư... mà) một lần.

Ồ... bà lí, ô lá ba nàng... Chàng thành rấn hổ mang!

Thiếp lên đường tìm chàng. Người sao nữ (ôi...) quên đường về!

Người tìm tôi trong động rấn thuở nào nay còn hay đã mất???♦

Những mảnh đời lam lũ

○ Truyện ngắn HOÀNG LAN QUYÊN

C hú Bốn và cô Năm ở xóm tôi mồ côi cha, mẹ từ lúc còn nhỏ. Khi đó quê hương, đất nước còn đang chìm trong chiến tranh gian khổ. Nghe kể lại là cả nhà chú Bốn sau khi ăn cơm tối xong, xuống hầm núp tránh đạn thì một quả pháo từ đồn giặc bên kia sông bất ngờ bay lạc và rơi trúng nắp hầm. Cha, mẹ chú Bốn vừa nghe tiếng nổ vội vàng nằm úp lại che cho hai con nhưng lại bị mảnh đạn văng tới từ phía sau lưng. Mảnh đạn đâm xuyên qua tim và họ đã vĩnh biệt con cái ngay trong cái đêm kinh hoàng ấy.

Mới mười tuổi đầu, chú Bốn đã phải xin làm phụ việc với bác Hai thợ rèn để có cơm ăn. Chú ăn một nửa còn một nửa gói lại đem về cho em. Nhưng chỉ kiếm được bữa trưa thôi nên chiều chiều hai anh em phải mang giỏ đi hái rau má hoặc bắt róc (cua đồng) về ăn tối. Bà con hàng xóm thương tình kẻ ít, người nhiều cho lon gạo, rổ khoai để họ sống qua ngày. Khi

ngoài đồng lúa chín vàng, có đám gặt nào thì cô Năm đi mót lúa (nhặt những bông lúa còn sót sau khi gặt hoặc nhặt từng hạt thóc rơi vãi). Sau khi đem lúa về nhà cô Năm cũng biết phơi khô rồi cho vào chum để dành ăn trong mùa mưa bão. Vì cả hai anh em không có điều kiện đến trường nên thầy giáo làng đã mua cho hai tập vở đánh vần chữ quốc ngữ để tự học. Chú Bốn sáng dạ nên chẳng những đọc thông viết thạo mà còn chỉ cho cô Năm nữa. Sau khi biết chữ, chú Bốn còn đọc thuộc lòng nhiều câu hát và hát nghêu ngao trong sự hồn nhiên, vô tư của tuổi thơ.

Sau một thời gian, chú Bốn đã lớn và thạo việc. Chú vay mượn tiền của bà con mở ra một lò rèn. Vốn chịu khó và khéo léo nên chẳng bao lâu lò rèn chú Bốn đã thu hút mọi người. Nhà nào cũng cần dụng cụ trong sinh hoạt và lao động như cái dao, cái rựa, lưỡi cuốc, lưỡi cày... Chú Bốn rèn vừa khéo vừa sắc bén nên



Minh họa: LÊ VĂN QUÝ

ai cũng thích. Cô Năm không đi hái rau má nữa mà ở nhà kéo bể cho anh. Ông bể “phì... phò...”, lò than lửa đỏ hừng hực, tiếng búa đập chan chát, rộn vang cả xóm làng. Những khi rèn thanh sắt to, vật dụng khó cần người đập đe thì có thêm anh hàng xóm trợ giúp. Cánh tay vạm vỡ của anh lên xuống đều đặn theo từng nhát búa, còn chú Bốn thì dùng đôi đũa sắt dài kẹp thanh sắt đã nung trong lửa đỏ rực, khéo léo uốn cong thành các vật dụng rồi nhúng vào bể nước lạnh cho nguội. Sau đó chú mài giũa thành những vật dụng sáng loáng và mẫu mã cũng đa dạng, đẹp mắt. Lò rèn hoạt động đều đặn, tiếng bể “phì... phò...” suốt ngày. Khi vào mùa vụ

thì chú Bốn rèn thâm vào cả ban đêm nữa, thành ra thu nhập cũng khá ổn định. Chú đã trang trải được nợ nần và dự định tích lũy để xây lại căn nhà tranh thấp lè tè cũ kĩ của mình.

Thế rồi một chuyện không may xảy ra. Một buổi chiều nọ, cô Năm đang ngồi kéo bể, chú Bốn và anh thanh niên dùng hết sức lực để đập dẹp thanh sắt to làm lưỡi cày thì bỗng từ trên đe, vài mảnh sắt đỏ lửa bay vút, dán vào hai mắt cô Năm. Cô chỉ kịp thốt lên: Ôi trời đất ơi! rồi ngã quỵ xuống đất. Chú Bốn cống quýt, vội vàng mượn chiếc xe đạp thô chở em đi xuống nhà thương xã. Mảnh sắt đang nung nóng bay vào mắt đau quá nên cô Năm lăn lộn kêu trời.

Chú Bốn lại chở em lên bệnh viện quận rồi thuê xe Lam chở vô bệnh viện tỉnh để kịp thời cứu chữa. Anh nuôi em tận tụy suốt một tuần, vết thương héo dần nhưng buồn thay - đôi mắt tinh anh không còn nhìn thấy ánh sáng nữa. Cô Năm khóc ròng, nước mắt chảy đầm đìa ướt cả áo. Chú Bốn nén chặt nỗi đau trong lòng, không khóc nhưng thật xót xa vì từ đây em mình sẽ sống trong bóng tối vật vờ. Chú Bốn thâm trách số phận sao lại nghiệt ngã với cô Năm đến thế?

Sau khi xuất viện, cô Năm chỉ quanh quẩn trong nhà. Cô mò mẫm từng đường đi lối lại và nhanh chóng quen thuộc như trong lòng bàn tay. Cô tự tắm giặt cho mình. Và để bớt vất vả cho anh, cô còn chế củi, nấu cơm, nấu nước, quét sân... Hai anh em nương tựa nhau mà sống qua ngày. Chú Bốn thương em nên chân chừ mãi mà không chịu lập gia đình. Đến khi hơn bốn mươi tuổi chú quyết định ở vậy nuôi em. Ngày đêm hì hục bên lò rèn, khói bụi, lửa than nên mặt mũi, quần áo chú Bốn lúc nào cũng lấm lem. Áo sứt chỉ, quần lỏng dây thun không người khâu vá nên đôi khi chú ăn mặc rất luộm thuộm. Có lần chú Bốn mặc cái quần dài lưng thun nhưng dây lưng bị đứt, chú bèn lấy sợi dây chuối luồn vào thay thế và cột lại thành một chùm trước rốn. Mỗi lần chú Bốn vung búa, rướn người, ngẩng lên, cúi xuống đập thanh sắt trên đe thì chùm dây chuối đung đưa

theo, Lũ trẻ hàng xóm cắt cỏ ở vườn bên đứng xem cười tít mắt. Chị Số khi đó khoảng 14,15 tuổi đang đứng ôm bó cỏ trở mắt nhìn một cách chăm chú. Rồi bỗng nhiên chị chạy vụt đến nấp sau lưng chú Bốn thò tay kéo mạnh cái dây chuối dài ở trước bụng. Ui chao, cái lưng quần không có dây buộc bị tuột xuống. Chú Bốn vội quăng cái búa, tay giữ chặt cái quần nhưng sau đó tức giận thả luôn và chạy đuổi theo bắt cho được chị Số (cũng may là chú còn cái quần con bên trong). Hai người chạy đuổi quanh vườn ông Lợi đến năm, bảy vòng. Chị Số co chân vừa chạy vừa cười như nắc nẻ còn chú Bốn thì vừa thở hồng hộc vừa chửi: “Ông cố tổ nội cha mày, tao mà bắt được tao nướng mày luôn!”. Bọn trẻ chúng tôi chứng kiến cảnh tượng đó lúc đầu thì vỗ tay thích thú nhưng khi thấy khoảng cách hai người rút ngắn dần thì lo lắng, hồi hộp. Khi hai người chạy ngang qua hàng cây mít, chỉ còn cách một sải tay thôi chúng tôi ai nấy đều run (có đứa tè ra quần) vì nghĩ là chỉ trong giây lát nữa, chị Số sẽ nằm trong tầm tay chú Bốn. Nhưng thật bất ngờ, chị Số ngoái đầu lại thấy chú Bốn gần sát đang chồm tay về phía trước, chị liền thót lên cây mít sát bên rồi leo vội lên cành cây cao. Chú Bốn mất đà vấp phải bụi cỏ ngã nhào, lăn một vòng xuống khoảnh ruộng lúa gieo đang trổ đồng. Chị Số và lũ trẻ lại khoái chí cười vang.

Hoàng hôn buông xuống, cây cỏ bắt đầu hứng những giọt sương đêm. Chú Bốn lồm cồm ngồi dậy rồi đi lại đứng dưới gốc mít canh chừng để bắt cho được chị Số. Chú không biết leo cây nên chỉ đứng dưới gốc chỉ tay lên cành cao và quát: Con kia, mày có giỏi thì xuống đây! Chị Số cười ha hả như khêu tức chú vậy. Còn chúng tôi thì đứng tùm lại, bụm miệng không dám cười to nữa. Trời đã tối hẳn, màn đêm dày đặc, thế mà không đứa nào chịu đi về vì muốn xem thử hồi kết ra sao. Mười lăm... rồi hai mươi phút trôi qua... Chúng tôi đi gom số cỏ cắt được bỏ vào bao và cũng không quên gom giúp cho chị Số. Hôm nay do có sự cố nên không đứa nào cắt cỏ được đầy bao cả. Xong việc chúng tôi lấy dây chuối cột lại rồi ngồi trên bao cỏ êm êm nấn ná chờ đợi. Các nhà trong xóm đã lên đèn. Những chú đế bắt đầu cất giọng rí rả khúc nhạc buồn. Chú Bốn đứng chờ mỗi chân, chị Số vẫn gan lì ngồi im trên cành cây cao. Bất giác chú Bốn thở dài, nhớ đến cô Năm một mình lui cui trong bóng tối nên chú đành nuốt giận, quay lưng rảo bước về phía lò rèn. Chú dọn cất đồ đạc rồi về nhà với em.

Chị Số quan sát thấy chú Bốn đi khỏi rồi mới dám tuột xuống đất và thở phào nhẹ nhõm. Vội vàng, chị đội bao cỏ lên đầu chạy thật nhanh về nhà kéo mẹ chị ngồi trông.

Rồi một ngày nọ - một ngày mùa Đông u ám, chú Bốn bị lao

phổi nặng. Bà con đưa chú đi bệnh viện. Chị Số tự nguyện đi nuôi vì gọi chú bằng cậu họ. Sau hai tuần điều trị, bệnh không thuyên giảm mà càng trầm trọng. Sau những cơn ho kéo dài, chú Bốn kiệt sức và tắt lịm trên giường bệnh. Chú đã về với đất để gặp ba mẹ mình nơi thế giới bên kia, bỏ lại đứa em gái mù lòa.

Cô Năm khi nghe nói anh mình đã qua đời liền vật vã khóc than. Nỗi đau mất đi người thân duy nhất làm cô khô cạn nước mắt. Cô tiêu tụy ngồi ở góc nhà đôi mắt trắng dã, lơ đãng khô khốc. Ai cũng xót xa, thương cảm cho thân phận, cuộc đời của hai anh em.

Từ khi chú Bốn mất, cô Năm được chị Số dẫn về nhà chăm sóc. Chị thương cảm cho hoàn cảnh éo le của cô dù nhà chị cũng nghèo khó. Cha chị mất sớm, nhà chỉ còn có hai mẹ con. Chị cũng nghỉ học giữa chừng để phụ giúp công việc đồng áng với mẹ. Hàng ngày, khi chị và mẹ đi làm về tối thì cô Năm ở nhà nấu nước, nấu cơm... Ngôi nhà nhỏ từ khi có thêm người càng thêm ấm áp. Họ gắn bó với nhau như ruột thịt và nương nhờ sự giúp đỡ của dân làng để vượt qua những cơn khốn khó.

Cuộc sống ở làng quê trôi đi theo ngày tháng cho đến khi đất nước được hoàn toàn giải phóng (tháng 4/1975). Ngôi nhà tranh tre của cô Năm - nơi hai anh em nương nấu nướng thiếu thốn giờ đây đã sụp sập, đổ nát, có nguy cơ đổ sập bất cứ lúc nào. Thấy vậy, hội

Nông dân và Phụ nữ xã đã kiến nghị lên cấp trên xin kinh phí sửa chữa. Thời gian chờ đợi khá lâu mà chưa thấy động tĩnh gì nên các bác nông dân trong xóm đã rủ nhau lên núi cắt tranh về phơi khô rồi đóng góp kẻ cây tre, người bó lạt... Và một ngôi nhà đơn sơ, xinh xắn được dựng lại bằng tình nghĩa xóm làng. Bàn thờ ông bà và chú Bốn cũng được bác Hai thợ mộc đóng sửa lại cho chắc chắn hơn. Dù không thấy nhưng nghe chị Số kể lại cô Năm mừng đến chảy nước mắt. Cô thầm cảm ơn tấm lòng của bà con chứ không biết lấy chi đền đáp. Cô ước ao có một phép màu nhiệm nào đó mang lại chút ánh sáng để cho cô thấy được ngôi nhà, để nhìn bà con dù chỉ một lần. Nhưng nỗi khát khao đó chỉ trong vô vọng mà thôi.

Nhân kỉ niệm mười năm ngày giải phóng quê hương (24/3/1975-24/3/1985) có một đoàn của tổ chức Nhân đạo quốc tế về thăm quê tôi. Trong đoàn đi có nhiều giáo sư- bác sĩ chuyên khoa mắt nước ngoài. Sau khi đi thăm các di tích chiến tranh, thăm nhà nuôi dưỡng trẻ em bị chất độc da cam, đoàn đã tổ chức khám và phẫu thuật mắt miễn phí cho người nghèo. Cô Năm tuy bị mù đã lâu nhưng nghe nói lòng cô lại bừng lên niềm hi vọng mong manh. Cô nhờ chị Số dắt đến khám. Cô như không tin vào tai mình khi nghe bác sĩ bảo:

- Mắt trái bị hư vĩnh viễn, còn mắt phải có thể phục hồi được

30% sau khi phẫu thuật.

Cô Năm mừng quá, thiết tha mong bác sĩ giúp cho cô tìm lại chút ánh sáng. Cô cảm thấy đời mình cũng còn có niềm vui và may mắn. Bác sĩ hiểu hoàn cảnh và như đọc được tâm trạng của cô, ông cẩn thận, khéo léo và cố gắng hết mình trong từng động tác khi phẫu thuật. Và ông đã thành công.

Sau ba ngày tháo băng, cô Năm đã thấy mờ mờ, loang loáng. Rồi một tuần sau, cô nhìn thấy rõ hơn. Cô Năm vui mừng tột độ tựa như người chết đi sống lại. Còn gì mừng hơn khi tìm được chút ánh sáng quý giá sau hai mươi năm rùng rùng sống trong bóng đêm mù mẫm. Bà con ai cũng đến thăm hỏi và chia vui. Ngôi nhà chị Số xôn xao tiếng nói cười rôm rả.

Một buổi chiều mùa Hạ, cô Năm lần bước về căn nhà cũ - nơi cô đã sinh ra và lớn lên. Cô nhìn lên bàn thờ cha, mẹ và anh trai mà nghe lòng quặn thắt. Những cuộc đời lam lũ đã lần lượt ra đi, chưa một ngày được trọn vẹn trong yên vui. Cô cảm thấy mình vẫn còn diễm phúc khi được sống trong sự cuc mang của bà con, làng xóm và được nhìn thấy cảnh đất nước thanh bình, quê hương đang từng ngày đổi sắc, thay da.

Nắng chiều sắp tắt. Bầu trời xanh lộng gió nâng những cánh diều chao lượn trên không. Cô Năm đưa mắt nhìn theo mà lòng chạnh nhớ những khát khao của hai anh em tự thưở nào ♦

○ LÊ THANH HÙNG

Viết ở nghĩa trang

... “Nếu các anh trở về tất cả
Sư đoàn ta bằng mấy sư đoàn?”...
Nguyễn Đức Mậu

Không ai sinh ra đời, để làm anh hùng
Gọi cách khác, đó là những gì mất mát
Của những hy sinh giữa sóng đời xô dạt
Năm mồ con, vẫn trong đội ngũ điệp trùng

Nguyên tuổi mười chín, trong câu hò, câu lý
Oằn nặng ba lô, mang đi khắp mọi miền
... Có hương con gái, trôi vào đêm mộng寐
Mang suốt một đời, đôi mắt biết làm duyên

Chiều nghĩa trang, sao không có một tiếng chuông?
Để cảnh tỉnh, cho những mưu toan, lừa lọc...
Nắng xói lung khe và mưa treo triền dốc
Địa chỉ dòng Bia reo, chớp giật, mưa nguồn...

Ai ăn mày... ai to tiếng, chuyện máu xương
Cũng lặng thinh, đứng trước Bia: Tên chưa rõ
Mọi thứ tan trong hư không, nhưng còn đó...
Câu diễn ngôn trôi, quánh đặc khói trầm hương



Hình ảnh chinh phu trong sách cũ mỗi mòn
Đâu “Hồn tử sỹ ù ù gió thổi”^(*) lại...?
Đường ra trận, rộn vang tiếng cười con gái
Ăn mãi khoai mỳ, nằm kể món ăn ngon

Đường về Bác Ái^(**) mỏng như khói, xa xăm
Nhưng “*Đã tin rồi, thì tin cho đến chết*
Còn không tin, thì có chết cũng không tin”^(***)
Tiếng em gái Raglay cười, không có nốt trầm...

Công trạng tổ tiên: Thánh Gióng bay lên trời
Giờ xương thịt các anh tan vào đất mẹ
Vô tư sống, hết một vòng đời lặng lẽ
Cho non nước này, mãi mãi sẽ xanh tươi

Chiều nghĩa trang, nắng đã rút lịm từ lâu
Người quản trang già, ngồi ưu tư chống chỏi
Mơ về một cánh rừng trong chiều sương gọi
Có trạm giao liên, có một mối tình đầu...

(*) *Chinh phụ ngâm*.

(**) *Địa danh ở Ninh Thuận*.

(***) *Lời Anh hùng LLVT Pi Năng Thạnh, dẫn theo chú
Bố Xuân Hổ*.

○ PHẠM ÁNH

Không lần gặp lại

Không lần gặp lại cha tôi
Từ ngày thơ dại cút côi đến giờ
Như bao thôn nữ đợi chờ
Mẹ tôi là một bến đò ven sông

Ngàn xưa hóa đá chờ chồng
Biết bao hy vọng ghi lòng sắt son
Không lần gặp lại vợ con
Cha tôi góp cuộc nước non thái bình

Chiến tranh mất mát hy sinh
Đời đời ghi nhớ nghĩa tình người đi
“Chưa hề có cuộc chia ly”
Ngọt bùi chen lẫn đắng cay ở đời.

○ HÀ QUẢNG

Em có về thăm Quảng Ngãi?

Em có về cùng anh trong mùa nước cạn
Để đêm nghe thao thức sông Trà
Gió miên man thổi qua triền cát
Dọc con đường cỏ dại lại ra hoa.

Ai cũng có một nơi làm chốn đi về
Sau bao nhiêu năm ngược xuôi bươn chải
Quảng Ngãi quê mình rất đổi yêu thương
Để người đi xa luôn nghĩ về quê mẹ.

Trong cội lòng nhiều khi thầm lặng
Nỗi nhớ lại chồng nỗi nhớ thiết tha
Em có nghe âm thanh của đất!
Đợi em về trong sâu thẳm chờ mong.

○ NGUYỄN KIM HUY

Cho làn hương bay trong mỗi ngôn từ

ở trong cơn gió nhẹ sáng sớm nay có một làn hương
dịu dàng lan tỏa
mong manh e ấp như khi em trở lại là thiếu nữ
trước cái nhìn đầu tiên
trước nụ cười đầu tiên
trong buổi hẹn hò đầu tiên em ngược mắt nhìn anh bối rối
hình như làn hương màu đỏ thắm
hay xanh mênh mang
hay tím ngỡ ngàng
không biết nữa
những màu sắc hiện lên đôi hờn như trong một cơn mơ

và băng khuâng như bài thơ đầu tiên anh viết
có sóng biển rì rào có ngôi sao trên cao
có những giọt sương đêm ướt đầm ngọn cỏ làm nước mắt
có nửa đêm không ngủ anh bước ra nhìn trời nghe lòng se thắt
nhưng đều ở xa, xa lắm, ở một nơi xa xăm
và không có làn hương nào lặng thầm lan trong cơn gió nhẹ
không có âm thanh nào run lên rất khẽ
không có ánh mắt trong veo làm nên ngấn nắng chiều
em bảo anh nghĩa là chưa đích thực một tình yêu
nghĩa là thơ anh chảy trong đời chỉ là dòng nước chảy
nghĩa là thơ anh bay trong đời như một đám mây bay
cứ trôi xuôi không để lại được gì...

bây giờ anh lắng nghe làn hương khi em khẽ kháp bờ mi
để câu thơ mong manh còn nồng đượm giữa đời
dẫu tất cả, kể cả thơ, có thể cũng chỉ là hư ảo
anh giữ lại làn hương bay trong mỗi ngôn từ...



○ NGUYỄN MẬU CHIẾN

Tháng năm Thành Cổ

Tháng năm gió Lào bỏng rát
Bâng khuâng Thành Cổ ta về
Nơi ấy... nổi đau một thuở
Đạn bom băm nát đất này

Quặn thắt lòng đau Thạch Hãn
Sông sâu máu nhuộm, xác chìm
Lão ngư vẫn-cười-thách-thức
Sợ chi... lòng-vững-tay-chèo!

Tám một ngày đêm khói lửa
Thịt xương chồng chất nơi này
Xa xót mồ chung Liệt sĩ
Cúi đầu thấp nén tâm nhang

Thạch Hãn tháng năm yên ả
Bùi ngùi thả những chùm hoa
Nguyện cầu những người đã khuất
Máu-hồng-lắng-động-phù-sa!

Thành Cổ nổi đau còn đó
Mùa hè đỏ lửa sao quên
Máu xương hòa vào đất mẹ
Đài-cao-ngưỡng-vọng-muôn-đời!

○ LÊ VĂN THUẬN

Dòng sông quê hương

Dòng Sông Trà dòng sông tuổi thơ tôi
Lấp lánh bờ xe những đêm trăng sáng
Mỗi sớm tinh mơ sương mờ thấp thoáng
Mái chèo khua lờ lững chiếc thuyền câu.

Mây hững hờ in đáy nước nông sâu
Chẳng biết có theo sông về biển cả
Ngày dịu nắng bờ lau vừa trắng xóa
Phất phơ cành ngọn gió thổi mơn man.

Thiên Ân soi mình sóng nước Trà Giang
Nghe vọng tiếng chuông ngân chiều cổ tự
Sương lam mờ say lòng người lữ thứ
Chuyến đò về gợi nhớ bến Tam Thương.

Dòng Sông Trà dòng sông của quê hương
Có hương vị mặn mà niêu cá bống
Có trắng ngà lung linh như giấc mộng
Tươi tắm hồn phiêu lãng những đêm thơ.

Dòng Sông Trà chấp cánh những ước mơ
Bóng mẹ chênh chao trưa hè nắng đỏ
Đời mẹ nhọc nhằn chuỗi ngày gian khổ
Lòng hân hoan khi mỗi thúng don đầy.

Dòng Sông Trà tôi đứng ngắm chiều nay
Nghe dào dạt tình yêu thương tha thiết
Nghe dào dạt tình quê hương da diết
Dù phương nào sông vẫn mãi trong tôi.

○ NGARI VÊ

Mưa và nỗi nhớ

Mưa...

Tiếng mưa cứ ngỡ mưa rừng
Tai như nghe, mắt như thấy
Đóa hoa trời rơi mờ đỉnh núi
Vàng trắng vàng thác suối Huy Măng.

Và tôi nhớ, nhớ trường nội trú
Mái nhà chung một thuở hoang sơ
Một thuở khổ hạnh ẩn trong tăm tối
Trong đất trời lầy lội sương mờ.

Là con của núi, tôi về với núi
Góp viên gạch xây đắp móng nền
Rồi tóc sương trở về tuổi tác
Tôi rời xa - nay trở thăm trường.

Không còn nữa chén cơm chan mắm
Không còn nữa chậu chội chiếu giường
Ngôi nhà chung đỏ da thắm thịt
Âm vang trống trường em nhỏ hát ca.

Những đêm thiếu quê, những chiều vắng núi
Tiếng mưa rơi gợi nhớ quê nhà
Ở đó hồn tôi gọi lại trời đất
Gửi lại mái trường ấm áp yêu thương.

(Viết tặng trường PTCS
Dân tộc nội trú Sơn Tây - 20/11/2017)



○ HOÀNG THÂN

Bến cũ

Ta về bến cũ nào đâu thấy
Hình bóng người em của một thời
Hoa gạo rụng đầy trên lối nhỏ
Biết đá rêu xanh có nhớ lời

Sầu neo bến cũ nào ai hiểu
Một chiếc thuyền đưa nước lững lờ
Sao không đứng đợi như ngày nũa
Là chắc người thôi chẳng đợi chờ

Em xa bến cũ từ hôm bữa
Trăng lặn vào mây trốn kẻ tìm
Rừng phong khép lá sương chiều đọng
Ngực núi nằm đau giấu nỗi niềm

Sầu neo bến cũ mờ nhân ảnh
Hỏi bóng trăng kia có nhớ gì
Hình như trăng đã thôi thổn thức
Mặc gió đêm nao cũng thấm thì.

TRANG THƠ ĐƯỜNG LUẬT:

○ THANH HẬU

Hồ Chí Minh - Vì sao sáng

Ung dung phong thái, dáng thanh tao,
Khuôn mặt nhân từ, mắt ánh sao.
Bốn biển tìm đường - nhân chí lớn,
Năm châu chỉ lối - trí tầm cao.
Phồn vinh, no ấm hằng mong muốn,
Độc lập, mạnh giàu mãi ước ao.
Thống nhất non sông, xuân lại đến,
Mùa xuân dân tộc - sáng vì sao.



○ NGUYỄN DUY PHƯƠNG

Về xứ Quảng

Mai nầy bậu có đến quê anh
Sẽ thấy thiên nhiên cảnh mát lành
Núi Ấn hồn thiêng chuông nhẹ điểm
Sông Trà hạo khí sóng lừng xanh
Long Đầu Hí Thủy vờn trắng tỏa
Vân Độ Hà Nhai xóa nắng hanh
Mến mộ người về thăm xứ Quảng
Niềm vui được tỏ tấm lòng thành.

Nguyễn Qua Truông - Người vẽ lại những đường bay bụi bặm

○ MAI BÁ AN



Nhà thơ NGUYỄN QUA TRUÔNG

Đến với thơ từ thuở còn cấp sách trước 1975, nhưng rồi mãi lẫn lộn với cuộc mưu sinh, đến những thập niên đầu thế kỷ XXI, Nguyễn Qua Truông mới chính thức công bố những tác phẩm của mình. Dường như để giải ẩn uất, anh xuất bản liên tục đến 4 tập thơ trong vòng chưa đầy mười năm (từ 2009 đến 2017). Đọc Nguyễn Qua Truông, ta dễ thấy ở anh sự

thống nhất trong một giọng điệu thơ phi thời gian từ đầu đến cuối, cho dù đó là sự thay đổi chế độ xã hội (trước và sau 1975) hay cả sự thay đổi phương thức quản lý xã hội từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường (trước và sau 1986). Thơ anh tiền hậu như nhất. Sinh năm Giáp Ngọ (1954), cùng một lứa thơ tài hoa của Trường Trung học Trần Quốc Tuấn với những Bùi Văn Cang, Trầm Thụy Du, Lý Văn Hiến, Nguyễn Huyền Thạch, Nguyễn Tấn Hải... nhưng thơ Nguyễn Qua Truông rất khác. Ít lãng mạn, suôn sẻ, dễ thương của thơ học trò mà nó cứ bắt đầu ngang ngang, trúc trắc để rồi sau đó là sự trầm trây trầm trệ với rừng rú truông đèo, với lung tung bụi bặm. Nó cà rợn. Nó ba lơn. Nó giễu nhại... Ngay cả khi nói đến những chuyện rất nghiêm trang của truyền thống hay cả những sâu xa triết lý cuộc đời.

Tôi đến với thơ Nguyễn Qua

Truông rất muộn so với những anh em thơ Quảng Ngãi khác. Nhưng ngay khi tiếp xúc con người anh, thơ anh, tôi đã nhận ra ngay một giọng điệu lạ cho dù đó là lục bát hay tự do. Lúc đó anh làm doanh nghiệp khai thác đá. Và có phải thế chẳng mà ngay những bài thơ đầu tiên tôi nghe anh đọc đã dễ dàng giật tít một bài tiểu luận: “Nguyễn Qua Truông: Những câu thơ bụi đá - bụi đời”. Thì thế! Ngay cái bút danh Qua Truông thay cho tên thật Nguyễn Văn Phương nghiêm túc của mình đã là minh chứng sống rồi còn gì! Và dù ra mắt đến 4 tập thơ, anh vẫn chỉ có một nhan đề biến hóa trong ba chữ bút danh là... Nguyễn-Qua-Truông...

Nhưng rồi... càng đọc thơ anh, tôi càng nhận ra rằng, bên cạnh cái giọng cà tàng, ngao du “đi lên đi xuống đã đời du côn” của Bùi Giáng - một thần tượng thơ của anh, lại còn có cái mệnh mông, mơ hồ, đắm thắm của một Hoàng Cầm pha vào trong đó. Vậy là cái tít bài tôi dự định từ lâu đành thay thế bằng tít bài này. Minh chứng ư? Thì đây là giọng của Đuôi Ươi Thi Sĩ: *Đường cá nhảy sao khôn cùng trầy trật / Đường chim bay cũng trầy trật khôn cùng* (Cát vàng) và *Em về bước đứng trong đi / Lá xanh cây tiền mây từ ly ga* (Chào)... Hoàng Cầm ư? Thì đây: *Hương xa chân mây / Tóc dài chân sóng / Hương xanh mi cong / Hồng làn môi ấm* (Nụ) và *Vai đông phương xanh mùa*

đại học / Mây ngậm lời bay theo áo hoa (Ngược)...

1. Những vần thơ quen quen lạ lạ

Thơ Nguyễn Qua Truông vừa lạ vừa quen cả về nội dung và hình thức biểu hiện. Đọc anh, ta có cảm giác như gặp lại một người bạn cũ xa quê từ lâu nay lại từ phố trở về với giọng nói đã đổi thay một vài âm giọng. Thơ anh bụi bặm với cái giọng phớt đời, trật trìa mà đắm thắm nghĩa tình. Đó là sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa truyền thống và cách tân, giữa “màu nguyên sơ” của ca dao dân gian và hồng trần hiện thực: *Con ngòi lên ngựa mo cau / Quất roi cười bụi bay màu nguyên sơ* (Bóng). Có cà rồn, giỡn đùa vẫn cứ lắng bên trong một hồn quê hương, non nước: *Đất đai hạn mức / Sống chết không cùng / Về ngang Trà Khúc / Nghiêng mình nước non* (Vô đề 3). Có cựa quậy, vù bay, vẫn nguyên sơ một quê hương sông Trà núi Ấn trong tâm tưởng: *Người còn đây quán vù đầu mất / Mái toi mưa lặng sóng đầu rồng / Mây huyền thoai bay về Thiên Bút / Nhìn Ấn trời xanh cựa bên sông* (Quán Cơm). Cuộc mưu sinh, gian dối đời thường dù có “bể bờ bao”, với đồng đất quê nhà, thơ anh vẫn giữ linh thiêng một dáng “nghiêng mình chào thẳng đứng”:

Ta về làm hạt thơ gieo / Xuống đồng Đá Dựng / Ngàn năm nghiêng mình chào thẳng đứng /

Nước non thiêng (Bể bờ bao).

Dù là chuyện “cối chà” trảy trật với giọng thơ “lạ quá là xa”, đọc lên vẫn nghe thân quen như một tất nhiên của tình quê kiểng, tất nhiên như nghĩa vụ phải làm của “cây chổi hiên nhà chiều về gom rác”: *Người từ tóc đến gót bàn chân thân thuộc / Nhiều khi lạ quá là xa / Còn đây cây chổi hiên nhà / Chiều về gom rác* (Cối chà ơi!). Dù có chân lê trầm ải, lẫn lóc bụi đường “bay xám chiều phơ phất”; có chấp chờn, chấp mạch, hồn quê vẫn ở giữa lòng như một hiển nhiên con “trâu đứng một mình giữa ruộng”: *Ta về qua trăm ải / Gươm báu hóa bụi đường / Bay xám chiều phơ phất / Chấp chờn vờn / Chấp mạch bay luôn / Chong mắt trắng đêm trâu / Thấy trâu đứng một mình / Giữa ruộng* (Trâu). Dù có bị vùi dập đến “xuống ruộng lên bờ”, chẳng cái gì ra cái gì nữa, thân “ngựa vện vằn cưỡi bụi trăm năm”, lòng vẫn cứ đau, tình vẫn cứ xót để vẫn còn đó nguyên sơ những “sớm mai vui”, những “chiều lén phéng tóc vờn vai mây” đầy những yêu thương mơ mộng: *Thơ chẳng ra thơ lên bờ xuống ruộng / Ông chẳng ra ông, thợ chẳng ra thầy / Cười bụi bặm trăm năm lòng đau ruột quặn / Râu tóc mười năm làm ngựa vện vằn / Có sớm mai vui vụt trèo lên đỉnh / Có chiều lén phéng tóc vờn vai mây* (Lơ). Thơ Nguyễn Qua Truông lạ mà quen chính vì lẽ đó.

2. Những câu thơ bụi đá - bụi đời

Rất nhiều bụi bặm trong thơ Nguyễn Qua Truông: *Bụi cát bụi đá bụi đời / Mang ba thứ bụi về ngôi bụi cây / ... / Bụi đá bụi cát bụi đời / Mang trăm năm bụi ngời ngời mà đi* (Bụi). Nhưng bụi không phải chỉ để thoảng bay về hư không mà luôn có sức bền của độ níu giữ. Vì dù có là bụi đá hay bụi đời nhưng khi bay theo đôi cánh gió thì ca thì vị đời vẫn đậm: *Bụi đá / Bụi đời / Trên đôi cánh gió* (Bụi đá). Đó là những hạt bụi đã trở thành những hạt thơ phát ra từ lồng ngực. Chính vì thế, bụi thơ ấy đã biến thành mùi hương kỳ diệu xuyên qua “sương khói xa mờ”: *Mẹ ban cho con tròn hai cánh mũi / Ngực động khí trời thổi bụi ra thơ / Thơ mang mùi hương ẩn kỳ diệu lá / Về qua mây nước sương khói xa mờ* (Hoa ngâu). Là bụi thơ của một cõi nguyên xanh lọc qua trăm năm gió bụi, đề ngư ngơ trên cát biển quê nhà:

Quê nhà vọc cát đề thơ / Trăm năm gió bụi rơi từ nguyên xanh (Nguyên xanh).

Bụi đá xông lên, bụi mù tá hỏa là bụi thật của chàng Nguyễn Văn Phương từng làm Giám đốc một xí nghiệp khai thác đá, nhưng khi bụi về từ mây trời hóa kiếp thành hạt bụi đời người thì rõ ràng bụi trong thơ Nguyễn Qua Truông luôn phải sinh nghĩa mới: *Bụi mù từ đá xông lên / Từ mây xuống giả đồ quên bụi về / ... / Bụi mù tá hỏa đêm cay / Nằm mơ hóa*

bụi bên bờ cỏ xanh (Bụi). Chính vì lẽ đó, thơ đã trao cho bụi đá “ngồi ngồi” một vẻ đẹp riêng và mang theo cả một triết lý nhân sinh “khâu vá” tấm vải đời: *Trong ngồi ngồi bụi đá/ Về ngồi khâu vá thiên thu/.../ Ngồi trong bụi, đứng trong mê/ Bốn phương xây xăm, ba bề ngổ ngang* (Vá). Mà đâu chỉ có bụi, đôi lúc cũng vũng vàng đá trụ thách đố mọi sự cô đơn dù đó là giữa hồ rộng mênh mông hay ven đường tóc liễu mộng mơ: *Xoay tám hướng, hướng xoay nào cũng nợ/ Nhìn bốn phương, buồn đọng lại hai phương/ Trụ đá đứng giữa hồ phơi cô độc/ Hay cô đơn liễu rủ tóc ven đường* (Xoay).

Chính cái nghề khai thác đá, dấn thân giữa mịt mù bụi đá, bụi đời của mình mà thơ Nguyễn Qua Truông, nếu đứng trên giác độ Phê-bình-sinh-thái-học hiện đại hẳn sẽ là một đề tài khá thú vị. Điều đáng quý của thơ Nguyễn Qua Truông chính là sự hợp phối giữa cái bay bổng mộng mơ của tâm hồn và trí tưởng tượng với những câu chữ bình dân kết thành một chất thơ trụi trần bụi đá mà đa đoan lắm những chuyện đời.

3. Những câu thơ trật trầy truông rú

Cái cuộc lữ trật trầy của Nguyễn Qua Truông như một đoạn trường ám ảnh trong cả cuộc thơ anh. Sự trật trầy không đơn thuần trầy sướt, rướm máu, bầm mình trên da thịt mà còn tạo nên những sẹo lòng ẩn trong hồn cốt, trong “gốc

đá, cội đa”, cô lại thành những “rặng buồn” “những chiều say võ mộng” và trong cả những triết lý nhân sinh của quy luật cuộc đời, tạo nên những vết thương sâu: *Tuột dốc/ Tôi xuống đáy/ Không vết thương ngoài da/ Rặng buồn/ Ẩn trong hồn cốt gốc đá cội đa/ Những chiều say võ mộng* (Thường). Tiền bạc, nợ nần khiến con nợ chạy trào hơi khi cái giá đỡ bạc tiền đã bị nghiêng mà cố gượng làm trụ chống: *Tiền là cái giá vừa nghiêng/ Khi làm trụ chống trời/ Ta chạy trào hơi/ Ngồi ngồi đủ thiếu* (Cối chày ơi!).

May mắn thay! Dù có trật trìa trong cái “cà rịch cà tang” thời cuộc, nhưng Nguyễn Qua Truông không để câu thơ lăm lem bụi mù hiện thực đa đoan mà xuyên qua lớp bụi mù hư ảo trên nẻo đường trầy trật ấy vẫn cứ “ngang trời mây bay”: *Ngang trời mây cứ bay/ Dốc đời chân cứ tuột* (Thân), *Ta tuột dài hết dốc/ Bó gối nhìn mây bay* (Bụi nhỏ) với ngàn lau mơ mộng, vẩn lãng dang sương mờ xao xuyên nổi nhớ nhưng:

Lách lau trắng lớp bãi bờ/ Ta về cà rịch, sương mờ cà tang/ Đi xuyên hư ảo hằng hằng/ Đường về trầy trật họa hoàn nhớ nhau (Chùm 2012).

Truông rú, dặm ngàn cũng là chủ đề thường gặp trong thơ Bùi Giáng. Nguyễn Qua Truông đam mê cốt cách Bùi Bàn Giúi nên thơ anh khi đi qua truông rú, đèo rừng cứ phảng phất ở đây một lẽ

“tồn nghi” rất Trung Niên Thi Sĩ:
*Vườn xanh gửi thắm hoa đào / Nỗi
 buồn cá ngáp, tình râu chó tru / .../
 Tôi đang đi giữa xưa rừng / Rừng
 truông rú rậm đã từng đi qua /
 Bây giờ rừng rú đi xa / Còn tro
 gốc rạ đều là tồn nghi* (Trắng).
 Cho dù lên dốc xuống truông; dọc
 trời, ngang đất; dù có bị cuộc đời
 phang cho “bảy gậy ba hèo” giữa
 “ngổn ngang, nghênh ngang”,...
 cái phong thái ung dung đạt đạo
 của người thơ vẫn vững vàng chân
 bước giữa những “giọt vàng trắng
 gieo” thơ mộng: *Trời đi dọc, đất đi
 ngang / Chân đi về giữa giọt vàng
 trắng gieo / Ngổn ngang, nghênh
 ngang truông đèo / Trên lưng bảy
 gậy ba hèo nện nhau* (Bảy gậy ba
 hèo). Và ở đây, ta nhận ra một
 nét tài hoa của Qua Truông trong
 nghệ thuật biến hóa ngôn từ điêu
 luyện. Nghe đâu đây phảng phất
 tràng cười của một người đã từng
 lộn nhào lộn trọc giữa trò đời,
 vượt qua “truông bão”, đèo rừng
 để đến “thả trận la đà” với những
 “truông hoa” an nhiên, thơ mộng:
*Ta cứ thế lộn nhào và lộn trọc /
 Chưa lòng lên mà thả trận la đà /
 Qua truông rừng choàng vai ẵm
 truông hoa / Truông bão rút sá gì
 nằm tro gốc* (Trang biển).

4. Những ba lơn phương ngữ tài hoa

Có thể nói, giọng điệu ba lơn
 với những phương ngữ rất miền
 Trung cả trong nội dung và ngôn
 ngữ thể hiện là một nét đặc
 trưng trong thi pháp Nguyễn Qua
 Truông. Nếu “lên xe ghẹo gái”

là ba lơn về nội dung thì “gái đi
 buồn... gái đi buồn” lại rất ba lơn
 về hình thức thể hiện: *Vào Quy
 Nhơn lên xe ghẹo gái / Gái đi buồn
 ghẹo gái đi buồn* (Chùm 1984).
 Rồi những chó, những heo; những
 trước, những sau; những “bán chó
 bán cho”, “mua trước mua sau”...
 là một kiểu ba lơn nghệ thuật rất
 riêng, để rồi sau những bông đùa,
 ba lơn ấy - nghĩa là sau những
 trò đời lỏn nhổn, trật trầy kia, là
 cái dáng rung đùi an nhiên, vượt
 thoát rất Nguyễn Qua Truông với
 những “dệt cầu Ô Thước” nổi hiện
 thực trần ai bụi bặm với những
 “ngàn năm” thành một “dải tình
 cầu” để “chở thiên thu về ngòi
 góc chợ”, và “bán mai sau mua lại
 mộng ban đầu”: *Anh mua chó chở
 chó đi trước / Chị mua heo chở heo
 đi sau / Mây mè nheo dệt cầu Ô
 Thước / Nối ngàn năm thành dải
 tình cầu / Anh bán chó bán cho
 người mua trước / Chị bán heo bán
 cho người mua sau / Ta chở thiên
 thu về ngòi góc chợ / Bán mai sau
 mua lại mộng ban đầu* (Mè nheo).
 Không chỉ ba lơn về chuyện “mè
 nheo” mà một phương ngữ rất
 Quảng là “xớ rớ”, “cà rà” cũng trở
 thành cái cớ để Qua Truông ba
 lơn thành nghệ thuật: *Ta đã có /
 rất nhiều năm xớ rớ / Nhiều năm
 sau / Còn xớ rớ như thường / Em
 họa mi / Cửa mây mùa hé nở /
 Đêm hoang đường / Gió hát một
 mùi hương* (Xớ rớ), *Cà rà cà một
 rà hai / Ta là thất nghiệp lai rai
 bảy nghề / Cà rà cà nói rà nghe /
 Nào hay sợi tóc em đề ngang tim*

(Cà rà)... Cứ thế, sau cái giọng bông phèng, ngang ngang, lơ lơ đùa cợt lại đọng trong lòng người những dư vị ngậm ngùi, suy tư, bay bổng của một hồn thơ.

Bên cạnh phương ngữ được sử dụng khá đặc, đọc Nguyễn Qua Truông ta còn thấy rất nhiều bóng dáng của ca dao, dân ca hòa quyện trong cảm xúc, trong giọng điệu để ta nhận ra cái là lạ quen quen của những bài thơ:

*Loay hoay vẫn cứ loay hoay /
Rớt dép, rơi giày đều cũng lượm
thôi / Muối phương thổi gió trong
tôi / Nghe trong gió thoảng là lời
cỏ hoa / Hương bay gọn sóng giang
hà / Trắng hồng ngọc gót chân nà
nuột xanh* (Bàn chân Việt).

Hai câu đầu lấy ca dao làm cơ bông phèng, nhưng rõ ràng bốn câu Lục bát rất điêu luyện sau đó khiến cả đoạn thơ neo giữ được người đọc để rồi không lướt qua mà phải đọc lại để thấm hơn nghĩa lý của sự bông đùa. Rồi cái kiểu đồng dao của nghệ thuật dân gian như thể “nói vắn” của trẻ chăn trâu cũng được Nguyễn Qua Truông tận dụng và sáng tạo rất thành công: *Tàu bay day tàu nước / Tàu nước rượt biển xanh / Đường xanh quanh vị kỷ / Đêm đen dựng lũy thành* (Vô đề 6). Để ý mấy cụm từ lấp vắn chơi chữ “Xênh xang ngang”, “Thênh thang mang”, “mặt trời mời”, “cánh mây... mây trắng”, ta thấy rõ ràng đây là một sự cố tình để đưa nghệ thuật dân gian quá khứ tái hiện hiện thực một cách

thi vị: *Xênh xang ngang nụ cười
chim ỉa / Toát mồ hôi với những
con sâu / Chào mặt trời mời
chai Dung Quất / Tặng bọt trào
quăng sáng hương ngâu / Chợp
cánh mây này vằng mây trắng /
Lâng lâng bay hồng má hoa đào /
Thênh thang mang nụ cười chim
ỉa / Lá và sâu rì rà trên cao* (Lá và sâu). Đến cả chuyện ngàn năm mây trắng bay trong “miền chiêm bao” thoát tục vẫn được hiện lên một cách tự nhiên từ chuyện “cái cò cái vạc” rất chân quê: *Vẫn biết chân cò dò chân vạc / Lạc chân quê từ buổi sơ đầu / Chiều hoang lẫn quất mùi cây cỏ / Mây trắng bay qua miền chiêm bao!* (Hoa).

Trong các phương tiện lý hành, có lẽ đi tàu hỏa là có thời gian để phơi bày nỗi niềm hơn hết. Cái không khí tiễn đưa của ga tàu vẫn có gì đó rất riêng so với bến đò, bến xe hay sân bay, nhất là khi hồi còi hú lên để đoàn tàu nặng nề xịch trên đường ray chuyển bánh. Ai đi tàu lửa mà không chứng kiến, nằm nghe cái sự “xịch qua xịch lại” của đoàn tàu, nhưng cái “lại lại qua qua” của Nguyễn Qua Truông thật sự khiến nhiều phen hành khách hỏa xa cảm thấy giật mình vì nó nói hộ được nỗi niềm trong “dòng dòng thơ đại” nước mắt rơi: *Vui buồn xịch qua / Hồng hoa xịch lại / Hồng hoa xịch qua / Quỳnh hoa xịch lại / Lại lại qua qua / Ta về sân ga / Xịch qua xịch lại / Thấy nước mắt mình / Dòng dòng thơ đại* (Xịch). Những “xịch qua, xịch lại, lại lại qua qua” đối

lập với những “hồng hoa, quỳnh hoa, nước mắt dòng dòng” rõ ràng làm cho đoạn thơ tăng độ nặng như chính bánh sắt con tàu trường mình xịch nặng trên đường ray, đường đời lại lại qua qua của kiếp con người.

5. Những biến hóa của Lục bát truyền thống và những cụm từ thơ

Dây gấc leo cành cao, chèn ngang sự phát triển của cả măng cầu, vú sữa là cảnh thực trước vườn nhà anh, khi vào thơ nó đưa ta đến với chuyện “con kiến leo cành đa” rồi cả cái “nấm xôi thăng Bờm” đầy hương vị dân gian. Đây chính là nét biến hóa tài tình của Nguyễn Qua Truông trong tư duy nghệ thuật và lối dùng chữ đặt câu: *Dây gấc/ Leo/ Leo cao ngọn tre/ Vượt cành cụt/ Nhăm nhe cành đào/ Chèn cây vú sữa không ra hoa/ Trùm măng cầu thôi hết quả/.../ Măng cầu/ Vú sữa/ Ngực giữa sum suê/ Vườn trầu chín mọng/ Mùa về mận sung/ Nhớ xưa/ Quê có ông Bờm/ Dạ mơ xôi gấc/ Mắt hường quạt mo!* (Gấc). Có lẽ chính vì cái phong cách thơ trật trây, bụi bặm ấy mà ta nhận ra có sự biến thể khá thường xuyên trong thể thơ Lục bát truyền thống chỉ chu câu vần của Nguyễn Qua Truông, tạo nên một nét cười tinh nghịch, xui ta nhận ra có một sự khang khác trên gương mặt và tâm hồn của cô thiếu-nữ-lục-bát duyên dáng, khiêm nhường vốn có của sự nguyên thể: *Bạn về qua cỗi*

người ta/ Hồn cầm mấy sợi giang hà về đâu/ Rồi ren giang vĩ/ Rồi loạn giang đầu/ Cửu Long giang/ Trắng bạc màu nhân gian (Sông). Đoạn thơ trên nếu tác giả không biến câu sáu thành hai câu bốn “Rồi ren giang vĩ/ Rồi loạn giang đầu” thì rõ ràng người đọc dễ bị cuốn trôi theo sự suông vắn của thể thơ Lục bát để rồi tuột luôn, nhưng chính cái biến thể ấy đã níu ta ở lại. Và đây nữa, cặp Lục bát (6/8) chỉ chu hai dòng không còn nữa mà đã biến thành năm dòng thơ với cấu trúc 4/4/4/6/2 trông rất lạ lùng: *Em vờn theo gió/ Ta đùa chân mây/ Trời đất dang tay/ Xác hồn cựa cọ đón ngày/ Đương xoan* (Nắng xuân)...

Một điều nữa đáng ghi nhận trong thơ Nguyễn Qua Truông chính là những cụm-thơ tự bản thân đã làm ra nghĩa lý và cảm xúc dễ khiến người đọc bàng hoàng nhận ra sự lạ. Đó là những “Vai đông phương”, “xanh tâm tưởng gió”, “vọng tiếng sông kêu”, “Vết thương ngựa hí”, “nổi lòng ve kêu”... hay “Cổ đội khăn tang”, “Gió mang sám hối” đứng khóc về những rừng cây trụi trước sự hủy diệt bất nhân của chính con người đối với môi trường sinh thái tự nhiên:

Đứng khóc/ Những rừng cây/ Đã chết/ Cổ đội khăn tang/ Gió mang lời sám hối (Cúc Phương).

Rồi cả cái tư thế “dọn râu ria” để đón chào năm mới, để “đón em chiều xoa tóc” cuối năm cùng ngày tết cổ truyền đã làm cho hạt bụi

“mênh mông bay về cội gốc”, hóa thân thành giọt nắng chiều “vàng sợi xanh xưa” ươm vàng cả một quá vãng đẹp như mơ, để nói với nhau về “nguồn ngọn đời mình”: *Dọn râu ria tiễn một ngày cuối tháng/ Chiều cuối năm đưa tia nắng cuối ngày/ Xẹt một cái đứng bên rìa trái đất/ Em dịu hiền hay nắng nhuộm vàng tay! /.../ Tiễn râu ria đón em chiều xoa tóc/ Xoa trăm năm quyen nguồn ngọn đời mình/ Hạt bụi mênh mông bay về cội gốc/ Làm giọt nắng chiều vàng sợi xưa xanh!* (Chiều cuối năm).

Đành rằng thơ Nguyễn Qua Truông đầy bụi bặm, nhưng đó là những bụi bặm cuộc đời trầy trập của kiếp con người được anh vẽ lại. Mà một khi hiện thực cuộc đời được vẽ lại bằng nghệ thuật hội họa (lại là hội họa ngôn từ) bởi những rung động thẩm mỹ trong chính trái tim mình thì chất thơ sẽ níu giữ được tâm hồn người đọc. Chính cái ẩn đằng sau lớp bụi bặm kia đã làm nên một giọng điệu bông cợt mà ngậm ngùi của thơ Nguyễn Qua Truông qua những chắc lọc hình ảnh rất thi vị của “con đế trời cong vênh tiếng gáy”, của cái “giọt khóc” chắc ra tự nỗi đau buồn làm đau cả “chân trời chân đất chân xanh”: *Em nào hoài công đắp lũy xây thành/ Nhốt con đế trời cong vênh tiếng gáy/ Ai cũng có một thời trèo cây hái trái/ Ai cũng có một thời ngây dại si mê/ Em sẽ có ngày mặc áo vu quy/ Và chắc*

chấn tôi buồn rơi giọt khóc/ Và chắc chắn một vì sao cô độc/ Rớt hoang vu lẫn cỏ cú vườn đời/.../ Bến hạnh phúc chảy vòng bờ khổ nạn/ Em sang sông tôi trào sóng lòng mình/ Đau chân trời chân đất tiễn chân xanh! (Chân xanh - 1974). Cái giọt “mưa quành quành”, cái giọt “nắng mai gầy” hay giọt lệ của lòng người mà con thuyền thơ “nứt đáy” vẫn không thể chết chìm mà cứ “boi hoài trong trăng” như lẽ trường tồn đương nhiên của tình yêu đích thực:

Mưa quành quành nắng mai gầy/ Chiếc thuyền nứt đáy boi hoài trong trăng (Nhớ).

Dù có ba lơn hay bông đùa, thơ Nguyễn Qua Truông luôn luôn tìm về với những nét đẹp truyền thống của dân tộc; dù có bụi bặm, có lang bạt, trượt trầy ngang dọc đông tây qua khắp nẻo bụi bờ, truông rú, “chảy dài” suốt dọc bắc nam, thơ Nguyễn Qua Truông luôn dìu con người về với nguồn cội quê hương, hạt bụi luôn “quay về đậu mái nhà xưa”: *Bốn mươi năm/ Đường trầy bước trượt/ Đàn tình ngân tiếng không dây/ Ru một thời ngang dọc đông tây/ Chảy dài nam bắc/ Gió bụi thênh thang dặm nghìn phiêu bạt/ Quay về đậu mái nhà xưa* (Bốn mươi năm). Tôi “khoái” Nguyễn Qua Truông chính vì lẽ đó! ♦

Làng Yên Phú, những ngày
cách ly Covid - 2020.

M.Bakhtin khác với M. Foucault về quan niệm thân thể

○ GS.TS PHƯƠNG LỰU

M.Bakhtin và M.Foucault đều là những học giả lớn, uyên thâm về nhiều lĩnh vực, nhưng lại cũng quan tâm đến vấn đề thường bị ngộ nhận là tầm thường, tức là thân thể của con người, kể cả nửa thân dưới! Nguyên nhân sâu xa là cả hai vị đều chịu ảnh hưởng của F.Nietzsche, triết gia đầu tiên xem thân thể là xuất phát điểm cho những suy tư sâu xa về triết học. Tất nhiên hai vị đã tiếp biến nguồn ảnh hưởng này theo những hướng cụ thể khác nhau, mà bài viết này mới bắt đầu chỉ tập trung vào hai điểm: Nếu thân thể đòi hỏi được giải phóng ở M.Foucault, thì đã có cách vùng lên ở M.Bakhtin. Nếu thân thể phải chăng đã là lý tưởng thụ hưởng ở M.Foucault, thì vẫn còn phải được kiến tạo thêm nhiều ở M.Bakhtin v.v...

I. Nếu thân thể đòi hỏi phải được giải phóng ở M.Foucault, thì đã có cách vùng lên ở M.Bakhtin

F.Nietzsche tuyên bố: “Thượng đế đã chết! Chết thật rồi! Chúng ta đã giết ông ấy!”. Theo ông, thượng đế là sự sáng tạo sai lầm của loài người, rồi lại lấy thượng đế tượng trưng cho hệ thống đạo đức tôn giáo làm nên những giá trị truyền thống. Nay thượng đế đã không còn, thì các hệ thống giá trị truyền thống phải được xem xét lại. Thượng đế đã không còn, thì con người phải trỗi dậy. Đó là những “siêu nhân” mà F.Nietzsche thiết kế cho tương lai của nhân loại, rất mực tự đắc tự đại. Cho nên sau F.Nietzsche, là những cuộc đại chiến hủy diệt, môi sinh bị tàn phá, con người khủng hoảng, lo âu; lại thấy hạnh phúc càng mờ mịt. M.Foucault lại phải kêu lên “Con người cũng chết rồi!”. Không phải chết về thân xác, mà là những tham vọng mù quáng, muốn đóng vai chủ thể của tồn tại đã bị tiêu vong. Do truyền thống của chủ nghĩa lý tính và chủ nghĩa nhân đạo, danh hiệu “nhân loại trung tâm

được nêu cao với xiết bao phẩm chất nào là tính thần thánh, tính thanh cao, tính siêu nghiệm, tính tuyệt đối, tính chủ thể v.v., trong lúc đó con người tồn tại rất hữu hạn. Đã đành con người là sự thống nhất giữa tâm hồn và thân xác, nhưng những yêu cầu về tâm hồn quá cao theo lý tưởng là trung tâm của vũ trụ, sẽ gặp vô vàn thất bại, tất nhiên phải qua thân xác trực tiếp gánh chịu trước tiên. Dưới đây là sự phân tích của M.Foucault về điều đó qua các hiện tượng điên khùng và tính dục theo lý thuyết về tri thức và quyền lực của ông.

Trước hết, theo M.Foucault, cái mà chúng ta gọi là chân lý thật ra là phải thông qua sự xác định của những hệ hình tri thức theo từng thời đại. Chân lý là sản phẩm và hiệu quả của những hệ hình đó. Hệ hình tri thức là cái gì gần như vô thức bao trùm lên từng thời đại, khiến cho cùng một hiện tượng lại được nhận biết khác nhau trong quá trình lịch sử. Không phải ngẫu nhiên mà trong *Điên khùng và văn minh*, M.Foucault đã khảo sát rất sâu vào lịch sử, nhận thấy, hóa ra các giai đoạn khác nhau có những cách nhìn không thống nhất về hiện tượng điên khùng với tư cách là mặt đối lập của lý tính (tỉnh táo). Thời cổ đại xem người điên là những đầu óc thâm thúy, thời trung cổ xem họ cũng gần như người bình thường, đến thời cận đại xem họ rất nguy hiểm chẳng khác nào tội

phạm, và ngày nay họ bị xem là những con bệnh phải nhập viện để chữa trị. Trong quá trình diễn biến đó không tránh khỏi có lúc bệnh điên bị “đưa vào lĩnh vực hoàn toàn mang tính chất đạo đức” [3,tr.23], có lúc lại thuộc vào lĩnh vực pháp lý: “Sự cưỡng chế nghiêm khắc không có chút gì thoả hiệp bảo lưu đối với thân thể để thực hiện pháp luật thống trị của tâm linh” [3,tr.25].

Trên cơ sở phân tích hệ hình tri thức, dần về sau M.Foucault bắt đầu nghiên cứu mối quan hệ giữa tri thức và quyền lực. Về mặt này, M.Foucault tiếp thu khá nhiều tư tưởng của F.Nietzsche: “Tất cả sự truy cầu chân lý đều do ý chí quyền lực”. Có nghĩa là con người luôn dùng ý chí để quyết định nhu cầu của mình, rồi buộc sự thực phải phù hợp với nhu cầu đó. Cái gọi là chân lý tuyệt đối chẳng qua là được quyết định bởi địa vị quyền uy cùng hình thái ý thức đại diện cho nó. M.Foucault vận dụng tư tưởng này khảo sát vào lịch sử và nhận thấy từ tri thức, lý tính đến chế độ xã hội v.v... tất cả những thứ tự nhiên nhi nhiên gần như thiên kinh địa nghĩa này chẳng qua là do quyền lực, những sức mạnh thống trị thông qua hình thái ý thức thể hiện trong hệ thống ngôn ngữ mà tạo nên. Trong *Lịch sử tính dục*, M.Foucault đã khảo sát từ thế kỷ XVI đến nay, những cơ chế quyền lực không những ra sức áp chế tính dục, mà còn dày công tạo lập

nên những chủ thể tính dục với những nhận thức về tình cảm kể cả về khoái cảm được bao trùm dưới bóng đen của chính những quyền lực ấy. Tóm lại, thông qua việc phản đối ngôn ngữ quyền lực áp chế thân thể, F.Foucault đòi hỏi phải giải phóng để thân thể được tự do. Với tư cách là *Lý luận thân thể* của M.Bakhtin cũng đảo ngược với diễn ngôn truyền thống. Với ông, sự phản kháng của thân thể tập trung vào những điều cấm kỵ thời Trung cổ. Dần theo sự đối lập giai cấp ngày càng gia tăng, lực lượng thống trị khao khát có một sự quy phạm nghiêm khắc về thân thể để tượng trưng thêm cho sự hợp pháp hóa của chế độ xã hội. Muốn cho nền thống trị được ổn định, trong xã hội cần phân biệt địa vị cao thấp, sang hèn. Ngay trong thân thể, thì nửa thân trên với nửa thân dưới cũng khác nhau về cấp bậc. Về mặt này còn có sự hậu thuẫn của thần quyền. Thiên chúa giáo có quy định hoạt động tính dục phải trên cơ sở hôn nhân và phải “trao trên gái dưới” để hiệu quả phồn thực được cao! Nghe như đùa, nhưng thực chất đây cũng là tượng trưng cho nam quyền, một trụ cột của trật tự xã hội cũ.

Thân thể, nhất là nửa thân dưới có vai trò vô cùng quan trọng như hoạt động tính dục, bài tiết, sinh thực v.v... trong cuộc sống hằng ngày kể cả của giới quan phương, nhưng luôn bị cấm kỵ, kể cả

chuyện nói năng gây cười. Nhưng trong lịch sử của nhiều thời đại thường tồn tại việc thông qua chuyện tính dục để phản kháng trật tự xã hội cũ. M.Bakhtin tán thành S.Freud đem ý thức xã hội phân thành hai mặt đối lập nhau giữa loại được công khai với loại không được công khai trong cuộc sống hằng ngày. Nhưng theo ông, loại ý thức bị trấn áp, song trong những lễ hội hân hoan cuồng nhiệt sẽ bộc lộ ra. Trong những thời kỳ xã hội có biến động lớn lao, loại ý thức xã hội bị trật tự xã hội cũ đàn áp sẽ vùng dậy qua con đường văn học nghệ thuật. M.Bakhtin qua tác phẩm của Shakespeare, Boccaccio, nhất là Rabelais v.v... đã phát hiện ra mối dây liên hệ giữa tiềm thức xã hội với lễ hội và văn nghệ cuồng hoan. Theo ông, “hình tượng nhục dục nửa thân dưới” thường biểu hiện ra các mặt sau: 1) Phô bày những bộ phận nhạy cảm như vú, âm hộ, dương vật, âm hộ v.v... Trong truyện *Pangtagruyen* của Rabelais, có chi tiết nữ tỳ cởi quần cho ông chủ ngắm v.v... 2) Có những tình tiết gợi dục như trong truyện nói trên có những câu như: “Có lần mình lấy vải lụa chùi đít thấy rất thích, vải lụa mềm làm cho hậu môn rất khoái cực”. 3) Trực tiếp mô tả chuyện giao hợp, đặc biệt là hình ảnh mang thai như luôn báo hiệu cái mới không ngừng sinh sôi nảy nở. 4) Nói năng, chửi bới rất tục tĩu, hoàn toàn không có cái giọng cầu

xin, van nài, bợ đỡ, hoặc ngược lại là đe dọa, uy hiếp, cấm đoán v.v...

Những chuyện liên quan đến nửa thân dưới mà M.Bakhtin nêu trên đã mang tính chất phản kháng đối với ý thức xã hội ràng buộc con người. Và dần dần tích tụ thành một sức mạnh to lớn chống đối lại bọn thống trị quan phương. Thân thể bị áp chế lại trở thành vũ khí đấu tranh chống lại kẻ đàn áp.

II. Nếu thân thể phải chăng đã là lý tưởng thụ hưởng ở M.Foucault thì vẫn còn phải được kiến tạo thêm nhiều ở M.Bakhtin

Không những yêu cầu giải phóng để thân thể được tự do. M.Foucault còn tiếp tục suy tư về tính chất lý tưởng của thân thể. Trong *Lịch sử tính dục*, ông đề xuất ra mô thức thân thể lý tưởng mà hạt nhân là *sự hưởng thụ khoái cảm*. Ông truy nguyên từ thời cổ Hy Lạp, người ta đã đem tình ái liên hệ với chân lý. Ông viết: “Quá trình phát triển của tình yêu đã trở thành quá trình chân lý mang ý nghĩa dẫn dắt thanh thiếu niên vào việc truyền thụ trí tuệ” [4,tr.416]. Từ đây, tình yêu thân xác và tình yêu tâm hồn gắn làm một. M.Foucault còn đột xuất ý nghĩa của tính dục đối với Tự ngã. Dưới sự áp chế của ngôn ngữ quyền lực, thì trên ý nghĩa cơ bản con người đã đánh mất đi sự tồn tại của Tự ngã. Cho nên chống đối ngôn ngữ quyền lực áp

chế nhục thể thì cũng chẳng qua là con người tất yếu phải đòi hỏi thực hiện Tự ngã vậy. Ông viết: “Trong việc dung dưỡng Tự ngã này, những kinh nghiệm của Tự ngã được hình thành không đơn thuần là loại kinh nghiệm nhằm khắc phục sức mạnh, hoặc là loại kinh nghiệm của sức mạnh chuẩn bị phản đối sự khống chế, mà là loại kinh nghiệm về niềm vui sướng của Tự ngã” [4,tr.394]. Sau khi M.Foucault đã đem sự hoàn thành chủ thể gắn liền với niềm vui sướng của Tự ngã thì khoái cảm của nhục thể đã thăng hoa thành một cảnh giới thẩm mỹ trong nội tâm của Tự ngã. Và theo ông: “Loại khoái cảm này có thể hoàn toàn không giống với tư tưởng được biểu thị của từ *hưởng lạc*. Sự hưởng lạc này biểu thị một loại khoái cảm của đối tượng vốn bên ngoài chúng ta và chúng ta không có cách nào xác định được” [3,tr.394]. Có thể thấy M.Foucault hoàn toàn không có cách nào để giải thích nó rõ ràng hơn trong lĩnh vực thẩm mỹ, mà chỉ gán bó chặt chẽ nó với khoái cảm tính dục vật chất của nhục thể được thẩm mỹ hoá. Trong *Lịch sử tính dục*, M.Foucault luôn lặp lại “tình yêu giữa các trai trẻ”, không tránh khỏi làm cho người ta đem lý tưởng nhục thể của M.Foucault liên hệ với chuyện nam đồng tính luyến ái. Mà trên thực tế M.Foucault cũng chưa hề đem nhu cầu nhục thể phổ biến phân biệt với khoái cảm

nhục thể của những người đồng tính luyến ái này. Tất nhiên, ông có lưu ý rằng, chỉ khẳng định đồng tính luyến ái là chưa đủ, mà còn phải tiến lên sáng lập ra mô thức cuộc sống của đồng tính luyến ái. M.Foucault mơ ước một thế giới lý tưởng “hợp nhất giữa tâm hồn và thân xác” được nghệ thuật hóa, nhưng thiếu sự chú tâm phân tích cụ thể về tính khả thi trong thực tiễn đời sống, mà vô hình trung vẫn thiên về bản năng nhục cảm. Việc ông ta chết sớm vì căn bệnh thế kỷ HIV là không phải ngẫu nhiên.

Không lấy việc vui sướng khoái cảm nhục thể của Tự ngã mở đầu cho thế giới thẩm mỹ mới, M.Bakhtin cho rằng muốn thật sự khắc phục sự thống trị ngôn ngữ quyền lực đối với thân thể thì phải xây dựng một quan hệ thân thể mới - sự thống trị thân thể của tập thể đại chúng bình dân. Trong vấn đề thân thể, M.Bakhtin còn chịu ảnh hưởng của H.Bergson, nhất là của I.Kant. H.Bergson chia con người gồm hình tượng bên trong cấu thành tinh thần và hình tượng bên ngoài cấu thành thân xác. I.Kant lại chia cảm quan con người thành nội cảm quan và ngoại cảm quan. Thời gian là hình thức trực quan của nội cảm quan. Không gian là hình thức trực quan của ngoại cảm quan. Hình thức trực quan về không thời gian của nội ngoại cảm quan là năng lực tiên thiên mà con người dùng để nắm bắt

sự vật. Tiếp biến những gợi mở này, nhưng M.Bakhtin lại phân biệt thân thể bên trong với thân thể bên ngoài. Thân thể bên trong tổng hòa những cảm giác, nhu cầu, mong ước v.v... là những nhân tố nhận thức của Tự ngã tập trung ở những khí quan bên trong. Nhưng M.Bakhtin cho rằng chỉ dựa vào Tự ngã của thân thể bên trong không đủ kiến tạo nên thân thể hoàn chỉnh. Con người có thể cảm thụ trực tiếp thân thể bên trong của mình, nhưng không có cách nào trực tiếp thấy được ngoại hình hoàn chỉnh của bản thân, mà cần phải nhờ vào cảm quan của Người khác. Vậy thì cơ sở của thân thể bên ngoài chính là phạm trù “Người khác” này. M.Bakhtin viết: “Đương nhiên không chút hoài nghi, ngoại hình của Ta không thể được thu vào tầm mắt thực tế cụ thể của Ta được, trừ một số ít tình huống lệ ngoại, thí dụ như soi mình trên mặt nước hoặc đứng trước gương. Ngoại hình của Ta, tức là mọi nhân tố có sức biểu hiện trên thân thể bản thân, chỉ có thể cảm thụ được từ nội tâm [...] Cần phải thay đổi cơ bản những phương pháp kiến tạo trong thế giới ảo tưởng, thu nạp thêm những nhân tố hoàn toàn mới mẻ, mới có thể làm cho ngoại hình của bản thân nhận được sức sống mà hòa nhập vào cái chỉnh thể cụ thể có thể trông thấy được. Toàn bộ việc thay đổi phương pháp kiến tạo này là ở chỗ hình ảnh từ Người khác và

cũng vì Người khác đối với tôi đã được xác nhận bằng hành động từ lý trí và tình cảm [...] Bởi vì chúng ta không có cách nào để từ bên ngoài nhìn vào mình, cho nên ở đây, chúng ta chỉ dành chuyển cảm (Empathetics) vào ai có thể không xác định trong các Người khác, và nhờ vào Người khác này mà chúng ta thử tìm hiểu được lập trường giá trị đối với bản thân, và qua đây thử từ thân thể của Người khác khởi động sự hình thành bản thân mình” [1, tr.124].

M.Bakhtin muốn nhấn mạnh chỉ có Người khác dựa vào vị thế bên ngoài mới có thể thể nghiệm một cách hoàn chỉnh thân thể bên ngoài của chúng ta. Nhưng không kém phần quan trọng là Ta đối với Người khác mà nói, thì cũng đóng vai trò của một Người khác, Người khác này rồi cũng phải thông qua sự thể nghiệm của Ta để cấu tạo nên thân thể bên ngoài của họ. Mối quan hệ giữa Ta với Người khác gắn bó chặt chẽ với nhau, nhưng không hề cô lập và đơn lẻ mà tầng tầng lớp lớp trùng trùng điệp điệp. Bởi vì trong cuộc sống học tập và công tác, gia đình và xã hội, Ta sẽ gặp gỡ biết bao nhiêu Người khác nữa. Rồi mỗi một người trong bọn họ, ngoài Ta ra, họ còn gặp gỡ bao nhiêu Người khác nữa. Chính trên cơ sở này, M. Bakhtin mở rộng ra thành cái thân thể vĩ đại của cộng đồng nhân dân, mà trước hết là của đại chúng bình dân.

Niềm vui của Tự ngã ở M.Foucault chỉ giới hạn trong

phạm vi cảm thụ cá nhân. Mối quan hệ giữa Ta và Người khác ngoài việc bị áp chế về thân thể và tính dục ra, thì rất khó tìm được sự nhất trí nào khác. Trái lại, M.Bakhtin giải thích mọi sự cảm thụ khoái lạc đều mang tính tập thể. Với M.Bakhtin thì thân thể cá thể là kết quả xác nhận lẫn nhau giữa Ta và Người khác. Và thân thể vĩ đại là sự tồn tại của một tập thể cùng nhau xây dựng cộng đồng đoàn kết nhất trí giữa Ta và Người khác với số lượng đông đảo. Bên trong cộng đồng này, giữa Ta và Người khác không hề có mâu thuẫn xung đột, chỉ có niềm vui hưởng thụ. Niềm vui này có được là do sự nhất trí trong phản kháng đấu tranh với kẻ thù bên ngoài. M. Bakhtin mong những niềm vui tận cùng của tất cả mọi người gắn bó chặt chẽ với nhau, mặc dù có màu sắc không tương, nhưng so với xu hướng đòi hỏi khoái cảm của cá thể ở M.Foucault thì phải chăng mang ý nghĩa tích cực hơn♦

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. M.Bakhtin, 1998, *Tác giả và nhân vật chính trong hoạt động thẩm mỹ*. Hà Bắc giáo dục xuất bản xã.
- [2]. Tần Dũng, 2009, *Nghiên cứu lý luận thân thể của Bakhtin*. Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, Bắc Kinh.
- [3]. M.Foucault, 1999, *Điện khùng và văn minh*, Lưu Bắc Thành dịch, Nxb. Tam liên thư điểm, Bắc Kinh.
- [4]. M.Foucault, 1989, *Lịch sử tính dục*, Trương Đình Thâm dịch, Thượng Hải khoa học kỹ thuật văn hiến xuất bản xã.

Giải cấu trúc thể loại - Nhìn từ sự tương tác giữa thơ và văn xuôi trong thơ Việt Nam đương đại

○ PGS.TS LÊ DỤC TÚ

Tương tác thể loại là một vấn đề đặt ra từ lâu trong thực tiễn đời sống văn học cũng như ý thức sáng tạo của nhà văn. Nhưng ở mỗi thời kì, mỗi nền văn học sự tương tác này lại có những đặc điểm riêng biệt.

Ở giai đoạn sau 1986, khi văn học được giải phóng khỏi những tín niệm cũ, khi tiến trình dân chủ hóa của xã hội đã từng bước hiện diện trong văn chương, những đổi mới quan niệm về thể loại bắt nguồn từ đời sống thực tiễn và ý thức sáng tạo của nhà văn thì vấn đề vượt rào thể loại lại càng là vấn đề đặt ra cho các nhà văn khi họ luôn muốn giải phóng năng lượng, luôn muốn làm mới mình để kiếm tìm một lối viết khác biệt với truyền thống. Tiến trình phá vỡ thể loại được thể hiện trên nhiều cấp độ từ vi mô đến vĩ mô.

Sự tương tác giữa thơ và văn xuôi là sự giao thoa giữa thể loại trữ tình và tự sự là một trong những sự tương tác nổi bật nhất mà ta bắt gặp thường xuyên trong văn chương Việt hiện nay, đã đem lại những thành công, tạo ra những sắc diện thẩm mỹ mới cho tác phẩm.

Sự tương tác này được thể hiện trên những bình diện chính sau:

1. Chất văn xuôi thể hiện trong kết cấu tác phẩm thơ

Có thể nói sau 1975, sự hòa trộn giữa chất thơ và chất văn xuôi trong thơ đương đại Việt Nam ngày một hoàn thiện hơn để thơ vừa sát gần với đời sống mà vẫn không làm mất đi sự mượt mà uyển chuyển vốn là đặc tính muôn đời của thơ ca. Sự thể nghiệm này hầu như có mặt trong thơ của nhiều thế hệ từ Phùng Khắc Bắc, Ý

Nhi, Xuân Quỳnh, Dương Kiều Minh, Nguyễn Quang Thiều, Mai Bá Ân đến các thế hệ trẻ hơn như Mai Văn Phấn, Phạm Thị Ngọc Liên, Phan Huyền Thư, Đinh Thị Như Thúy, Vi Thùy Linh... Sự kết hợp này thường thể hiện ở kỹ thuật “giải phóng câu thơ, tạo dáng lại cho câu thơ tiếng Việt”.

Sự giãn nở câu thơ, lúc theo chiều ngang, lúc lại theo chiều dọc để trình bày trọn vẹn các cung bậc của cảm xúc, là điều ta thường gặp rất nhiều trong thơ của các cây bút thơ đương đại. Nhà thơ Phùng Khắc Bắc đã thể hiện các trạng thái tình cảm khác nhau khi *Ngày hòa bình đầu tiên* trở về ngôi nhà của mình, sau những tháng năm dài chiến trận

*“Anh về lại ngôi nhà mình
Sau mười năm chiến tranh.*

*Mẹ đón anh buổi bình minh
nhập nhòa...*

*... Con mưa đón anh buổi
hừng đông chạng vạng*

Mưa... Mưa... Mưa...

Khấp nơi,

Mưa ngoài sân,

Nhưng cũng mưa cả trong nhà

*... Không có trái bom nào rơi
đúng nhà mẹ,*

*Không có viên đạn nào bắn
thủng mái nhà mẹ*

Chỉ có đứa con trai đi xa

*Chỉ có sự chờ đợi nặng nề
giọt xuống*

*Đã xuyên thủng mái nhà thành
những lỗ to lỗ nhỏ khác nhau*

Nắng mưa lọt vào sau

Xuyên

Xối

*Những sợi nắng, những sợi
mưa nếu có thể nổi, cũng chỉ dài*

Bằng một phần sự mong đợi

*Và những hạt nắng, những
hạt mưa nếu đem xếp lại, có
thể cao hơn mọi trái núi*

*Mười năm, cũng chỉ là
thoáng qua... Mái rạ của mẹ
cũng không thủng lỗ chỗ*

Nếu con chỉ đi ra đồng, ra chợ

Chứ không phải chiến tranh”.

Nhìn vào đoạn thơ trên ta thấy, rõ ràng nhà thơ vừa kéo câu thơ theo chiều dọc khi viết những câu chỉ có 1 từ như: *Xuyên, Xối*. Nhưng có lúc lại dàn câu thơ theo chiều ngang với sự trình diễn những câu có đến 18 từ: *“Và những hạt nắng, những hạt mưa nếu đem xếp lại, có thể cao hơn mọi trái núi”*. Sự kết hợp vênh lệch này cho thấy quy luật chặt chẽ của âm luật và từ ngữ thường thấy trong thơ ca không còn mấy ý nghĩa. Nhà thơ đã mặc sức thả nổi việc trình diễn cảm xúc qua sự trôi sụt của ngôn từ để thể hiện tâm trạng của mình trong ngày hòa bình đầu tiên gặp lại mẹ. Những câu thơ vừa bộn bề hiện thực vừa dồn nén cảm xúc đã cho người đọc thấy thực trạng về sự đói nghèo của đất nước sau chiến tranh và tình yêu vô bờ bến của người con trai dành cho mẹ. Sau chiến tranh, người

lính trở về, anh cảm thấy bất lực và day dứt bởi anh không có gì khác ngoài hai bàn tay và phải tá túc trong ngôi nhà thủng lỗ chỗ đầy nước mưa của mẹ. Nhưng mẹ vẫn dành cho anh một tình yêu vô bờ như thuở nào với sự hy sinh thầm lặng:

*“Chỗ ướt mẹ nằm, sau mười năm
Vẫn chỗ mưa mẹ đứng”.*

Nói đến những bài thơ đậm chất văn xuôi ta không thể không nhắc đến thơ của Dương Kiều Minh. Sức nhớ núi đồi là một trong những bài thơ văn xuôi tiêu biểu đầu tiên của Dương Kiều Minh. Ở bài thơ này, mạch thơ được trải rộng, câu thơ được kéo dài theo chiều ngang với góc quan sát rộng, giàu liên tưởng

*“Tôi chợt nhớ núi đồi những
đêm tĩnh lặng trong trẻo, ngôi
sao xanh ánh sáng bị làn hơi
ấm tách ra thành nhiều sợi
tinh khiết...”*

*Đêm đêm những nàng tiên
cánh mỏng bay là là trên
những cánh rừng và dòng sông
hắt ánh sáng dịu dịu bờ dốc
thoai thoải”.*

Những hình ảnh trong bài thơ tưởng như chỉ là những sao chép khô khan những chi tiết của đời thường, nhưng thực ra nó in đậm tình cảm của người viết:

*“Tôi mở ý tưởng thơ mộng chỉ
thấy hình ảnh thế giới khô cằn
Mùa đông đến dài dặc, mùa*

*xuân hiện lên, gương mặt tiêu
tuy căn nhà chen chúc cũ nát.”*

Trong bài thơ này, dù hiệu ứng ngôn ngữ và hình ảnh chưa cao, khoảng trống giữa các câu thơ chưa lớn và chưa tạo được nhiều bất ngờ nhưng nó đã đánh dấu sự chuyển biến trong thi pháp thơ của tác giả. Ở những bài thơ văn xuôi sau này của Dương Kiều Minh, mạch thơ ngày càng vạm vỡ, tự do, tung tẩy hơn tựa cơn gió mạnh bất chợt ủa về cánh đồng rộng lớn, đem đến cho bạn đọc cái cảm giác phóng túng, tự do mà cũng không kém phần da diết, lắng sâu: *“Giữa thỉnh lặng mênh mông tiếng gió từ phía sông Đáy đuổi qua con đê kéo ngang cánh đồng trước nhà hoà cùng tiếng côn trùng tiếng xào xạc cây lá tạo nên những giai điệu kỳ bí của đêm toả ngát hơi thở bí ẩn thiên nhiên và vũ trụ”* (Gửi bạn đêm cuối năm). Sự giãn nở những câu thơ theo chiều ngang, ta sẽ còn tiếp tục gặp lại trong những câu thơ của Vi Thùy Linh - một nhà nữ thuộc thế 8x. Trong bài thơ *Bàn tay*, chị viết:

*“Lúc giao thừa em mới được
đuổi bàn tay mới*

*Bàn tay một nhòai xòe ngón
Không chỉ vì tiếng chuông ngân
pháo bông rực trời khiến mưa
xuân ngọt thế nụ hôn trao nhau*

*Mà vì anh cùng em mất trong
mất, tay trong tay như hai kim
đồng hồ lúc 12 giờ - giao thừa
số phận”.*

Dường như sự kết nối của âm vận đã bắt lực trước những câu thơ trên khi nhà thơ không còn ý niệm nào về sự “niêm phong câu chữ” của mình để cho tự do của cảm xúc và ý tưởng được thoải mái tràn bờ. Cũng bởi vậy từ điểm mở đầu là bàn tay tác giả đã đưa người đọc đến bến bờ của tình yêu và hạnh phúc. Bài thơ đã chạm vào trái tim của độc giả bởi những liên tưởng bất ngờ khi cảm xúc được phối hợp nhịp nhàng với kỹ thuật trình diễn.

Ngoài kỹ thuật dàn câu thơ theo chiều ngang, còn có kiểu mô hình trình diễn khác khi trực đọc lại là sự lựa chọn tối ưu. Đó là lúc các nhà thơ “kéo dài câu thơ bằng bằng lối xuống dòng không viết hoa chữ đầu” (Mã Giang Lân):

*Có những lúc người ta nắm
lấy cuộc sống bằng cả
hai tay và hai chân
cuộc sống vẫn chuội đi
tuột xuống
khoảng khắc giữa cuộc sống
và cái chết như một màn sương
nửa muốn đi qua nửa còn
ngoái lại
cái tức tưởi của những điều
dở dang trên đời
lẫn trong sự cô quạnh của
đường đi
dường như trộn lẫn*
(Mây trắng - Phạm Thị Ngọc Liên).

Không viết hoa chữ đầu câu, đầu dòng, không có dấu chấm

lúc cuối câu, cuối đoạn cho thấy cảm xúc của nhà thơ không chỉ đến bất chợt mà nó còn kéo dài vô tận không có điểm kết. Bạn đọc có thể tiếp tục dòng cảm xúc của nhà thơ. Điều này làm tăng tính đối thoại trong thơ như một sự khẳng định về sự xâm lấn của chất văn xuôi. Những câu thơ được ngắt làm hai hay ba cho gần với câu văn xuôi đã tạo ra sự không tương ứng giữa câu thơ và dòng thơ của Phạm Thị Ngọc Liên thực ra không có gì thật mới về kỹ thuật bởi chúng ta đã từng gặp nó trong thơ Mới trước đây khi Xuân Diệu từng viết:

*“Một tối bầu trời đắm sắc mây,
Cây tìm nghiêng xuống nhánh
hoa gầy,
Hoa nghiêng xuống cỏ, trong
khi cỏ,*

*Nghiêng xuống làn rêu, một
tối đầy”* (Với bàn tay ấy).

Nhưng cái khác trong cách ngắt dòng giữa hai nhà thơ ở hai thời đại khác nhau là nếu Xuân Diệu chỉ muốn thể hiện những cảm xúc mãnh liệt liên tục về mùa xuân thì Phạm Thị Ngọc Liên lại muốn trình diễn tính nghị luận khi viết những câu thơ suy ngẫm giàu tính triết lý về cuộc sống và con người.

2. Gia tăng chất chuyện kể

Việc gia tăng chất văn xuôi trong thơ ca đương đại còn thể hiện ở việc gia tăng chất chuyện kể. Dùng thơ để “kể chuyện”, hay “kể chuyện” bằng thơ còn

là xu hướng được kéo dài trong văn học Việt Nam tới tận thời kì hiện đại. *Chùa Hương* của Nguyễn Nhược Pháp, *Lữ bước sang ngang* của Nguyễn Bính, *Màu tím hoa sim* của Hữu Loan, *Núi Đôi* của Vũ Cao, *Gửi em cô thanh niên xung phong* của Phạm Tiến Duật... là những tác phẩm như vậy. Trở lại thơ Việt Nam sau 1986, chúng ta thấy xu hướng này vẫn đang được các nhà thơ có tên tuổi duy trì. Chẳng hạn như ở thơ Mai Văn Phấn - người đã được rất nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế về thơ ca thì những bài thơ thành công nhất của Mai Văn Phấn đều được cấu trúc theo những câu chuyện nhỏ, có thể gọi là những truyện ngắn mini bằng thơ. Và như thế ta có thể coi thơ của Mai Văn Phấn là sự giao thoa giữa thơ và truyện ngắn khi ta đọc các bài thơ như *Gương mặt em*, *Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ*... *Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ* là một trong những bài thơ văn xuôi hay và lạ của Mai Văn Phấn:

“Pha xong ấm tra

Quay ra

Ông khách không còn ở đó

Gọi điện thoại

Người nhà bảo ông mất đã
bảy năm

Nhầm lẫn

Nhà mình

Mọi sự đảo lộn

Không nhớ bức chân dung
hạ xuống bao giờ

Đâu rồi chiếc đồng hồ chạy
bằng dây cốt?

Bộ ấm chén giả cổ ai cho?

Ghé sang hàng xóm

Thử hỏi mấy loại thực phẩm

Loại tăng giá

Loại còn giữ giá.

Trong nhà

Trà vẫn nóng

Đẩy chén nước về phía ông
khách đã ngồi

Luồng tử khí cao chừng một
mét sáu dựng đứng trước mặt

Chốc lại cúi gập.”

Bài thơ tả lại câu chuyện về một buổi sáng tiếp một ông khách của nhân vật “tôi” (nhân vật trữ tình). Câu chuyện về một thế giới thực và giả. Đời thường mà thật khác thường. Giác mơ, ảo giác, thị giác trực cảm, ảo ảnh vô thức... đều cùng diễn ra như thật. Tỉnh táo và nhầm lẫn. Thật và giả. Sống và chết... các ranh giới đang bị xóa nhòa. Đời sống con người cũng lắm điều nhầm lẫn, phi lý nhưng lại là những điều đang tồn tại. Câu chữ ít mà khái quát rộng về xã hội và con người. Bài thơ mở ra nhiều hướng tiếp cận và trường liên tưởng từ hướng tiếp cận tâm linh. Sức hấp dẫn của thơ văn xuôi Mai Văn Phấn chính là tạo ra những trường đa nghĩa như thế.

3. Gia tăng thành phần miêu tả trong thơ

Gia tăng thành phần miêu tả trong thơ, điều này tưởng chừng như nghịch lý khi mà miêu tả

vốn không phải là địa hạt đặc địa của thơ ca. Hegel - trong công trình Mỹ học nổi tiếng đã từng cho rằng “*Thơ phải vâng theo tình yêu của mình để từ bỏ việc miêu tả những chi tiết... nếu cứ khăng miêu tả các chi tiết thì thì thơ chỉ có thể làm cho cái tổng thể mờ đi, thậm chí biến mất*” (Phan Ngọc dịch, Viện Văn học, 1973). Nhưng những nghịch lý này dường như đang tồn tại trong thơ ca Việt Nam đương đại và tạo nên những dấu ấn thành công ở một số cây bút. Trong thơ tình yêu của Trần Nhuận Minh, hình ảnh cô gái dù là tâm điểm của cảm xúc song quang cảnh nơi hò hẹn được vẫn được nhà thơ quan tâm miêu tả cụ thể, tỉ mỉ cho thấy tình yêu của họ, dù lãng mạn, riêng tư, nó vẫn luôn gắn với cuộc đời thường nhật và đó chính là điểm tựa của tình yêu, của kí ức:

*“Bác xích lô ngủ trưa,
nằm cong ngón chân chĩa
lên trời*

*Em đã đứng chỗ này, chờ tôi
trong gió lạnh*

*Cái bím tóc dưới ánh đèn
lấp lánh*

*Tàu điện qua làm tà áo em
bay”...(Kí ức).*

Ta sẽ gặp lại hiện tượng này trong thơ Mai Bá Ẩn khi anh hoài niệm về làng của mình qua những sinh hoạt thường ngày mang nhiều dấu ấn kỉ niệm của tuổi thơ:

*“Ngày thơ bé làng tôi nhiều
chim lăm*

*Se sẻ trao duyên trước mặt
chào mào*

*Trên ngọn đuối quành quạch
ăn trái chín*

*mổ bâng quơ nhả hạt xuống
bờ ao*

*Ngọn bàng già đồng độc về
xây tổ*

*hót riu ran trong bâng lẳng
trời chiều*

*Chùa Tiên Nhon lam một
màu rêu cổ*

*Cha vuốt râu ngâm lững mấy
câu Kiều*

*Ngày thơ bé lùa trâu ra sông tắm
con sông Trầu lơ lợ nước chè hai*

mò lên bờ ăn trộm dưa cậu Tám

Bà ngoại thất cười... mở túi

lấy trâu nhai...” (Làng tôi).

Làng tôi là sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và miêu tả. Hình ảnh quê hương hiện lên sinh động với đủ gam màu: có vẻ đẹp tuyệt vời của thiên nhiên, có hình bóng không thể phai mờ của mẹ cha, của bà ngoại, của những người bạn thuở thiếu thời. Miêu tả ở đây đã giữ vai trò dẫn dắt cảm xúc, đẩy cảm xúc lên cao trào.

Đi tìm sự xâm nhập của chất văn xuôi trong thơ chính là đi tìm những phương thức sáng tác hiện đại trong tinh thần giải cấu trúc thể loại, khẳng định những thành công và những dịch chuyển trong đời sống văn chương đương đại hôm nay♦

Thiên nhiên trong cảm quan nghệ thuật của Thạch Lam

○ TRẦN ĐỨC SƠN



Nhà văn THẠCH LAM
(7/7/1910 - 27/6/1942)

Thiên nhiên là nguồn cảm hứng, niềm say mê của con người, là đối tượng mô tả mãi mãi cảm dỗ của nghệ thuật. Nó là cây cỏ, trái trăng, là dòng nước chảy chân cầu, là hoàng hôn buông xuống xóm nhỏ, là cây đa bến đò, “sương nương lưng trời”, là không khí “chim há mỏ hát ra thơ”. Thiên nhiên là quê hương để con người ký thác tất cả đời mình vào đấy. Không

một nghệ sĩ nào, một người cầm bút nào có thể làm ngơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Chính cái trực giác nhiệm màu về sự vật đã giúp nghệ sĩ tìm thấy một mối tương quan đậm thắm giữa chúng và con người. Bkrotse đã nói rằng: “Thiên nhiên chỉ đẹp đối với kẻ nào dùng cái nhìn của người nghệ sĩ để thưởng thức nó”.

Nếu Prômêtê đã lấy cắp lửa của thần linh để sưởi ấm cho trái đất, cho nhân loại thì con người cũng đã di chuyển cái đẹp của đất trời vào thế giới do mình sáng tạo ra. Nhưng đối với nhà văn mỗi người có một vẻ riêng không ai giống ai về cuộc sống thứ hai của thiên nhiên là ở trang sách. Đối với Thạch Lam, ông quan niệm rằng: “Giữa chúng ta với cảnh vật cây cỏ, với núi non có một sự quen thuộc đậm thắm và sâu sắc lạ lùng. Một cây đối với chúng ta không chỉ là một cái cây. Đó là một linh hồn đương sống cũng mừng vui và cũng đau khổ như chúng ta”.



Một số tác phẩm của Thạch Lam.

Văn phong Thạch Lam là văn phong của cảm giác và trạng thái tình cảm vì vậy khác với các nhà văn khác trong cách miêu tả thiên nhiên ông ít khi mô tả trực diện mà cái chính là qua nhạy cảm của nhà văn. Thiên nhiên gắn liền với trạng thái và cảm giác cũng như biến đổi tâm lý con người. Giác quan của Thạch Lam như muôn vàn sợi chỉ đồng tơ nhẹ tỏa ra xung quanh chỉ có một ngọn gió vô tình lướt qua, một tiếng muôn trùng rót vào đêm lạnh vắng, tiếng cỏ đại rụng hạt bên thềm... đều rung lên khe khẽ trong con người ông, làm cho ông nhận biết được sự thay đổi của vạn vật của vũ trụ và lòng người.

Tả cái lạnh đầu mùa Thạch Lam không bắt đầu bằng quan sát mà bằng cảm giác: “Một sáng thức dậy ngại đặt chân

xuống giường”. Đó chính là dấu hiệu về sự biến đổi của thời tiết. Chỉ có chừng đó nhưng xúc giác của Thạch Lam đã mở rộng ra để ghi nhận: “Cái lạnh ở đâu kéo đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt”. Đó là cái lạnh không báo trước nó thấm dần từ chân lên đầu rồi từ người mà lan ra xung quanh.

Ngoài tâm hồn nhạy cảm, Thạch Lam vận dụng thường trực thị giác và xúc giác của mình để theo dõi các dấu hiệu mùa thu bắt đầu tạnh, nắng hanh vàng kém rực rỡ, gió heo may đưa nhẹ từng cơn. Vào thời niên thiếu Thạch Lam đã từng vận dụng khứu giác một cách triệt để, đã thu nhận những mùi vị đặc biệt nơi thôn dã: “mùi đất, mùi cát, lẫn mùi khói rác người ta đốt ở trong lòng”. Với một người có năng khiếu

bấm sinh về cảm nhận giao hòa thiên nhiên và lòng người, có những năm tháng sống gần gũi với quê hương đồng ruộng càng làm cho cảm giác Thạch Lam nảy nở đầy đủ và toàn vẹn. Nếu như Lý Bạch, Hàn Mặc Tử, tâm hồn ngập ngụa ánh trăng thì lồng ngực của Thạch Lam cũng căng phồng bởi hương hoa đồng nội.

Trong tình yêu, Thạch Lam đã mượn khung cảnh thiên nhiên để tạo cho cảm giác có một tác dụng làm sạch đẹp lòng người. Nhìn mùa hoàng lan nở hoa Thanh nhớ mái tóc người yêu, nhìn nương sắn vườn chè Bình nhớ những ngày hè ngây ngây cùng người yêu đi dạo... Tiếp nhận vẻ đẹp thiên nhiên con người chỉ có thể xảy ra một thứ cảm giác sung sướng và hạnh phúc êm đềm. Trong truyện Buổi sớm tác giả đã cho ta thấy chỉ một cảm giác nho nhỏ do thiên nhiên đưa lại đôi khi làm thay đổi đời sống tình cảm con người. Thiên nhiên trở thành người bạn xoa dịu những nỗi đau, những nhọc nhằn, gội rửa lòng người thanh tao. Bính là một thanh niên chỉ biết miệt mài vào những cuộc chơi thâu đêm, mệt nhọc không bao giờ dậy được sớm. Chỉ có một lần dậy sớm “Đất lạnh dưới chân bàn làm cho chàng một cảm giác mát và dễ chịu”. “Và bình minh của ngày rực rỡ bắt đầu tương sáng ở phía xa”. Cảm giác bắt nguồn từ cảnh vật đã khơi dậy những mẩn yêu cuộc sống trong lòng Bính.

Như vậy thiên nhiên trong văn Thạch Lam không phải được mô tả như những bức tranh hoành tráng, bao trùm một khoảng không gian vô bờ mà thiên nhiên cũng đủ cho phù hợp với lòng người. Trong tiểu thuyết *Ngày mới* Trường và Trinh yêu nhau giữa một vùng hoa lá trong vườn nhà ở An Lâm. Tắm trong dòng suối đầy hương hoa ngọt ngào đó con người luôn nảy sinh những tình cảm tươi mát trong sáng. Còn đây là cảnh đôi trai gái đầy tình tứ mà thiên nhiên đã tô điểm cho họ “Thanh dắt nàng đi xem vườn cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng như có giất hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng vẫn còn tươi xanh ở trên cành”.

Trong văn Thạch Lam cây cỏ vườn nhà, gió mát đường hoa chỉ xuất hiện để làm cảm giác thêm nảy nở. Đó là sự gắn bó bằng mối dây liên lạc vô hình rất mực thủy chung, từng cử chỉ, từng hành động nhỏ đều gắn liền với đời sống tự nhiên đẹp đẽ.

Nằm trong văn mạch chung của Tự lực văn đoàn, Thạch Lam không tả cảnh rờn rờ, bằng một vài nét chấm phá thanh đạm cảnh nông thôn ngày mùa nắng đẹp hiện lên đầy hương sắc, những khu vườn đầy hoa lá, những cầu gò, những bờ ao, những mái nhà nhỏ, xa hơn nữa là những phố huyện miền xuôi... Tất cả đều gợi lên một khung cảnh miền quê

vừa nghèo nàn, xô xác vừa thơ mộng. Điều đáng nói là Thạch Lam không mô tả với cặp mắt bàng quan lạnh lùng. Trái lại ông đã hòa mình vào khí trời, hoa lá, tiếng trống gọi chiều về để cảm nhận những sắc thái của hồn quê, tình quê Việt Nam: mùa rạ phơi, tiếng sáo trúc, màu rêu lên gốc đa quán gạch đầu làng, bến sông đưa khách... Những ánh sắc và hương vị đó đã quyến rũ Thạch Lam “như một tiếng gọi lạ lùng”, “Thân mật như một người bạn”. Tình quê và hồn quê rất sâu nặng trong lòng đã cho Thạch Lam thấy rõ hơn ai hết cái mùi quê hương quen thuộc đầm ấm. Đó là mùi “lúa thơm vương bay trong cát bụi hòa lẫn với mùi đầm ảm của phân cỏ”, “mùi dễ chịu của đất ải mới cày lẫn với hương thơm cỏ xanh”. Những mùi riêng của đất, của quê hương đã khiến cho người dân sống say sưa bên nương khoai ruộng lúa và can đảm gánh lấy nhọc nhằn. Đó cũng là hương đồng cỏ nội không thể thiếu được trong tâm hồn của những thanh niên như Trường (Ngày mới), Thanh (Dưới bóng hoàng lan)... Những hương vị đã khơi gợi tấm lòng chung thủy đối với quê hương.

Hình ảnh *Bên kia sông* với màu trời sắc nắng, bóng cây gợi ta nhớ đến những vùng đất xa xưa của loài người, xứ sở trời đất liền nhau, người tiên lẫn lộn. Nơi đó bắt đầu tình yêu của một cậu bé khi cậu biết quan tâm đến thế

giới quanh mình. Nếu như ánh trăng trong khu vườn An Lâm khi Trường và Trinh hẹn hò nhau thật là đẹp dễ, thì ánh trăng trong câu chuyện viết về đôi lứa xa cách nhau thật là lạnh lẽo, xót xa (Ánh sáng trăng). Nếu như buổi chiều *Nắng trong vườn* đến lúc hai người bạn trẻ say sưa tình yêu nhanh chóng không ai biết thì buổi chiều trong *Hai đứa trẻ* cứ mờ mờ rồi lịm dần, lịm dần.

Thạch Lam không rơi vào lối miêu tả khuôn sáo ước lệ như các nhà tiểu thuyết cổ điển hoặc sâu hơn như tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Cái nhìn thiên nhiên ở Thạch Lam mang rõ sự khám phá, phát hiện. Đọc văn ông ta như ngửi được mùi hương, thấy được màu sắc nơi thôn dã, trung du, nơi người dân lập làng mạc, đám đình, cày cuốc tạo lập cuộc đời hay mòn vai với những gánh hàng nhỏ nhoi... Nghĩa là một cái gì đó rất Việt Nam. Không những thế ta còn thấy thiên nhiên thấm đẫm những tình cảm chủ quan của nghệ sĩ. Thạch Lam lấy thiên nhiên để ký thác nội tâm của nhân vật và cả những nỗi niềm mến thương hay canh cánh suy tư trong lòng mình.

Nói chung miêu tả thiên nhiên, Thạch Lam luôn có ý thức gắn liền với tâm trạng, tình cảm của con người. Ông miêu tả không dài dòng, mà chỉ có tính cách điểm qua đôi nét như một bức phác họa sắc sảo nhưng linh hoạt, sống động♦

Chất thơ trong truyện đồng thoại Võ Quảng

○ TRỊNH BÍCH THÙY



Nhà văn, nhà thơ VÕ QUẢNG
(1920 - 2007)

Một trong những đặc điểm có thể cảm nhận ngay ở truyện viết cho thiếu nhi là chất thơ rất rõ nét (truyện viết cho người lớn cũng mang đặc điểm này nhưng không thường xuyên, nổi bật). Hầu như tác phẩm truyện đồng thoại nào cũng bàng bạc ít hay nhiều chất thơ. Bởi tâm lí, thị hiếu

tiếp nhận của trẻ em là yêu thích cái đẹp, cái nhẹ nhàng, thơ mộng. Nắm rõ đặc điểm tâm lí lứa tuổi này, nhà văn Võ Quảng khi viết truyện cho thiếu nhi đã tăng cường chất thơ trong các tác phẩm. Truyện đồng thoại của ông vì thế đậm chất thơ, giàu sức gợi cảm và lôi cuốn độc giả, nhất là các bạn đọc nhỏ tuổi.

Ghi nhận về thế giới nghệ thuật truyện đồng thoại Võ Quảng, GS. Phong Lê cho rằng, truyện của ông “chan chứa chất thơ”⁽¹⁾. Thật vậy, chất thơ thấm đẫm trong truyện cho thiếu nhi của Võ Quảng trên nhiều phương diện, góp phần định hình phong cách truyện đồng thoại của nhà văn.

Trước hết, đưa thơ vào truyện với tư cách xâm nhập thể loại là minh chứng rõ ràng cho ý đồ nghệ thuật gia tăng chất thơ cho truyện đồng thoại của tác giả Võ Quảng. Nhà văn đã cố

tình lồng ghép những bài thơ do chính mình sáng tác vào một số truyện. Đó là những lời hát, lời thoại hồn nhiên, đáng yêu, mang phong vị đồng dao của các nhân vật được thể hiện trong hình thức bài thơ 3 chữ, 4 chữ, 5 chữ. Chẳng hạn, đây là lời cau có của Sáo Sậu vì đối trong truyện *Sáo Sậu và đàn trâu*:

*Lẳng la liên
Thật là phiền
Cho cái bụng
Nó gào rống
Thiếu cái ăn
Lại hết phăng
Cả cái kiến!*

Hoặc đây là bài ca may áo của Nhím, Thỏ, Tằm, Bọ Ngựa và các bạn trong truyện *Những chiếc áo ấm*:

*May một chiếc áo
Cần chỉ, cần kim
Còn phải đi tìm
Ai người biết cắt
Muốn cắt cho đẹp
Không thể cắt bừa
Muốn cắt cho vừa
Phải người biết vạch.*

Nếu đứng riêng, đây có thể xem là những bài thơ hoàn chỉnh và rất hay. Khi đưa vào tác phẩm truyện, chúng không chỉ làm đa dạng đặc điểm tổ chức truyện mà còn mang đến chất thơ cho tác phẩm. Về việc đưa thơ vào truyện đồng thoại, TS. Lê Nhật Ký nhận định: “Sự kết hợp giữa thơ và truyện [...] được ví như bông hoa cài trên giá đỡ. Bản thân chúng

góp phần đem lại sự đa dạng về sắc thái thẩm mỹ cho tác phẩm”⁽²⁾. Với truyện đồng thoại Võ Quảng, sự xuất hiện của thơ đã góp phần làm cho tác phẩm truyện trở nên giàu sức gợi cảm, phù hợp với tâm hồn trẻ thơ vốn yêu thích thơ ca.

Bên cạnh đó, gia tăng những đoạn trữ tình miêu tả thiên nhiên cũng là một dấu ấn đậm nét của chất thơ trong truyện đồng thoại Võ Quảng. Về vai trò của miêu tả thiên nhiên trong truyện đồng thoại, TS. Lê Nhật Ký nhận định: “Miêu tả thiên nhiên được xem là một trong những con đường cơ bản để tạo nên chất thơ cho tác phẩm. Bởi vì, thiên nhiên là hiện thân của cái đẹp đa dạng, muôn màu muôn vẻ”⁽³⁾. Trong truyện đồng thoại Võ Quảng, người đọc không khó để bắt gặp những khung cảnh thiên nhiên tươi sáng, thi vị. Đó có thể là cảnh vật trong trẻo, tươi mới sau mưa: “*Những cơn mưa phùn kéo dài bỗng chấm dứt. Mây mù tan biến. Bầu trời như được ai cầm chiếc khăn lau sạch. Cây cỏ quanh hồ như thay lá đổi màu. Hàng ổi ném xuống mặt nước những hoa trắng đầy phấn ngọt. Chợt hoa phượng thấp đỏ cả góc hồ*” (truyện *Mắt Giếc đỏ hoe*). Hoặc đó là vẻ đẹp thơ mộng của vầng trăng trắng non: “*Thuở mới có trời đất, đêm đêm Trăng Non thường hiện lên, chung quanh có nhiều*

vì sao sáng. Những đêm đầu Trăng Non hiện ra giống như nửa chiếc vòng bạc nằm chênh chếch rồi đi ngủ sớm. [...] Và ánh sáng của Trăng mỗi đêm càng trong trẻo, mịn màng hơn” (truyện *Trăng thức*). Thiên nhiên không chỉ là môi trường tồn tại của nhân vật, mà còn là chủ thể trữ tình của câu chuyện. Khi miêu tả thiên nhiên, tác giả Võ Quảng luôn tập trung khắc họa để chúng trở thành những bức tranh trong sáng, tươi đẹp, đầy sắc màu, gợi cảm. Chất thơ trong truyện nhờ đó được gia tăng đáng kể, có tác dụng lớn trong việc khơi gợi ở các em cảm xúc thẩm mỹ tích cực về tình yêu thiên nhiên, niềm tin yêu cuộc sống.

Hiểu được đặc điểm tâm lý của trẻ nên khi sáng tác, tác giả Võ Quảng thường chọn những đề tài, cách xây dựng nhân vật, giải quyết tình huống truyện theo hướng nhẹ nhàng, đáng yêu. Nếu như trong truyện cổ tích, sự đối lập giữa cái thiện và cái ác rất rõ ràng và kết thúc thường khốc liệt, thì ở truyện đồng thoại của Võ Quảng, đề tài mà tác giả hướng đến là những câu chuyện gần gũi, mang tính chất giáo dục nhẹ nhàng nhưng sâu sắc. Tình huống truyện được xây dựng rất đơn giản, thường chỉ gồm một chuyện. Mỗi câu chuyện mang một thông điệp về tình

bạn (*Mèo tắm, Mắt Giếc đỏ hoe*), về tình anh em (*Chuyến đi thứ hai*), về tình đoàn kết (*Những chiếc áo ấm*), về giá trị của sức lao động (*Ngày Tết của Trâu xe, Con đường hẹp, Hòn đá, Sáo Sâu và đàn trâu, Đò Ngang*) hay bài học về tính kỷ luật (*Trăng thức*),...

Kế thừa từ truyện cổ tích, tác giả Võ Quảng xây dựng những hình ảnh đại diện cho cái ác thông qua một số loài vật như: Cáo ranh ma, độc ác (*Đêm biểu diễn, Thêm sức chiến đấu*), Hồ gian ác (*Sự tích cái vắn*), Ốc Gai thâm độc (*Trai và Ốc Gai*)... Tuy nhiên, cái ác không được tô đậm mà chỉ dừng lại ở việc giải thích những hiện tượng đã có ở loài vật. Tác giả chọn cách kết thúc truyện không quá dữ dội: Cáo bị rượt đuổi, Hồ bị đốt nên trên thân có những vết vằn, Ốc Gai không đạt được mục tiêu nên phải bỏ đi trong sự tức tối... Cách giải quyết như vậy mang tính giáo dục cao bởi tác giả ý thức rõ đối tượng tiếp nhận của mình là các bạn đọc nhỏ tuổi. Rõ ràng, né tránh các đề tài thù hằn, giết chóc hay đấu tranh tàn khốc, tập trung vào những câu chuyện nhân văn, những thông điệp tốt đẹp của cuộc sống, chất thơ trong truyện đồng thoại Võ Quảng được thể hiện rõ nét hơn.

Chất thơ trong truyện viết cho thiếu nhi của Võ Quảng còn được thể hiện qua nhiều

thủ pháp nghệ thuật khác. Thủ pháp so sánh được tác giả sử dụng nhằm mở rộng trường liên tưởng, tăng giá trị hình ảnh và sức gợi cảm cho câu văn: *Đồi núi trải ra như đàn rùa bò lớp lớp (truyện Bài học tốt); Những đêm đầu Trăng Non hiện ra giống như nửa chiếc vòng bạc nằm chênh chếch phía tây (truyện Trăng thóc); Bầu trời như được ai cầm chiếc khăn lau sạch (truyện Mắc Giếc đỏ hoe); Tôi rất khó nhọc mới lấy ra được sắc óng ánh giống như mã não, xà cừ (truyện Trai và Ốc Gai)...* Từ láy được sử dụng thường xuyên có tác dụng lớn trong việc miêu tả sự vật một cách sinh động, gợi cảm, giàu giá trị tạo hình. *Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẽng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất...* (truyện *Những chiếc áo ấm*).

Có thể nói, chất thơ không phải là yêu cầu thể loại bắt buộc đối với truyện. Tuy nhiên, đưa chất thơ vào truyện một cách tự nhiên sẽ góp phần gia tăng nhiều giá trị thẩm mỹ quan trọng mà yếu tố tự sự không thể làm được. Thực tiễn văn học đã chứng minh, truyện mang chất thơ thường gợi cảm, dễ đi vào lòng người, thường để lại những ấn tượng khó phai. *Tôi đi học của Thanh Tịnh, Hai đứa trẻ của Thạch Lam...* là những truyện như vậy. Đặc

biệt với thể loại truyện đồng thoại mà đối tượng tiếp nhận chính là thiếu nhi thì chất thơ là yếu tố quan trọng, có vai trò lớn trong việc nuôi dưỡng tâm hồn, phát triển trí tưởng tượng cho trẻ. Truyện đồng thoại Võ Quảng tiêu biểu cho điều này. Mỗi tác phẩm của ông đều là những câu chuyện đẹp, đậm chất thơ, mang giá trị giáo dục sâu sắc. Chất thơ còn làm cho truyện đồng thoại Võ Quảng trở nên mềm mại, gợi cảm, giàu chất trữ tình, góp phần hình thành nên phong cách viết của ông.

Võ Quảng (1920-2007) là tác giả lớn của nền văn học thiếu nhi Việt Nam. Ông viết ở nhiều thể loại khác nhau như thơ, truyện đồng thoại, tiểu thuyết, kịch bản, tiểu luận. Ở thể loại nào, Võ Quảng cũng đạt được nhiều thành tựu, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam. Ở lĩnh vực truyện đồng thoại, ông đạt được nhiều thành công, góp vào gia tài truyện đồng thoại Việt Nam nhiều tác phẩm hay, giàu chất thơ và giá trị giáo dục sâu sắc♦

CHÚ THÍCH:

- (1). Phong Lê, *Tuyển tập Võ Quảng*, tập 2, Nxb. Văn học, 1998, tr.159.
- (2). Lê Nhật Ký, *Truyện đồng thoại trong văn học Việt Nam hiện đại*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.171.
- (3). Lê Nhật Ký, Sđd, tr.171.

Nguyễn Chí Trung với chiến trường Quảng Ngãi

○ PHẠM ĐƯƠNG

Nhà văn Nguyễn Chí Trung quê Quảng Nam nhưng dấu ấn để lại sâu đậm nhất trong đời văn nghiệp của ông lại là tác phẩm viết về đất và người Quảng Ngãi. Tiểu thuyết đầu tay và cũng là duy nhất của ông “Tiếng khóc của nàng Út” (giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2008), được ông lấy bối cảnh ở Quảng Ngãi giai đoạn từ năm 1954-1959 làm “nền”. Tôi may mắn được một đôi lần “đi thực tế” với nhà văn để tìm “nàng Út” của ông.

Nguyễn Chí Trung có lẽ là một trong số không nhiều những văn nghệ sĩ “hồi kết” sớm nhất. Đầu như năm 1961 ông đã rời miền Bắc để có mặt tại vùng rừng miền tây Quảng Nam-Quảng Ngãi, nơi mà dư âm của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng vang trời dậy đất vừa

xảy ra cách đó không lâu, vẫn còn vang vọng khắp núi rừng.

Có lẽ dư âm đó đã hằn sâu trong ký ức nhà văn nên gần như trọn đời mình, ông luôn ấp ủ một điều là phải viết một cuốn tiểu thuyết “để đời” về sự kiện đó. Mãi đến khi ông “thoát xác” khỏi chức phận của một anh cán bộ sự vụ, Nguyễn Chí Trung mới có điều kiện thực hiện những hoài bão của mình từ thời trai trẻ.

Theo nhà văn Nguyễn Bảo, nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ quân đội, cuốn tiểu thuyết “Tiếng khóc của nàng Út” được nhà văn Nguyễn Chí Trung khởi thảo từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước, khi ông còn làm Phó Tổng biên tập Tạp chí Văn nghệ quân đội. Ông có viết vài chương phác thảo và cho Nguyễn Bảo xem. Nhưng cuộc chiến tranh



Nhà văn Nguyễn Chí Trung gặp lại những người đã cứu mạng ông tại huyện vùng cao Trà Bồng. *(Ảnh: Phạm Dương).*

biên giới Tây Nam đã gọi tên ông ra trận một lần nữa.

Hay tin Nguyễn Chí Trung sắp lên đường sang Campuchia, Nguyễn Bảo góp ý: “Anh lần lộn hai cuộc chiến tranh rồi, giờ là lúc anh xin nghỉ để “tiêu hóa” những gì mà anh tích góp mấy mươi năm. Chắc cấp trên cũng sẽ đồng ý thôi mà”. Nguyễn Chí Trung từ tốn: “Trên đã gọi tên mình chắc là “bí” người lắm rồi. Mình phải chấp hành thôi”. Và ông đã sang Campuchia với tư cách là cố vấn quân sự cấp cao, vừa

phiên dịch tiếng Campuchia vừa “phiên dịch” luôn cả những vấn đề về chiến lược!

Cuộc chiến tranh 10 năm bên đất nước Chùa Tháp đã lấp đi thiên chức nhà văn của Nguyễn Chí Trung. Mười năm tiếp theo, ông lại sa vào sự vụ rồi làm Trợ lý Tổng Bí thư nên “nàng Út” của ông vẫn luôn ở dạng phác thảo. Đầu năm 2000, vừa thôi làm Trợ lý cho Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Nguyễn Chí Trung lập tức quay lại Quảng Ngãi, chiến trường mà gần như suốt cuộc chiến

tranh chống Mỹ, dấu chân của ông in lên không sót một địa danh nào.

Nguyễn Chí Trung từng nổi tiếng với truyện ngắn “Bức thư làng Mực” năm 1964 nhưng văn chương không phải là điều thôi thúc ông phải ăn thua đủ với nó như một số nhà văn khác. Với ông, vai trò “người lính” mới là điều ông ưu tiên trước hết. “Phải đánh giặc đã rồi viết văn sau”, có lần ông đã nói với tôi như vậy khi tôi thắc mắc rằng với ký ức về trận đánh Ba Gia lịch sử cùng trận lụt năm Thìn trước đó mà ông với tư cách là người trong cuộc thì tại sao ông không viết một cuốn tiểu thuyết “để đời”?

Nhưng cũng chính vì đóng vai trò của một người lính nên Nguyễn Chí Trung luôn có mặt tại những điểm nóng nhất của cuộc chiến tranh. Và ông lấy nhân dân làm bầu không khí để ông hít thở và hâm nóng trái tim đầy nhiệt huyết của mình.

Có dịp đi cùng ông về lại chiến trường xưa, từ Tịnh Minh huyện Sơn Tịnh đến xóm Mù U xã Đức Minh huyện Mộ Đức rồi Sa Huỳnh xã Phổ Thạnh huyện Đức Phổ... chứng kiến người dân đã “tay bắt mặt mừng” dù cách trở đã mấy mươi năm giờ mới gặp lại nhau, đủ để thấy tấm lòng của dân đối với nhà văn, đủ thấy cách hành xử của nhà văn với

những người đã từng cứu mạng mình như thế nào. “Nàng Út” chẳng là một “điển hình” nào cả. “Nàng” chính là nhân dân mà Nguyễn Chí Trung rất mực yêu mến để suốt đời ông gắn bó và sống chết với “nàng”.

Hôm ông trao cho cha con tôi tập tiểu thuyết ấy với lời đề tặng rất mực mến thương, dặn: “Hai bố con về đọc nhé”. Một tuần sau, ông lại “kiểm tra” lời dặn. Đứa con gái 10 tuổi của tôi khi ấy, cháu nói với ông rất hồn nhiên: “Cháu đọc xong rồi ông. Mà cháu chẳng thấy nàng Út khóc gì cả!”. Ông cười phá lên: “Thì ông khóc vậy!”. Nhà văn quay sang tôi: “Nhân dân khóc là nàng Út khóc đấy. Bốn năm ròng rã từ 1954-1959 cả miền Nam như một nhà tù, luôn bị bố ráp, không “khóc” sao được!”.

Dựng dậy cả một giai đoạn đau thương của đất nước, Nguyễn Chí Trung đã gửi gắm vào đó biết bao yêu thương và cả sự cảm phục về tinh thần bất khuất của nhân dân Trà Bồng nói riêng và Quảng Ngãi cũng như cả miền Nam nói chung.

Để có được hàng trăm trang sách với bàng bạc nỗi đau cùng sự hy sinh và tinh thần quật khởi, Nguyễn Chí Trung đã đánh đổi cả tuổi thanh xuân của mình cho miền quê núi Ấn sông Trà. Ông là nhà văn của nhân dân với đầy đủ ý nghĩa cao đẹp nhất của từ này♦

Cây xanh chờ mãi cơn mưa rào rất lạ

○ HỒ THẾ HÀ

Tôi thích mình là một cái cây

*“rồi trong mơ ta hoá thành cây
cây nho nhỏ lá cành gầy
đi lang thang trong thành phố hừng đông
khe khẽ rung như một chiếc chuông con”*

một cái cây sống
nhỏ to không quan trọng
một cái cây
không bị ai bán đứng
dù cổ thụ hay tơ non
một cái cây trầm ngâm
nói chuyện gì không ai nghe rõ
bạn bè quanh năm gió
cười một mình xanh chút nắng chút mây

tôi ước mình là một cái cây
thì thoảng có chim tới hót
con chim sâu bé bỏng nhảy nhót
chẳng cần biết thế giới ra sao
một cái cây xanh đến từng xác lá
buổi sớm toả dưỡng khí
ban đêm hứng ánh trăng
một cái cây lang thang
dù đứng im một chỗ

những ngày rồi qua những ngày rồi xa
cái cây rung khẽ từng chiếc lá
chúng ta là ai chúng ta về đâu
chờ mãi cơn mưa rào rất lạ

nắng gay gắt cứ như cái gắt
cây lá nhỏ nép mình chật vật
chúng ta là ai xanh được bao lâu
lặng im lá vàng rơi chạm đất. (THANH THẢO)



Nhà thơ THANH THẢO

Thanh Thảo là nhà thơ viết nhiều về thiên nhiên, viết rất hay và rất triết lý. Anh bám vào thiên nhiên, hiểu thiên nhiên để bắt ngờ phát hiện ra sự sống của con người. Anh nhiều lần muốn/thích mình là một cái cây để được tự do hít thở khí trời, tự do xanh và giao tranh cùng với gió, tự do sinh sôi bén rễ: *“Như cây xanh / Nổi cayo đắng đậm chồi, toả rễ”* (Ốc đảo). Anh muốn im lặng, trầm ngâm *“đặt tay vào cành cây tin cậy”* để thấy *“Những chồi cây sung sướng / chọc thẳng lên trời”*. Bài thơ *Tôi thích mình là một cái cây* minh chứng cho nhận định trên.

Cây có đời sống hiên ngang, thanh thản cùng đất trời. Dù nhỏ hay to, cổ thụ hay non tơ, cây bốn mùa bạn bè, xạc xào cùng gió bão. Cây tự thoai với mình, cười cùn đất đai và trời xanh cao rộng, lãng mạn cùng mây bay:

*một cái cây sống
nhỏ to không quan trọng
một cái cây
không bị ai bán đứng
dù cổ thụ hay tơ non
một cái cây trầm ngâm
nói chuyện gì không ai nghe rõ
bạn bè quanh năm gió
cười một mình xanh chút nắng
chút mây*

Thanh Thảo đã nhân hoá, khẳng định sự sống và tư cách của đời cây như thế. Thầm lặng nhưng tràn đầy năng lượng. Cây toả bóng sum suê cho chim về ríu rít, chuyện cành, ca hát trong thế giới xanh dịu mát. Và nhà thơ ước mình được làm cái cây như thế. Một cái cây vô ưu, bình thản mà vững chãi đến mênh mang:

*tôi ước mình là một cái cây
thì thoảng có chim tới hót
con chim sâu bé bỏng nhảy nhót
chẳng cần biết thế giới ra sao*

Nhà thơ luôn suy tư, chiêm nghiệm đời mình trong đối sánh với đời cây. Cây cũng như con người, luôn va chạm sinh thành, tiếp nhận và toả phát, âu lo và chờ đợi để cuối cùng chạm vào trái tim thổn thức, anh rung mình nhận ra sự sống kỳ diệu của chính mình và cây xanh như có lần anh đã xác tín:

*Xanh rất xanh một ngày tất cả
cây bừng trên mặt đất
những tim tôi không một mỗi
cả đời anh
là vươn tới màu xanh này rất thật*

*báo trước cơn mưa từ một
thoáng rung cành*

Vậy nên khổ thơ tiếp theo là một đúc kết đồng dạng với khổ thơ trên về sự tồn tại có ích của đời cây; cây tự do lang thang trên mặt đất, dù dưới mắt nhìn của con người, cây vẫn một chỗ đứng yên. Cây tràn trên mặt đất, xanh bạt ngàn mướt mắt chúng ta:

*một cái cây xanh đến từng xác lá
buổi sớm toả dương khi
ban đêm hứng ánh trăng
một cái cây lang thang
dù đứng im một chỗ*

Cây cũng như người, từ non tơ đến cõi già, cây rung lá rụng. Trong dư âm buồn xa, dư âm thời gian có tiếng vọng của từng chồi biếc. Tác giả đã chờ mãi những ngày qua, những ngày xa một cơn mưa rào rất lạ để làm tươi xanh cây lá, sưởi mát hồn mình:

*những ngày rồi qua những
ngày rồi xa*

*cái cây rung khê từng chiếc lá
chúng ta là ai chúng ta về đâu
chờ mãi cơn mưa rào rất lạ*

Vậy mà cây phải trải qua bao ngày nắng gắt, từng chiếc lá phải nường tựa, núp vào nhau để qua cơn cái gắt. Những chiếc lá xanh rồi cũng đến lúc úa vàng, khê rơi nghiêng lìa cành. Những chiếc lá dánh trái tím dẫu im lìm xếp thành xác xác thời gian trong lòng đất, chúng vẫn có ký ức của mình. Không có sinh vật nào sống mãnh

liệt, nhân ái và bất tử như cây, luôn quang hợp và diệp lục cho mình, cho đời:

*nắng gay gắt cứ như cái gắt
cây lá nhỏ nép mình chậ vật
chúng ta là ai xanh được bao lâu
lặng im lá vàng rơi chạm đất*

Chạm đất là chạm vào nguồn cội. Đất là cổ mẫu mộng mơ, sinh sôi cho mọi ước nguyện được tái sinh mầu nhiệm. Những xác lá sẽ gửi tình lên xanh biếc. Thanh Thảo đã dự cảm rằng: “Một ngày nào đó / cây xanh chia cho anh chiếc lá” (Thông điệp). Về một cạnh khía ý nghĩa triết mỹ nào đó, cây làm cho cuộc sống và con người tương sinh tương hợp, nối dài khát vọng vĩnh cửu hoá cuộc sống ngắn ngủi của hiện sinh đời người.

Với tình yêu và ước nguyện được hoà nhập vào thiên nhiên, Thanh Thảo đã tôn vinh và khẳng định sự bất tử của cây. Bài thơ *Tôi thích mình là một cái cây* là một triết mỹ về cái đẹp và cái khôn ngoan, cao cả của con người mà nhân danh một nhà thơ, anh đã nói hộ chúng ta. Những gì đã qua, đã xa, những gì dễ quên, dễ nhớ sẽ “*tụ về bộ nhớ cây xanh*” (Thu cảm). Thanh Thảo đã tin yêu và thích làm một cái cây, nhập vào cây, lắng nghe dư âm/ tiếng vọng của cây để tâm hồn mình luôn tươi non, xanh biếc: “*rồi trong mơ ta hoá thành cây*”: Tự do và Trường cửu♦

○ TRẦN THU HÀ

Neo

Neo vào con chút nắng quê
Trời xanh thăm thẳm đường về thên thang
Qua mùa lúa chín rộn ràng
Ruộng khô chân rạ cò sang bên đôi

Neo vào con chút bồi hồi
Nhấp nhô nón trắng ai ngồi bờ cong
Thăm mơ lúa trở đồng đồng
Thăm mơ mùa gặt đầy nong hạt vàng

Neo vào con chút mênh mang
Hương cau đưa cả ngày sang bến đời
Cánh bằng lẳng tím buông lơ
Dáng quê mảnh dễ tươi ngời trong con...

○ MAI MỘNG TƯỜNG

Khi không còn

Khi không còn mộng còn mơ
Thì còn một chút ngẩn ngơ cuối chiều
Trưa hè
Gió thổi hiu hiu
Tiếng ve rộn rã
Gọi diều bay lên
Khi không còn biết gọi tên
Thì bao kỷ ức bỗng bênh trong mơ..
Mang về
Thả hết vào thơ
Dồn bao hồn cốt
Dại khờ đem chôn
Khi không còn của hồi môn
Thì còn nguyên vẹn... Nửa hồn thương đau.



○ NGUYỄN NGỌC HÙNG

Rực sắc hoa vàng

Thoạt kỳ thủy là mấy bông cúc đại
Cô gái nào đặt lên mộ vô danh
Nơi anh chót tuổi xuân mình ở đó
Hạt hoa vàng lặng lẽ bật mầm xanh.

Thấm máu anh đất ngả màu nâu đỏ
Đắm ân tình cây kết nụ đơm hoa
Ở những mặt trời tí hon bung nở
Rực cháy lên trong nắng gió chan hòa.

Khói lửa đạn bom rồi cũng tan nhòa
Bao hài cốt đã quy đài liệt sĩ
Không chỉ khoảnh rừng nơi anh yên nghỉ
Khắp Trường Sơn đâu cũng rực sắc vàng...

Như lời ru, như tiếng hát dịu dàng
Tâm huyết người đi gửi người ở lại
Dù năm tháng có lạnh lùng xâm hại
Chớ để lụi tàn ân nghĩa và hoa!

○ HÀ HƯƠNG SƠN

Ngày em xa phố

ngồi trong quán Lốc
nỗi nhớ đổ dồn trên từng thớ thịt
người con gái tuổi đâm hồn tôi một mùa thu
dịu dàng, dữ dội
như trong bình yên thấm nhói đau

Phố Cổ mình tôi
bóng chiều rơi trên mái ngói
mộng mơ hóa thành vết tích
em ở phương trời nào nắng có còn thu

chúng mình yêu nhau trong nỗi buồn của ngàn năm
Phố Cổ
biết nói gì khi mùa thu im lặng thế
biết nói gì khi mái ngói đã rêu phong
biết nói gì khi em không còn bên tôi nữa

giọng nói em thật đẹp
tôi hứng trọn giọt lòng em thánh thót
bóng đã chiều
em đã xa xôi

Phố Cổ em xa rồi
mùi em lưu cữu
ngàn năm rêu phong in dấu một cuộc tình...

○ NGUYỄN HOÀI ÂN

Đề một lần ta biết...!

Ta trả về dòng sông ký ức
Tháng năm trời vấp những lưng chừng
Khóm tre già rù rì trên ngọn gió
Dòng sông thông thả chân quê.

Dẫu vẫn biết mùa xuân không ở lại
Và nắng sang khóa lấp những rong tình
Cơn mưa nhỏ giữa ngày vội vã
Uớt niềm thương đọng những tơ vương.

Chấp nhật giấc mơ trong miên trường
Cơn mê ngộ vây đời bên ảo ảnh
Ta vẫn ngỡ đời là những vạt rêu xanh
Để một lần mới biết là đá cuội.

Ai gọi tên giữa niềm thao thức
Trên áng mây phủ lấp bụi xa mờ
Vẫn đứng chờ, con đường xưa lập dị
Ngọn cỏ trời uống lấy một vầng dương.

Cuộc sống là dòng chảy vô thường
Như lá mùa thu lặng ngắt
Bản tình ca đêm dài im bật
Đốt lửa lòng soi những rong rêu...



○ PHAN BÁ TRÌNH

Mẹ quê

Con về đếm cuộc vuông tròn
Chân chim ngày cũ vệt mòn lối xưa
Âu ơ theo nhịp võng đưa
Giọt thương giọt nhớ như mưa trong lòng

Mắt mờ bên cửa đợi mong
Bờ nghiêng giậu đỏ mẹ hong nắng chiều
Vần than cơm tấm đầy niêu
Lửa hồng réo rắt quanh siêu nước chè

Lắc lư hoa nắng đầu hè
Vọng xa đôi tiếng tắc kè đùa nhau
Khoảng sân ngào ngạt hương cau
Cuối mùa đỏ mắt dây trầu lá lương

Con về chín bói niềm thương
Tóc xanh năm tháng gió sương bạc màu
Cuộc đời lặn lội nông sâu
Cánh cò công nắng dải dầu mẹ ơi!



○ VÕ THANH KỲ

Về Sa Huỳnh, xoa tóc nhé em!

Về Sa Huỳnh, em hãy lắng nghe!
Lời thùy dương tự tình với gió
Nắng phai, biển thì thâm hờn dỗi
Nhuộm lòng mình xanh thắm, mênh mang.

Về Sa Huỳnh, chậm bước nhé em!
Để chân thon mơ màng trên cát
Nhạc sóng lả lơi ru êm ghềnh đá hát
Thủ thỉ lời yêu ấp ủ bao ngày.

Về Sa Huỳnh, xoa tóc nhé em!
Để anh hóa thân thành cơn gió
Thổi tung bay tóc huyền óng ả
Chiều nhạt nhòa trước biển và em.

Xa Sa Huỳnh, em hỡi đừng quên!
Gã trai làng vờn khơi buông lưới
Cá trùng dương theo thuyền về bến
Để biển với bờ mãi mãi gần nhau.

○ NGUYỄN XUÂN DŨNG

Thơ 123

1. Nỗi sợ hãi đâu phải cứ đến từ bên ngoài

Nhiều khi từ bên trong
Từ trái tim khối óc vốn quá nhỏ bé của mình

Chỉ chiếc lá cuối thu chao nghiêng cũng làm anh hoảng hốt
Một câu nói xấu sau lưng chôn chọt chiều cũng làm anh buồn
Sao có được Tự Do khi anh luôn đặt mình trong sợ hãi!

2. Gió lang thang xuyên không gian xuyên thời gian

Kể thế nhân nghe những câu chuyện vui buồn đời gió
Những câu chuyện nối dài theo năm tháng

Anh quần quanh trong phận đời chật hẹp
So tính thiệt hơn biết kể gì?
Đến khi về đất.

3. Hiểm họa vô hình giăng mắc từ mọi phía

Rình rập loài người trong cuộc mưu sinh
Những nụ cười chưa kịp vui vụt tắt

Những cánh đồng hóa thành sa mạc
Những dòng sông quằn quại phơi mình
Và em và tôi - thuộc thế giới những người thiên cổ.

○ HOÀNG THỤY ANH

Tôi

những ký tự chưa bao giờ ngừng nở
trên mỗi cánh
một sợi tóc nằm
hai sợi tóc nằm
và nhiều sợi tóc nằm
đổ xuống nền thời gian
phơi hết thấy những điều vắng mặt
kể cả thanh âm của tình yêu
đã tan từ lâu

em phác thảo cơn mưa ngoài kia
ở trong đó
anh vẫn lật giở giấc mơ
vân vê hơi thở
bên nỗi buồn âm ỉ
có giọt nước mắt
vừa ngân lên

giữa thể xác & linh hồn ký tự
em zoom bản thể anh
anh zoom bản thể em
mộng thật lâu
mộng thật bền
cho tôi nối liền tôi

nếu em mệt mỏi
hãy ngủ trong ý tưởng của anh
nhàn rồi thơm tho
như vừa bước ra từ tiệm spa nào đó.



○ TRẦN CAO DUYÊN

Một nửa và nguyên vẹn

(Tặng Làng du lịch cổ Gò Cỏ)

Rất nhiều dấu xưa trên những con đường thô mộc
Bất ngờ đá bất ngờ hoa và bất ngờ em
Trời mây biển sóng quá đổi thân quen mà thấy lạ
Nên phút đầu không nhận ra em

Giếng xưa giếng xưa
Mấy nghìn năm soi mặt em hôm nay trăng mười tám
Giếng cổ xanh nguyên niêm riêng
Soi em duyên ngày mới lớn
Con chuồn chuồn ném bóng mình xuống nước
Mong manh thôi mà gợn bao nhiêu vòng thời gian

Từ nơi này và bây giờ em không nghĩ đá vô tri
Đá trầm mặc, hồn nhiên, vô ngôn mà đa cảm
Thấy trong đá dáng hình của điệp trùng năm tháng
Đá ôm ấp cây, nâng niu những nếp nhà, đá la cà đầu ngõ
Không thể không hát thầm “hỏi đá xanh rêu...”

Câu huê tình nhật ở đầu thôn
Đi đến cuối thôn còn ngân nga luyến láy
Khúc dân ca ngọt từ ngọn dừa ngọt xuống
Mặn từ gốc dừa mặn lên

Em gì ơi
Em then thùng cúi mặt giấu tên
Thôi thì cứ gọi em là người em Gò Cỏ
Có ai như tôi không – mới nửa lần qua đó
Đã nghe lòng nguyên vẹn một tình yêu.

Cái mũi thứ hai

○ Truyện ngắn YASHPAL (ẤN ĐỘ)
TRẦN NGỌC HỒ TRƯỜNG dịch

Khi cha của Jabbar nhận thấy có những dấu hiệu đầu tiên của tuổi thanh niên trong con trai ông, ông đã nghĩ tới chuyện cưới vợ cho anh ta và chọn một cô gái làng bên cạnh làm con dâu tương lai. Nhưng trong khi đó, Jabbar đã nhìn thấy Hasba, con gái ông Shabbu kéo nước ở giếng làng và anh ta đã dành trọn trái tim cho chị.

Có một câu chuyện cổ kể rằng, một hoàng tử nhìn thấy một sợi tóc vàng trôi trên sông. Đầu óc hoàng tử quẩn quanh với ý nghĩ cô gái nào là chủ sở hữu của sợi tóc xinh đẹp đó. Chàng cuộn mình trong tháp ngà, luôn mơ về nàng và nhịn đói rồi chết. Điều tương tự cũng xảy ra với Jabbar. Anh ta không nói rõ vì sao mình bồn chồn nhưng ánh mắt bơ phờ, ngây dại của anh ta đã nói ra câu chuyện.

Thấy con trai khốn khổ, cha mẹ Jabbar bàn bạc với nhau và

kín đáo gợi cho anh ta biết rằng ngày anh ta lấy vợ sẽ không còn xa. Họ nói với anh ta là không có cô gái nào ở các làng lân cận sánh được với Jahunna, con gái ông Shamsul. Cô ấy trẻ trung và khỏe mạnh. Khi cô đội vò nước trên đầu bước đi với những bước chân vững chãi, đất rung chuyển dưới chân cô. Nhờ thành thạo và siêng năng trong việc nhà, cô ấy sẽ là tài sản của gia đình, sẽ giúp đỡ dần cho bà mẹ già của Jabbar. Nhưng Jabbar lạnh lùng với những mong muốn của cha mẹ. Anh ta nằm trên giường suy tư, thi thoảng thở dài.

Một ngày kia, mẹ Jabbar khóc, van anh ta nói cho bà biết những ưu phiền của mình. Anh ta nói mình ghê tởm cái tên Jahunna. “Hoặc là Hasba hoặc không bao giờ lấy vợ”.

Cha mẹ Jabbar cố nói cho anh ta biết điều hay lẽ phải. Họ rĩ tai anh ta về chuyện hôn nhân, ca ngợi Jahunna và chê bai Shabbu.



Minh họa: NGỌC BÌNH

Tại sao anh ta không hiểu rằng sự si mê và hôn nhân mù quáng luôn đem tới ưu phiền cho gia đình? Họ đem hết lời lẽ, viện dẫn đủ loại thơ văn mà họ biết để nói cho anh ta hiểu nhưng chẳng ăn thua gì. Anh ta vẫn khẳng khái theo ý của mình.

Cuối cùng, thấy phải chịu thua sự cứng cổ, ương ngạnh của Jabbar, lão Gaffar ngày nọ quyết định nói chuyện với Hasba. Khi trở về, mặt ông đỏ bừng vì giận dữ.

Mẹ Jabbar đang ở ngoài sân cho lạc đà ăn lá jejube. Bà chạy tới. Với vẻ ngoài không quan tâm,

Jabbar nghe kết quả của cuộc gặp của bố anh ta.

Lão già rất giận dữ nhưng mẹ Jabbar vì muốn che chở cho đứa con trai ương bướng khỏi sự giận dữ của ông bố, lấy tay đặt lên mũi, ôn tồn nói với chồng: “Nào ông, đừng giận”, bà nói, “nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra”.

“Điều xằng bậy nào đã xảy ra à?”, lão Gaffar nói, thất vọng vung cánh tay lên. “Bà chờ gì ở đứa con trai vô dụng. Tôi đã bị xúc phạm trầm trọng”.

“Ông không nói cho tôi biết chuyện gì xảy ra mà cứ bực dọc như thế?”, người phụ nữ già nói,

miệng lẩm nhẩm một câu kinh cầu mong làm người bớt sự bức bối của chồng.

“Nếu nó nghĩ nó quý giá thì nó nên được để ra trong những gia đình quý phái”, lão Gaffar nói giận dữ. “Bà có biết con Hasba nói gì không? Bà có biết cha nó không mời tôi ngồi không? Ông ta nhìn tôi lạnh nhạt nói: “Đừng có nghĩ tới Shabbu này. Con gái tôi, muốn cưới, phải mất 250 rupee, trọn gói là 250 rupee. Đó là điều tôi muốn nói với bất cứ ai muốn cưới con gái tôi”.

“250 rupee!”, hai con người của người phụ nữ già giãn ra, nhãn cầu biến mất trong hố mắt.

“Tóc bà giờ đã bạc”, lão Gaffar nói”, nhưng bà có bao giờ nghe nói tới một tin vệt như thế không? Ông ta nói liền thoáng cái giá đó. Sao, đó là cả một gia tài. Ông Shamsul, bà biết đó, chỉ đòi cho con Jahunna có 80 rupee rồi giảm xuống sáu chục. Ủ, con gái ông Shabbu có mắc mớ gì? Nó như đực rựa, vậy mà nó lại được cha nó đòi tới 250 rupee. Bà đã thấy nhiều chuyện trên đời. Nào, nói cho tôi biết là có sao không khi con Jahunna hơi đen hơn người ta một chút? Trắng hay đen thì con gái vẫn là con gái. Chỉ mới sáu tháng trước tôi đã bỏ ra 50 rupee để mua cho con trai bà một cây súng. Tôi phải bán một con lạc đà để có khoản đó. Bà hỏi nó thử cả đời nó có kiếm được 250 rupee không? Bà thấy đó, nó mơ như con vua mơ. Bà đã sống đời rồi

đó, nói cho tôi nghe có thấy ai đòi 250 rupee cho một cô gái không? Sao, 250 rupee có thể mua được một chiếc du thuyền!”.

Jabbar nghe và thở dài, quay mặt vào tường.

Lão Gaffar và vợ không thể nào chịu nổi khi thấy đứa con trai duy nhất của họ ngày càng tiêu tụy trước mắt họ.

Lão già nói, “Tôi như trái chín cây, không biết rụng lúc nào. Dù gì thì tôi cũng phải dành dụm để nó được sống đầy đủ. Hai con lạc đà là phương tiện sống, nếu bán đi thì, nó sẽ thành culi không nhà cửa, đi đào đá bên đường để kiếm ăn. Thiên hạ sẽ cười nó, nói rằng, “Kia là thằng con ông Gaffar, một đứa culi!”. Ủ, nếu số nó là vậy thì tôi biết làm sao. Tôi không sống đời. Tôi sẽ không có ở đó để nghe người ta cười cợt nó”.

Cuối cùng, lão Gaffar bán hai con lạc đà ở chợ Bannu và Shabbu về làm vợ Jabbar.

Shabbu thường nghĩ về chị. Chị nói luôn về việc làm thế nào mà cha Jabbar có thể kiếm được 250 rupee để đưa chị về làm dâu. Khi ra giếng xách nước chị nhún nhảy trở về, đội chỉ nửa vò nước. Meeran, hàng xóm của chị, cảnh báo chị rằng đừng quá kiêu sa. “Đàn ông không cần những con búp bê ươn ẹo”, cô ấy nói. “Họ cần những phụ nữ siêng năng. Ngày nào đó, chồng mày sẽ đánh mày nếu cái hông mày cứ “lắc lẻo””.

“A! mày quên rồi sao!”, Shabbu đưa ngón tay cái lên trời, lắc lắc

và trợn mắt như thể hai con mắt sắp vọt ra đung tới tai. “Cha tao bảo sẽ không cho những thằng đó đếm được tới mười nếu nó có thú vui đánh tao!”.

Shabbu quả thật chưng diện, thích quần áo đẹp. Chị mặc áo chèn nhung đen, có ba hàng nút xà cừ ở các đường nối. Chị duỗi tóc hai lần một tháng, chùi dầu lên và mỗi khi ra khỏi nhà, chị đều xoa chất dưỡng ẩm lên tóc.

Mẹ Jabbar bắt lực nhìn con dâu diện. “Nó có ích gì cho tôi?”, bà cần nhằn với hàng xóm, co mũi lại. “Nó chỉ là một con búp bê giá cao, không lúc nào là không diện”.

“Mày không còn là con trai tao nữa”, lão già nói với Jabbar. “Nếu mày không làm lụng thì lấy gì sống? Mày cứ làng xàng ở nhà là không nên. Chúng ta có hai con lạc đà làm phương tiện sống nhưng đã phải bán. Mày chờ tao, một ông già, phải đi xa xứ, làm lụng như culi còn mày ở nhà chẳng làm gì à?”.

Jabbar phân vân rồi một ngày kia đến Bannu tìm việc làm. Lòng dạ anh ta vẫn còn để lại làng mình. Không tuần nào Jabbar không mong ước được về với Shabbu. Một đêm nọ, không chịu nổi việc cách xa, anh ta lên đường trở về nhà. Sau khi lê bước 16 dặm và vừa nhìn thấy những mái nhà quanh đồi của làng mình hiện ra trong những tia nắng bình minh đầu tiên, anh ta đột ngột dừng lại. Hàng xóm sẽ nhếch mép cười

anh ta vì anh ta nôn nóng muốn gặp vợ? Ý nghĩ đó như cái cùm cùm chân anh ta. Ngồi trên một bờ đá gần làng, anh ta ngóng về phía cửa nhà mình, mong được thấy Shabbu đi ra để đội nước ở con suối. Nếu may mắn, anh ta sẽ được nói vài lời với vợ rồi trở lại Bannu mà không có ai thấy.

Vâng, Shabbu đến nhưng không phải một mình. Có hai cô gái khác đi với chị. Nấp sau một tảng đá, anh ta nhìn chị với đôi mắt thèm khát, tim húng khởi đập. Nhưng anh ta chẳng dám nói gì với chị. Các bạn của cô ấy nói gì? Shabbu cười, đùa cợt rồi đi về theo đường cũ, eo lắc lư. Chán nản, Jabbar lê bước trở lại Bannu.

Đầu óc anh ta đầy những ghen tuông. Anh ta thấy bị tổn thương khi nghĩ rằng trong khi mình đầu tắt mặt tối ở một thị trấn khó chịu thì cô ấy nhàn nhã trong làng, như thể anh ta không là gì cả đối với chị. Anh ta cho rằng bội bạc là đặc tính của đàn bà.

Chỉ một tuần sau, Jabbar lại ao ước được về gặp vợ và nếu có thể, ôm cô ấy, tìm một nụ hôn của cô. Anh ta đi suốt đêm và vào lúc bình minh, anh ta thấy mình đang lớn vồn cạnh con suối. Lần này Shabbu cũng không đi một mình. Bởi tràn ngập những hồ hởi của tuổi thanh xuân nên chị đi với ba người phụ nữ hàng xóm khác. Ẩn mình sau một tảng đá, Jabbar vênh tai nghe họ trò chuyện.

“Mày quyến rũ quá!”, cô Meeran,

hàng xóm của Shabbu cầm cầm của chị nói. “Hèn gì bọn trai trong xóm luôn nói về mày”.

Gương mặt Shabbu tự hào sáng lên. Chị đội vò nước đi về.

Tim Jabbar tê cứng như có một hòn đá to va vào. Đầu anh ta bỗng nảy ra những ý nghĩ mới, đầy những nghi ngờ mù quáng.

Có nhiều gã trai trong làng mà nghề nghiệp duy nhất là đi bày trò ve vãn, giả như gã Rhaman và Abbas, con trai của quỷ, chúng có thể bày ra mọi chuyện. Nếu không có gì sai trái thì sao Meeran lại nói với Shabbu bằng giọng chọc ghẹo như thế? Tại sao Shabbu lại diện và đi lại hơn hớn? Có điều gì không bình thường nữa không? Vâng, y đã làm lụng quần quật và mong nhớ cô ta còn cô ta..., cô ta chả có ý gìn giữ cho y! Jabbar nuốt vào trong mối khổ tâm của mình.

Anh ta mơ hồ nhìn vào viễn cảnh của mình: Một kẻ lao động bần tiện như mình, chỉ kiếm được 8 anna một ngày, sẽ chẳng đi đến đâu. Ước vọng được trở về nhà làm anh ta chán nản. Một đêm nọ, bằng tất cả sự quyết tâm táo bạo, anh ta đột nhập vào một ngôi nhà và trộm cắp. Sau một tháng rưỡi, anh ta trở về nhà, trong túi có 350 rupee. Cha anh ta thấy an lòng: cuối cùng, con trai ông đã biết cách kiếm sống.

Như một vết chàm đen trên áo, không dễ giặt sạch, sự ngờ vực một khi đã ăn thâm vào đầu óc sẽ luôn dai dẳng làm tổn thương

anh ta.

“Cô vui vẻ khi tôi ở Bannu”, Jabbar nói với Shabbu.

Shabbu bị chạm tới chỗ nhạy cảm nhất. “Vui gì?”, chị chống chế. “Vui với ai?”.

“Nhiều người, Rahman và Abbas chẳng hạn. Nếu không, sao cô trang điểm khi ra suối? Tôi không biết sao?”.

“Tôi sẽ chết nếu tôi có liếc nhìn ai”, Shabbu nguyền. “Hay có ai đó đã nói xấu tôi?”.

“Có phải cô đã ra suối để khoe thân cô, khoe áo xống cô không?”, Jabbar nói, run lên vì giận dữ, “Ra để quyến dụ người khác bằng vẻ đẹp của cô”.

“Thì sao?”, Shabbu nói gay gắt. “Nếu có ai nhìn tôi thì tôi có tội sao?”.

“Cô chung diện nên người ta mới nhìn”.

Jabbar bắt đầu nhìn Shabbu bằng một con mắt. Thậm chí, thấy một người đàn ông đang đứng cách xa chị một trăm yard, anh ta cũng nghi ngờ rằng người kia có ý muốn chiếm dụng chị.

“Cô cười gì?”, một đêm nọ, Jabbar hỏi Shabbu. “Tôi thấy cô cười khi đi về nhà”.

“Ai nói tôi cười?”.

“Có, cô cười. Những người đứng đó làm gì? Họ không liếc cô sao?”.

“Làm sao tôi biết?”, chị nói, mặt kiêu sa ửng đỏ.

“Cô quá kiêu hãnh về nhan sắc của mình. Nè, tôi sẽ cắt mũi cô!”, Jabbar dọa.

“Mũi tôi có đáng giá bao nhiêu”, chị lạnh nhạt nói.

Đêm đó, Shabbu nhanh chóng chìm vào giấc ngủ nhưng Jabbar chẳng ngủ được.

“Nghe này”, anh ta thì thào nhưng không có câu trả lời.

Jabbar rất giận dữ. Một con vợ hư! Nó ngủ ngon lành còn mình thì trần qua trở lại, Jabbar thầm nghĩ. Thật vậy, vẻ đẹp trên gương mặt chị làm chị khá kiêu sa, làm cho bọn vô giáo dục trong làng phát điên. Người đàn ông có vợ bị người ta dòm ngó thì có còn chút giá trị nào không? Trong khi mình bê mặt thì kẻ khác lại nhìn vợ mình chòng chọc. Nhan sắc của cô ta có ý nghĩa gì với mình?

Những ý nghĩ đó vây hãm đầu óc anh ta trong đêm tối tịch mịch, làm anh ta thấy nặng nề, làm cho trí tưởng anh ta trở nên điên dại. Ban ngày có nhiều sự việc làm loãng đi sự căng thẳng của họ nhưng ban đêm lại không có gì để cản trở những ý nghĩ rồ dại.

Đối với Jabbar, nỗi điên tiết đã trở nên không thể chịu nổi vì nó dường như không kết thúc. Nó làm anh ta trở nên liều lĩnh. Anh ta rút ra con dao nhét dưới gối nằm. Trong bóng tối, anh ta đưa các ngón tay dò tìm cái mũi của Shabbu. Anh ta đã dò được. Với một nhát cắt, anh ta cắt đứt mũi chị và quẳng đi.

Shabbu thét lên. Bà mẹ Jabbar chạy tới. Đèn đất được thắp lên nhanh chóng. Hàng xóm nghe Shabbu thét, vội vã chạy đến xem

điều gì đã xảy ra. Lão Gaffar dùng dùng nổi giận trước sự tàn bạo của con trai trong khi hàng xóm thì dồn dập khuyên lơn người mẹ đang bối rối cách thức chữa trị vết thương. “Ô, ai đó đi lấy nhanh một miếng thịt cừu hoặc dê tươi đắp vào vết thương đi”, một người phụ nữ già thét, “Trễ là nó chết đó”, bà cảnh tỉnh.

“Biết tìm đâu thịt dê, thịt cừu giờ này? Nhà tôi thì không có”, bà mẹ đang hoảng hốt của Jabbar than.

“Đó, vậy là hết phước”, người phụ nữ già nhún vai. “Tôi đã chỉ cho phương thuốc rồi”.

Jabbar mù mịt đứng nhìn. Anh ta đã cắt mũi Shabbu để chị chỉ thuộc về một mình anh ta. Hành động đó có thể làm cô ta tử vong - ý nghĩ này làm anh ta hoảng hốt.

Anh ta có thể để cho Shabbu chết. Anh ta giờ liều lĩnh hơn bao giờ hết. Nếu đời cô ta phụ thuộc vào một miếng thịt tươi thì chẳng có việc gì phải lo. Anh ta cầm dao lên và trước khi mọi người biết anh ta sẽ làm gì thì anh ta xẻo một miếng thịt trên đùi mình và đắp vào mũi Shabbu. Cha mẹ anh ta đứng nhìn kinh hãi.

Nhiều ngày sau, Shabbu nằm trên giường rên rỉ trong khi Jabbar, với đùi được băng lại, ngồi ở đầu giường đuổi ruồi cho chị. Khuôn mặt chị ủ rũ và khó khăn lắm chị mới uống được một hớp nước. Sau đó chị bị sốt và khi tình trạng của chị không

cải thiện, Jabbar quyết định đưa chị đi bệnh viện ở Bannu. Một đêm nọ, khi cha mẹ anh ta đang ngủ, anh ta vác Shabbu trên vai và đi ra. Với tay chống gậy và với sức nặng trên vai, anh ta khập khiễng hướng về Bannu. Họ mất ba ngày mới tới được Bannu và hai mươi ngày nữa vết thương của Shabbu mới khô.

Mũi đã mất, Shabbu phải khọt khẹt thở bằng hai cái lỗ ở phía trên miệng và chị nói rọt rẹt bằng giọng mũi. Một ngày nọ, chị rên rỉ yếu ớt trong họng, “Vợ ông bác sĩ nói có thể thay cái mũi đã mất của tôi bằng một cái mũi cao su”.

Jabbar nhìn chị cảnh báo: “Cô vẫn đẹp. Cô cần cái mũi khác làm gì? Để dơ dáng với bọn ăn không ngồi rồi trong làng à?”.

Shabbu buồn bã khóc. Chị bỏ ăn bỏ uống. Jabbar thấy khó xử và thầm chửi vợ ông bác sĩ người Anh đã gieo vào đầu Shabbu cái ý tưởng quái gở là lắp một cái mũi khác cho chị. Anh ta đã liều lĩnh cắt mũi vợ còn giờ lại có kẻ đòi lắp cái khác.

Khi thấy Shabbu ba ngày ròng không ăn, không nói, Jabbar nguôi giận. Anh ta ngập ngừng chỉ ra 50 rupee giá của cái mũi cao su cho bệnh viện. Nhưng anh ta đã làm cho Shabbu phải nhận lấy lời nguyền của thánh Allah: Nếu cô ta thấy có ai đó nhìn cô ta, cô ta sẽ ngay lập tức ngắt cái mũi ra khỏi mặt cô ta và nhét nó vào túi áo♦

Dịch từ Best Indian Short Stories, Nxb. Harper Collins, 2003.

HỢP THU

Thời gian qua, Tạp chí Sông Trà đã nhận được sáng tác của các bạn sau đây:

Trần Cao Tánh, Phạm Dương, Nga Ri Vê, Nguyễn Ngọc Hưng, Xuân Dũng, Trần Thu Hà, Dương Thanh Hương, Phạm Văn Hoanh, Dương Thanh Hương, Trần Đức Sơn, Trịnh Bích Thủy, Nguyễn Hoài Ân, Võ Thanh Kỳ, Lê Văn Thuận, Hà Quảng, Hà Hương Sơn, Hoàng Thân, Phan Bá Trình, Thiên Hậu, Nguyễn Duy Phương, Nguyễn Mậu Chiến, Trần Công Nghị, Ngọc Nam, Tấn Thành (**Quảng Ngãi**); Phương Lưu, Lê Đức Tú, Đinh Đức Cần (**Hà Nội**); Bùi Việt Phương (**Hòa Bình**); Vũ Thị Vui (**Hưng Yên**); Vũ Thị Tuyết Nhung (**Thanh Hóa**); Hồ Ngọc Diệp, Hoàng Thụy Anh (**Quảng Bình**); Lê Thị Thu Thanh, Nguyễn Văn Thanh (**Quảng Trị**); Hồ Thế Hà, Phan Tuấn Anh (**TP. Huế**); Nguyễn Kim Huy, Mai Mộng Tường (**TP. Đà Nẵng**); Nguyễn Tam Mỹ, Lê Trường An (**Quảng Nam**); Lê Hứa Huyền Trân, Phạm Ánh (**Bình Định**); Nguyễn Thị Bích Nhân, Y Nguyên (**Phú Yên**); Trần Ngọc Hồ Trường, Hoàng Bích Hà (**Khánh Hòa**); Lê Hùng Tiến, Lê Thanh Hùng (**Ninh Thuận**); Nguyễn Đức Mậu, Võ Hoàng Minh (**Bình Thuận**); Tạ Văn Sỹ (**Kon Tum**); Lê Mộng Bảo, Lý Thị Minh Châu (**Lâm Đồng**); Lê Thành Văn (**Đắk Lắk**); Ngọc Thạch, Võ Thị Lệ Thủy (**Đắk Nông**); Lê Nguyên Ngữ, Nguyễn Thánh Ngã, Đặng Trung Thành, Lê Anh Phong (**TP. Hồ Chí Minh**); Quốc Nam (**Tây Ninh**); Nguyễn Giang San (**Đồng Tháp**); ...

Ban biên tập chân thành cảm ơn, mong sự cộng tác thường xuyên của các bạn.

Vì Người là Hồ Chí Minh

Thiết tha - Sâu lắng

Nhạc & lời: TRẦN CÔNG NGHỊ

Mãi mãi tên Người Hồ Chí Minh. Một vầng
 ...Người Hồ Chí Minh. Một tình
 dương sáng soi đường cách mạng. Một linh hồn một ngọn cờ chói
 yêu thiết tha và sâu thẳm. Một tâm...
 sáng đất dẫu dân tộc thẳng hướng vinh quang Mãi mãi tên...
 ...hồn thanh cao trong sáng. Cả cuộc đời thanh bạch chẳng vàng son.
 mãi mãi tên Người Hồ Chí Minh. Người là ánh
 Người Hồ Chí Minh Người là dòng
 sáng xua đêm đen tháng năm dài nô lệ. Vì Độc lập Tự
 sông mang yêu thương cháy trong lòng dân...
 do, vì hạnh phúc nhân dân, Người hy sinh tất cả Bốn ba xứ
 người, mong tìm đường giải phóng quê hương. Mãi mãi tên...
 ...lộc. Suốt cuộc đời quên mình cho Tổ quốc, vì
 Người là Hồ Chí Minh! vì Người là Hồ Chí Minh./

Ngóng vọng Hoàng Sa

Nhạc & lời: QUỐC NAM

Vừa phải - Ngợi ca - Trang trọng

The musical score is written on ten staves. It begins with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 6/8 time signature. The first staff includes a dynamic marking of *mf*. The lyrics are written below the notes. The score includes various musical notations such as eighth notes, quarter notes, half notes, and rests. There are also dynamic markings of *ff* and *mf* throughout the piece.

mf Mẹ đứng đó muôn trùng sóng gió, ôm đèn ngóng vọng Hoàng

Sa. Mẹ đứng đó trên đỉnh Thới Lới, thấp lửa ngóng vọng Hoàng

Sa. Lửa vĩnh cửu tưởng nhớ những người con hy sinh ngoài Hoàng

Sa. Lửa thấp sáng niềm tin hy vọng đời lại Hoàng

Sa. Ôi! Tổ quốc tôi vết thương chưa liền thịt da. Nghe sóng biển

Đồng thét gào làm tim ta nhói đau. Pa - ra cel Hoàng Sa ơi! Mẹ vẫn

đang ôm đèn ngóng vọng. Mười năm quân đau dưới gót

giày ngoại bang chiếm đóng. *ff* Pa - ra cel Hoàng Sa máu

xương ông cha đổ xuống thấm đỏ bãi cát vàng. Biển trời này của

mf ta! Hoàng Sa ơi Hoàng Sa! Hẹn ngày mai ta gặp lại./.

Trà Giang

Nhạc: NGỌC NAM

Thơ: BẢO CHÂU

Rock Ballad

The musical score is written in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a common time signature (C). It consists of ten staves of music. The lyrics are written below the notes. The score includes a variety of note values, rests, and dynamic markings. The lyrics are in Vietnamese and describe a scene of a river and a boat.

Ngọt ngào dòng nước trong ngàn xưa.
Dịu dàng từ phía nơi nguồn xa. Gió ùa về từng lời yêu
thương bến sông. Con nước xuôi chở đầy men say bóng quê.
Bến bờ ngóng chờ soi tình câu hò ngày tháng.
Những ngày đông về nước tràn đôi bờ cuộn sóng.
Sông khát khao đây với, mơ từng câu hát ru
Sông vẫn ôm tình yêu đi tìm câu hát ru
1. nghiêng bóng trắng tìm duyên neo đậu 2. Ở ơ ơ hồn quê
ơ nơi đâu. Trà Giang vọng mãi đôi bờ.
Trà Giang vọng mãi muôn đời./

Ký ức xanh

Nhạc: TẤN THÀNH

Phỏng thơ: THẢO NGUYỄN

The musical score is written in 2/4 time. It features a melody line with lyrics in Vietnamese. The score includes various musical notations such as treble clef, key signature (one sharp), time signature, and dynamic markings. There are also performance instructions like '1.' and '2.' indicating different endings or sections. The lyrics are written below the notes, with some words in italics. The score is divided into several systems, each containing a line of music and its corresponding lyrics.

Lặng lẽ bước chân đi qua từng con phố, chợt băng khuâng nhớ
...đi qua từng ngõ phố bụi thời gian lấp

về kỷ niệm xưa. Dĩ vãng đã xa con đường xưa như cồn in dấu,
đây kỷ niệm xưa. Ký ức chiến tranh đồng đội tôi bao người ngã...

dấu tích của chiến tranh như vết hằn thời gian. Lặng lẽ bước chân...

xuống, khoe mắt chợt cay khi ký ức trở về cùng thời gian. Vẫn còn

đó những con đường góc khuất, vẫn còn đây phố hè nơi chốt
...gian những con đường ngõ phố, xanh Trà Giang, Cẩm Thành, phố

chặn, những trận đánh làm quân thù khiếp vía, Với truyền thống của gương³ bao anh
Quảng, những mầm xanh mọc lên và kết trái. Với truyền thống của quê hương anh

hùng, là đồng đội tôi những chiến sĩ An ninh vượt qua bao gian
hùng của đồng đội tôi những chiến sĩ An...

nguy cho quê hương giải phóng. Xanh thời... ...ninh Xin tặng một đóa hồng cho

ký ức xanh. Xin tặng một đóa hồng cho ký ức xanh. Lặng lẽ bước chân

đi qua từng con phố, chợt băng khuâng nhớ kỷ niệm xưa./